

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG VĂN BÌNH (Chủ biên)

TRẦN THÚY NGÀ - LƯU NGỌC SINH - LÊ THỊ HIỀN - PHẠM NGỌC ĐỨC

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TOÁN

KỲ 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Hướng dẫn dạy học xóa mù chữ Toán Kỳ 2 là tài liệu tham khảo dành riêng cho giáo viên dạy học môn Toán trong Chương trình Xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 ban hành Chương trình Xóa mù chữ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung Tài liệu gồm ba phần:

- Phần 1. *Những vấn đề chung;*
- Phần 2. *Hướng dẫn thiết kế các bài học;*
- Phần 3. *Hướng dẫn cụ thể từng bài học.*

Tài liệu sẽ góp phần hỗ trợ các thầy/cô giáo có thêm tư liệu quý và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Chương trình Xóa mù chữ hiệu quả hơn.

Mặc dù đối tượng người học đa dạng, phương pháp dạy học phong phú, điều kiện tổ chức học tập khác nhau ở các vùng miền..., nhưng nhóm tác giả cố gắng đưa ra những hướng dẫn mang tính cốt lõi nhất, những gợi ý dạy học phù hợp nhất với ý tưởng thiết kế cho từng bài học trong **Tài liệu Học xóa mù chữ Toán Kỳ 2** dành cho học viên. Tuy nhiên, với sự đa dạng của phương pháp dạy học tích cực, điều kiện dạy học và sự sáng tạo dạy học của từng thầy/cô giáo, cuốn Tài liệu này có thể có một số bài học hướng dẫn chưa phù hợp tới tất cả các điều kiện dạy học ở các vùng miền. Nhưng, những hướng dẫn và gợi ý trong Tài liệu sẽ giúp các thầy cô gợi mở, sáng tạo trong dạy học.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành Tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo góp ý kiến để Tài liệu được hoàn chỉnh hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	1
BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7

Phần 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC	9
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	10
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC	13
IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	19
V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC	24

Phần 2 HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ CÁC BÀI HỌC

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	25
II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ 2	31
III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC	34
IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC XÓA MÙ CHỮ TOÁN KỲ 2	37

Phần 3 HƯỚNG DẪN CỤ THỂ TỪNG BÀI HỌC

Bài 1. ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	41
Bài 2. ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 ...	45
Bài 3. TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU	48
Bài 4. SỐ HẠNG, TỔNG. SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU	52
Bài 5. BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN. BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN	55
Bài 6. HÌNH TỨ GIÁC	59
Bài 7. ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, ĐƯỜNG GẤP KHÚC	62

Bài 8.	ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG, ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC	67
Bài 9.	GIỜ, PHÚT. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ	71
Bài 10.	NGÀY, THÁNG, NĂM. THỰC HÀNH XEM LỊCH	76
Bài 11.	PHÉP NHÂN. THỪA SỐ, TÍCH	81
Bài 12.	BẢNG NHÂN 2. BẢNG NHÂN 5	85
Bài 13.	BẢNG NHÂN 3. BẢNG NHÂN 4	89
Bài 14.	BẢNG NHÂN 6. BẢNG NHÂN 7	93
Bài 15.	BẢNG NHÂN 8. BẢNG NHÂN 9	98
Bài 16.	LUYỆN TẬP CHUNG	102
Bài 17.	PHÉP CHIA, SỐ BỊ CHIA, SỐ CHIA, THƯƠNG	106
Bài 18.	BẢNG CHIA 2. BẢNG CHIA 5	111
Bài 19.	BẢNG CHIA 3. BẢNG CHIA 4	115
Bài 20.	BẢNG CHIA 6. BẢNG CHIA 7	118
Bài 21.	BẢNG CHIA 8. BẢNG CHIA 9	121
Bài 22.	LUYỆN TẬP CHUNG	125
Bài 23.	KHOÍ TRỤY. KHOÍ CẦU	129
Bài 24.	ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN	132
Bài 25.	CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ	136
Bài 26.	SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ	140
Bài 27.	CỘNG TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC, TRÒN TRĂM TRONG PHẠM VI 1000	144
Bài 28.	ĐỀ-XI-MÉT, MI-LI-MÉT	147
Bài 29.	MÉT, KI-LÔ-MÉT	151
Bài 30.	KI-LÔ-GAM, GAM	155
Bài 31.	LÍT, MI-LI-LÍT	159
Bài 32.	PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	163
Bài 33.	PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	167
Bài 34.	PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	171
Bài 35.	PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	175
Bài 36.	LUYỆN TẬP CHUNG	179

Bài 37. TIỀN VIỆT NAM	182
Bài 38. THU THẬP, PHÂN LOẠI, KIỂM ĐẾM	187
Bài 39. BIỂU ĐỒ TRANH	190
Bài 40. CHẮC CHẮN, CÓ THỂ, KHÔNG THỂ	194
Bài 41. ÔN TẬP CỐI KỶ	197

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ cụ thể	Chữ được viết tắt
Giáo viên	GV
Học viên	HV
Tài liệu học	TLH
Xóa mù chữ	XMC

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Môn Toán nhằm giúp học viên (HV) đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1.1. Hình thành và phát triển năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1.2. Góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3. Có kiến thức, kỹ năng toán học phổ thông cơ bản, thiết yếu; phát triển khả năng giải quyết vấn đề có tính tích hợp liên môn giữa môn Toán và các môn học khác như: Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử - Địa lý, Tin học, Công nghệ...; tạo cơ hội để HV được trải nghiệm, áp dụng toán học vào thực tiễn.

1.4. Có hiểu biết tương đối tổng quát về sự hữu ích của toán học đối với từng ngành nghề liên quan nhằm có đủ năng lực tối thiểu để tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

2.2. Có những kiến thức và kỹ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

- Số và phép tính: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

- Hình học và Đo lường: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng).

- Thống kê và Xác suất: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

2.3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hỗ trợ HV có thêm những hiểu biết về một số nghề nghiệp trong xã hội. Bước đầu thấy được những hữu ích của toán học đối với công việc hằng ngày; tạo cơ hội để HV được kiểm nghiệm lại hoạt động thực tiễn trong đời sống với những kiến thức toán học thuần túy; tạo lập sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa toán học với thực tiễn, giữa toán học với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học trong Chương trình Xóa mù chữ (XMC) ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 ban hành Chương trình Xóa mù chữ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho HV năng lực toán học (biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán) bao gồm các thành phần cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Toán như sau:

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch. - Chỉ ra được chứng cứ, lý lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. - Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. - Nêu được chứng cứ, lý lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. - Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lý lẽ trước khi kết luận.
Năng lực mô hình hóa toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn. - Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. - Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. - Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. - Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. - Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. - Nêu được cách thức giải quyết vấn đề.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học tương thích (gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. - Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. - Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). - Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, ký hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác. - Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. - Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản. - Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin) phục vụ cho việc học toán. - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi). - Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc...) - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản. Sử dụng được máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống - Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

Nội dung môn Toán được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và phép tính; Hình học và Đo lường; Thống kê và Xác suất.

- Số và phép tính là cơ sở cho tất cả các nghiên cứu sâu hơn về toán học, nhằm hình thành những công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của toán học và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; tạo cho HV khả năng suy luận, suy diễn, góp phần phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học và hình thành khả năng sử dụng các thuật toán.

- Hình học và Đo lường là một trong những thành phần quan trọng của giáo dục toán học, rất cần thiết cho HV trong việc tiếp thu các kiến thức về không gian và phát triển các kỹ năng thực tế thiết yếu. Hình học và Đo lường hình thành những công cụ nhằm mô tả các đối tượng, thực thể của thế giới xung quanh; cung cấp cho HV kiến thức, kỹ năng toán học cơ bản về Hình học và Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng) tạo cho HV khả năng suy luận góp phần vào phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học, trí tưởng tượng không gian và tính trực giác. Đồng thời, Hình học còn góp phần giáo dục thẩm mỹ và nâng cao văn hóa toán học cho HV. Việc gắn kết Đo lường và Hình học sẽ tăng cường tính thực quan, thực tiễn của việc dạy học môn Toán.

- Thống kê và Xác suất là một thành phần bắt buộc của giáo dục toán học phổ thông, góp phần tăng cường tính ứng dụng và giá trị thiết thực của giáo dục toán học. Thống kê và Xác suất tạo cho HV khả năng nhận thức và phân tích các thông tin được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, hiểu bản chất xác suất của nhiều sự phụ thuộc trong thực tế, hình thành sự hiểu biết về vai trò của thống kê như là một nguồn thông tin quan trọng về mặt xã hội, biết áp dụng tư duy thống kê để phân tích dữ liệu. Từ đó, nâng cao sự hiểu biết và phương pháp nghiên cứu thế giới hiện đại cho HV.

1.2. Môn Toán được phân chia theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1 được chia làm 3 kỳ học, gồm: Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3; Giai đoạn 2 được chia làm 2 kỳ, gồm: Kỳ 4, Kỳ 5.

1.3. Chuyên đề học tập

Giai đoạn 2, HV được chọn hai trong ba chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm:

- Tăng cường một số ứng dụng của toán học trong một số vấn đề liên quan tới cuộc sống hằng ngày của HV như: giáo dục tài chính, thống kê trong đời sống...

- Củng cố thêm một số kiến thức và kỹ năng toán học khi vận dụng trong thực tiễn, công việc của HV.

- Tạo cơ hội cho HV nhận biết năng khiếu, sở thích, phát triển hứng thú và niềm tin trong học toán; phát triển năng lực toán học và năng lực tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Phân bố nội dung ở các kỳ (Ký hiệu “x” là các chủ đề được thực hiện và phân bố trong từng kỳ)

Các chủ đề	Kỳ				
	1	2	3	4	5
Số tự nhiên	x	x	x	x	x
Phân số				x	x
Số thập phân					x
Ước lượng và làm tròn số		x	x	x	x
Tỷ số. Tỷ số phần trăm					x
Biểu thức			x	x	x
Hình phẳng và hình khối trong thực tiễn	x	x	x	x	x
Độ dài	x	x	x	x	x
Số đo góc				x	
Chu vi. Diện tích			x	x	x
Dung tích. Thể tích		x	x		x
Khối lượng		x	x	x	
Nhiệt độ			x		
Thời gian	x	x	x	x	x
Vận tốc					x
Tiền tệ		x	x	x	x
Một số yếu tố thống kê		x	x	x	x
Một số yếu tố xác suất		x	x	x	x

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA KỲ 2

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	Số và cấu tạo số	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000. - Nhận biết được số tròn trăm. - Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số. - Thực hiện được việc viết số thành tổng của trăm, chục, đơn vị. - Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.
	So sánh các số	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000). - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).
	Ước lượng số đồ vật	Làm quen với việc ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục, 1 trăm.
Các phép tính với số tự nhiên	Phép cộng, phép trừ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000. - Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Phép nhân, phép chia	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, phép chia. - Nhận biết được các thành phần của phép nhân, phép chia. - Vận dụng được các bảng nhân, bảng chia 2, 3..., 9 trong thực hành tính.
	Tính nhẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 100. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường thẳng, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan. - Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật.
	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Nhận biết và thực hiện được việc gấp, cắt, ghép, xếp và tạo hình gắn với việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: kg (ki-lô-gam), gam (g); đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000 kg. - Nhận biết được đơn vị đo dung tích: l (lít); mi-li-lít (ml); đọc và viết được số đo dung tích trong phạm vi 1000 l. - Nhận biết được các đơn vị đo độ dài: dm (đề-xi-mét), m (mét), km (ki-lô-mét), mm (mi-li-mét) và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học. - Nhận biết được một ngày có 24 giờ, một giờ có 60 phút. - Nhận biết được số ngày trong tháng, số tháng trong năm. - Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền và bằng cách đọc số hoặc từ ghi trên mỗi đồng tiền (ví dụ: nhận biết tờ tiền năm trăm nghìn đồng bằng cách đọc từ “năm trăm nghìn đồng” ghi trên tờ tiền đó).
	Thực hành đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. - Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6, số 12.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, dung tích đã học. - Thực hiện được việc ước lượng các số đo trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: quãng đường từ nhà đến Ủy ban xã dài khoảng 3 km; con gà cân nặng khoảng 2 kg...).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các đoạn. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).
	Đọc biểu đồ tranh	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.
	Nhận xét về các số liệu trên biểu đồ tranh	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện	Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp dạy học môn Toán cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản

1.1. Hình thành, phát triển các phẩm chất

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp HV rèn luyện tính trung thực, tình yêu lao động, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập; bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú học tập, thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

1.2. Hình thành, phát triển các năng lực chung

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc rèn luyện cho người học biết cách lựa chọn mục tiêu, lập được kế hoạch học tập, hình thành cách tự học, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để có thể vận dụng vào các tình huống khác trong quá trình học các khái niệm, kiến thức và kỹ năng toán học cũng như khi thực hành, luyện tập hoặc tự lực giải toán, giải quyết các vấn đề có ý nghĩa toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép, diễn tả được các thông tin toán học cần thiết trong văn bản toán học; thông qua sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác, đồng thời thể hiện sự tự tin, tôn trọng người đối thoại khi mô tả, giải thích các nội dung, ý tưởng toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giúp HV nhận biết được tình huống có vấn đề; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác; biết đề xuất, lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề và biết trình bày giải pháp cho vấn đề; biết đánh giá giải pháp đã thực hiện và khái quát hóa cho vấn đề tương tự.

1.3. Hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác

- Môn Toán với ưu thế nổi trội, có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tính toán thể hiện ở chỗ vừa cung cấp kiến thức toán học, rèn luyện kỹ năng tính toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận, năng lực mô hình hóa, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán).

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực tin học thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như công cụ hỗ trợ trong học tập và tự học; tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ thông qua việc giúp HV làm quen với lịch sử toán học, với tiểu sử của các nhà toán học và thông qua việc nhận biết vẻ đẹp của toán học trong thế giới tự nhiên.

1.4. Tính đặc thù cho đối tượng người lớn tuổi

- Phương pháp dạy học môn Toán cần phù hợp với tiến trình nhận thức của HV, đặc biệt là người lớn tuổi (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, từ trải nghiệm thực tiễn đến tổng quát kiến thức toán học); phù hợp với hoạt động lao động, sản xuất mà HV đã và đang trải nghiệm; không nhất thiết đề cao tính logic của khoa học toán học mà chỉ cần chú ý tổng quát giữa thực tiễn và kiến thức toán học liên quan; khai thác tối đa vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HV.

- Quán triệt tinh thần “lấy trải nghiệm của người học làm cơ sở dạy học kiến thức toán liên quan”, phát huy tính tích cực, tự giác, tự trọng của người học; động viên, thấu hiểu hoàn cảnh khác nhau của HV, vốn vừa lao động vừa học tập; phát huy tính ân cần, nhiệt tình và chỉ bảo của người dạy.

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học và động viên người học; khơi dậy tính tự trọng của người học; coi trọng trải nghiệm của HV gắn với kiến thức toán học liên quan; học toán phục vụ trực tiếp trong lao động, sản xuất và các hoạt động hằng ngày.

- Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán, khai thác cơ sở vật chất xung quanh hỗ trợ đồ dùng dạy học; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HV trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi kỳ; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn...) vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá thường xuyên do giáo viên (GV) phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân HV được đánh giá và của các HV khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ HV. Đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của HV, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HV.

Đánh giá định kỳ (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HV. Đánh giá định kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức hoặc thông qua các kỳ kiểm tra, đánh giá quốc gia.

Đánh giá định kỳ còn được sử dụng để phục vụ quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình môn Toán.

Đánh giá năng lực HV thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HV. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập... mà đòi hỏi HV phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hóa toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi HV phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HV đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học môn Toán chứa đựng, mô tả những tri thức có khả năng hỗ trợ GV và hỗ trợ HV hướng vào đối tượng toán học cụ thể (khái niệm, quan hệ, tính chất toán học...) nhằm phát hiện, tìm tòi, khắc sâu kiến thức... trong quá trình học tập môn Toán.

2. Việc sử dụng thiết bị dạy học môn Toán cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Các thiết bị dạy học phải phục vụ cho mục tiêu dạy học môn Toán, phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và tránh làm tăng thêm nội dung dạy học, công việc của GV và gây tốn kém không cần thiết.

- Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tránh hình thức hoặc lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học; tạo điều kiện để HV thực sự được thực hành, thao tác trên các thiết bị dạy học, qua đó giúp HV chủ động, tích cực khám phá, phát hiện kiến thức và góp phần phát triển “năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống. Khi có điều kiện, GV hướng dẫn HV cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và năng lực tự học.

- Tăng cường thiết bị dạy học tự làm: Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cần huy động sáng kiến, sự sáng tạo của HV, GV và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm.

- Phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học: Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó tùy thuộc nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học và phối hợp một cách hợp lý, khoa học và sinh động.

3. Căn cứ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Toán, GV so sánh, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của môn Toán cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để rà soát, bổ sung một số thiết bị phù hợp với đặc thù đối tượng.

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của trung tâm

Kế hoạch giáo dục của trung tâm hay của nhà trường (gọi chung là trung tâm) là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện Chương trình Xóa mù chữ. Trung tâm căn cứ kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu, số lượng người mù chữ của địa phương để xây dựng Kế hoạch giáo dục của trung tâm, trong đó có kế hoạch giáo dục môn Toán (bao gồm kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục). Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo các nội dung sau:

- Thời gian tổ chức dạy học môn Toán đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong Chương trình Xóa mù chữ; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HV; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại trung tâm, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của môn Toán trong Chương trình Xóa mù chữ.

- Thời gian thực hiện và hoàn thành nội dung môn Toán ở mỗi kỳ, giai đoạn quy định theo số tiết học. Mỗi tiết học tương đương 35 phút. Tổ chức dạy học theo hình thức vừa làm vừa học. Tùy theo tình hình của địa phương và điều kiện của người học để tổ chức theo lớp, nhóm hoặc cá nhân; thời gian học có thể liên tục trong tuần hoặc có thể gián đoạn.

- Đối với các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường, hoạt động theo nhu cầu người học được tổ chức theo hình thức trải nghiệm, tham quan, hoạt động xã hội, tìm hiểu văn hóa địa phương... Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể của trung tâm; tạo môi trường cho HV được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong môn Toán để vận dụng vào thực tiễn.

2. Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục hỗ trợ

a) Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục là kế hoạch thực hiện chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi kỳ đảm bảo hiệu quả theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình môn Toán, hoạt động giáo dục; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trung tâm và đối tượng HV.

b) Sau khi có kết quả khảo sát tình trạng XMC và được giao thực hiện, giám đốc trung tâm ban hành kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện, GV/tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục; đảm bảo GV nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong Tài liệu XMC hoặc sách giáo khoa (tham khảo thêm); đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đặc điểm đối tượng HV. Trên cơ sở đó, GV chủ động đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục cần đảm bảo phát huy vai trò từng cá nhân, tính tương tác, hợp tác các thành viên trong tổ để đảm bảo tính liên thông giữa các môn học và hoạt động giáo dục.

c) Sau khi được giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; GV trao đổi, thảo luận giữa các thành viên tổ chuyên môn hay các GV cùng tham gia dạy XMC về dự thảo kế hoạch; hoàn thiện dự thảo kế hoạch trình giám đốc phê duyệt theo từng kỳ và cả giai đoạn.

d) GV chủ động nghiên cứu chương trình, tài liệu/sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng HV gồm: các đặc điểm về vùng miền; hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp; chất lượng học tập kỳ trước...; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn tại địa phương và sinh hoạt, tập quán người học.

đ) Trung tâm thông qua tổ chuyên môn xác định những chủ đề/bài học có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có); tổ chức xây dựng kế hoạch

dạy học môn học, hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho GV tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch; giám sát, kiểm tra, đánh giá và đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục trong quá trình thực hiện.

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch (*chương trình môn học, hoạt động giáo dục, tài liệu/sách giáo khoa, kế hoạch thời gian thực hiện, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn thực hiện các môn học của các cấp có thẩm quyền...*)

II. Điều kiện thực hiện môn học, hoạt động giáo dục (*đội ngũ GV, đặc điểm đối tượng HV, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn (nếu có)...*)

III. Kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục môn Toán

1. Gợi ý phân phối Chương trình môn Toán

Mục	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Ghi chú

2. Hoạt động giáo dục

.....

.....

.....

3. Kế hoạch bài dạy

a) Kế hoạch bài dạy do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HV và GV trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề (sau đây gọi chung là bài học)

nhằm giúp HV đạt được yêu cầu cần đạt. Kế hoạch bài dạy được GV thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HV, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HV và điều kiện tổ chức dạy học.

b) GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của trung tâm; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

- Yêu cầu cần đạt: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HV, đặc điểm của trung tâm, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

- Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

- Hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng HV.

- + Hoạt động học tập của HV bao gồm: hoạt động khởi động; hình thành kiến thức mới; hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động vận dụng, ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề trong đời sống thực tế. Các hoạt động học tập (kể cả hoạt động tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn) của HV, tùy theo mục đích, tính chất của mỗi hoạt động được tổ chức làm việc cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; đảm bảo mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập hay trải nghiệm thực tế.

- + Hoạt động dạy của GV bao gồm: tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để

khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn, phát huy kinh nghiệm, vốn sống, khả năng tự học; phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được trong lao động sản xuất để học tập; thực hiện nhận xét, đánh giá, phản biện trong quá trình học tập.

- Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học: nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

- c) GV thực hiện lưu trữ kế hoạch bài dạy theo hình thức phù hợp, khoa học và báo cáo tổ trưởng chuyên môn, giám đốc/hiệu trưởng khi có yêu cầu; có thể sử dụng kế hoạch bài dạy xây dựng từ khóa trước để thực hiện bổ sung, điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức để tổ chức dạy học hiệu quả; đảm bảo hình thức khoa học, thuận lợi, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý trên cơ sở đánh giá đúng thực chất và tôn trọng, động viên tinh thần đổi mới, sáng tạo của GV.

- d) Khi tổ chức hoạt động dạy học (thực hiện Kế hoạch bài dạy), GV cần chú ý một số nội dung sau:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HV, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HV phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HV; đảm bảo cho tất cả HV tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức cho HV thực hiện nhiệm vụ học tập: Khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HV và có biện pháp hỗ trợ, động viên kịp thời, phù hợp, hiệu quả; không “bỏ quên” HV nào.

- Tổ chức cho HV trình bày kết quả và thảo luận: Hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực

được sử dụng; khuyến khích cho HV trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập: Nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HV; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HV nhằm giúp HV có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập; chính xác hóa các kiến thức mà HV đã học được thông qua hoạt động.

- Kịp thời liên kết với kiến thức vừa học gắn với tình huống thực tế liên quan gần và thiết thực trong lao động sản xuất.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục: Lớp:

Tên bài học: Số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày ... tháng ... năm ... (hoặc từ ... / ... / ... đến ... / ... / ...)

1. Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HV hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động khởi động;
- Hoạt động hình thành kiến thức (đối với bài mới).
- Hoạt động luyện tập/thực hành.
- Hoạt động vận dụng/trải nghiệm (nếu có).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ 2

1. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các kỳ

Kỳ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5
Số tiết	75	95	100	135	132
Phân đoạn	Giai đoạn 1 (270 tiết)			Giai đoạn 2 (267 tiết)	
Tổng số tiết toàn chương trình	537 (tiết)				

Thời gian thực hiện mỗi tiết học là 35 phút/tiết.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung ở từng lớp (không tính chuyên đề học tập) như sau:

Kỳ	Nội dung	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất
Chương trình Xóa mù chữ	Kỳ 1	85%	15%	0%
	Kỳ 2	75%	20%	5%
	Kỳ 3	70%	25%	5%
	Kỳ 4	75%	20%	5%
	Kỳ 5	55%	40%	5%
Toàn bộ chương trình		71%	24%	5%

- Như vậy, Kỳ 2 có 3 nội dung: Số và phép tính; Hình học và Đo lường; Thống kê và Xác suất, tổng cộng là 95 tiết (gồm cả các tiết ôn tập và kiểm tra).

- Căn cứ vào thời lượng dành cho các nội dung giáo dục thi Kỳ 2 có 8 tiết dành cho kiểm tra định kỳ, còn lại 87 tiết cho các nội dung: Số và phép tính; Hình học và Đo lường; Một số yếu tố Thống kê và Xác suất (Thống kê và Xác suất), trong đó: 65 tiết cho nội dung Số và phép tính, 17 tiết cho nội dung Hình học và Đo lường, 5 tiết cho nội dung Thống kê và Xác suất.

Căn cứ vào yêu cầu kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ của môn Toán, GV, tổ chuyên môn tham mưu xây dựng Chương trình chi tiết môn Toán Kỳ 2.

2. Gợi ý phân phối, phân bố theo tiết học

Việc cụ thể hóa các nội dung dạy học trong Chương trình Xóa mù chữ môn Toán phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục căn cứ vào Chương trình Xóa mù chữ môn Toán, cụ thể hóa cho từng bài học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt của môn học và chương trình học.

Dưới đây là gợi ý phân phối, phân bố số tiết học cụ thể (*tham khảo*):

STT	Tên chủ đề/bài	Số tiết
1	<i>Bài 1.</i> ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	2
2	<i>Bài 2.</i> ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100	2
3	<i>Bài 3.</i> TIA SỐ. SỐ LIÊN TRƯỚC, SỐ LIÊN SAU	2
4	<i>Bài 4.</i> SỐ HẠNG, TỔNG. SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU	2
5	<i>Bài 5.</i> BÀI TOÁN NHIỀU HƠN. BÀI TOÁN ÍT HƠN	2
6	<i>Bài 6.</i> HÌNH TỨ GIÁC	1
7	<i>Bài 7.</i> ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, ĐƯỜNG GẤP KHÚC	2
8	<i>Bài 8.</i> ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG, ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC	2
9	<i>Bài 9.</i> GIỜ, PHÚT. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ	2
10	<i>Bài 10.</i> NGÀY, THÁNG, NĂM. THỰC HÀNH LỊCH	2
11	<i>Bài 11.</i> PHÉP NHÂN, THỪA SỐ, TÍCH	3
12	<i>Bài 12.</i> BẢNG NHÂN 2. BẢNG NHÂN 5	2
13	<i>Bài 13.</i> BẢNG NHÂN 3. BẢNG NHÂN 4	2
14	<i>Bài 14.</i> BẢNG NHÂN 6. BẢNG NHÂN 7	2
15	<i>Bài 15.</i> BẢNG NHÂN 8. BẢNG NHÂN 9	2
16	<i>Bài 16.</i> LUYỆN TẬP CHUNG	2
17	<i>Bài 17.</i> PHÉP CHIA, SỐ BỊ CHIA, SỐ CHIA, THƯƠNG	3
18	<i>Bài 18.</i> BẢNG CHIA 2. BẢNG CHIA 5	2

STT	Tên chủ đề/bài	Số tiết
19	Bài 19. BẢNG CHIA 3. BẢNG CHIA 4	2
20	Bài 20. BẢNG CHIA 6. BẢNG CHIA 7	2
21	Bài 21. BẢNG CHIA 8. BẢNG CHIA 9	2
22	Bài 22. LUYỆN TẬP CHUNG	2
23	Bài 23. KHỐI TRỤ. KHỐI CẦU	1
24	Bài 24. ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN	2
25	Bài 25. CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ	2
26	Bài 26. SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ	3
27	Bài 27. CỘNG TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC, TRÒN TRĂM TRONG PHẠM VI 1000	2
28	Bài 28. ĐỀ-XI-MÉT, MI-LI-MÉT	2
29	Bài 29. MÉT, KI-LÔ-MÉT	2
30	Bài 30. KI-LÔ-GAM, GAM	2
31	Bài 31. LÍT, MI-LI-LÍT	2
32	Bài 32. PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	3
33	Bài 33. PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	3
34	Bài 34. PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	3
35	Bài 35. PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000	3
36	Bài 36. LUYỆN TẬP CHUNG	2
37	Bài 37. TIỀN VIỆT NAM	2
38	Bài 38. THU THẬP, PHÂN LOẠI, KIỂM Đếm	2
39	Bài 39. BIỂU ĐỒ TRANH	2
40	Bài 40. CHẮC CHẮN, CÓ THỂ, KHÔNG THỂ	1
41	Bài 41. ÔN TẬP CUỐI KỲ	3
	Tổng	87

Tổng số 87 tiết (đã trừ 8 tiết kiểm tra)

(Chương trình chi tiết hằng năm được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn tại địa phương và cơ sở giáo dục)

3. Gợi ý phân phối, phân bố theo chuyên đề học tập

- Chuyên đề học tập môn Toán là nội dung giáo dục nhằm giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của người học.

- Các chuyên đề học tập môn Toán thực hiện ở Kỳ 5 của chương trình. Môn Toán của giai đoạn 2 thiết kế từ 3 - 5 chuyên đề học tập. Thời lượng mỗi chuyên đề học tập tương đương từ 5 - 10 tiết học. Các chuyên đề trong mỗi môn học có số tiết như nhau. HV bắt buộc chọn 2 chuyên đề/môn học theo nhu cầu. Thời lượng của 2 chuyên đề học tập bắt buộc này nằm trong tổng thời lượng của môn học. Mỗi chuyên đề học tập quy định tối thiểu 50% thời lượng dành cho HV tự học.

Các chuyên đề tự chọn môn Toán dưới đây sẽ được giảng dạy trong Kỳ 5, cụ thể như sau:

- Chuyên đề 1: *Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính.*
- Chuyên đề 2: *Thống kê và số liệu thống kê trong quản lý, sản xuất.*
- Chuyên đề 3: *Ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng.*

Cơ sở giáo dục tổ chức cho HV lựa chọn hai trong ba chuyên đề trên tùy vào điều kiện thực tế tại mỗi địa phương. Số tiết cụ thể của từng chuyên đề được cụ thể hóa trong *Tài liệu Hướng dẫn dạy học xóa mù chữ Toán Kỳ 5*.

III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC

1. Phương pháp dạy học bài mới

Khi dạy học bài mới, GV cần khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV; GV chỉ dẫn dắt giúp HV tự phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề để tiếp nhận kiến thức mới. Bởi vậy, GV cần:

a) Khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV đã được trải nghiệm trong lao động, sản xuất mà họ có được; để HV tự phát hiện và giải quyết vấn đề, tiếp nhận kiến thức mới.

Chẳng hạn, khi học Bài 29 - MÉT, KI-LÔ-MÉT, GV nên cho HV hoàn thiện theo hướng vận dụng các đơn vị cụ thể như: đo chiều dài mảnh vườn, tính khoảng cách từ nhà đến trụ sở ủy ban với đơn vị đo thông dụng..., có thể giao cho HV về nhà tự hoàn thiện; GV chỉ cần kiểm tra, tập hợp kết quả rồi nhận xét.

b) Liên hệ kiến thức toán học giải quyết các công việc liên quan hằng ngày của HV và GV tổng hợp ghi nhớ cho HV.

Học viên nếu là người lớn tuổi đã tham gia lao động sản xuất, đã tiếp cận và tiếp xúc nhiều đồ vật, vật dụng hằng ngày; do vậy, nhiều đồ vật đã biết nhưng có thể chưa chuẩn xác về khái niệm hay tên gọi. Thông qua bài học liên quan, GV hướng dẫn HV đồng nhất khái niệm toán học với tên gọi thực tiễn hằng ngày được tiếp xúc. Chẳng hạn, người lớn tuổi đã biết đến cánh cửa có dạng hình chữ nhật, thông qua bài dạy hình chữ nhật mà GV ghi nhớ khái niệm này gắn liền và đồng nhất khái niệm toán học và thực tế tên gọi; lấy nhiều ví dụ tương tự mà người học tiếp xúc.

Nếu HV thấy khó khăn trong tính toán, GV lấy tình huống cụ thể trong những công việc quen thuộc của người học.

c) Nêu các tình huống quen thuộc trong đời sống và cho HV tham gia thảo luận và giải quyết yêu cầu thực tế đặt ra.

Học viên là người lớn tuổi, họ đã có vốn sống hay kiến thức nhất định thông qua lao động, sản xuất. Những bài học liên quan nhiều tới công việc hằng ngày mà họ thường xuyên tiếp xúc, GV cần tăng cường để HV thảo luận và tự giải quyết vấn đề. GV là người tham gia vào câu chuyện của họ và dẫn dắt vấn đề giải quyết một cách tự nhiên theo mục tiêu tiết học. Chẳng hạn, khi HV học Bài 13 - BẢNG NHÂN 3. BẢNG NHÂN 4, GV dẫn dắt HV các công việc hằng ngày như trồng các hàng ngô, đếm số cây mỗi hàng và tính số cây của nhiều hàng, hay một xe ô tô có 4 bánh, thì 3 xe có bao nhiêu bánh; qua câu chuyện thực, tình huống đặt ra mà HV tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên.

2. Phương pháp dạy học bài luyện tập

Khi học bài luyện tập, HV phải vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải các bài tập và thông qua đó ghi nhớ được các kiến thức đã học. Bởi vậy, GV cần:

a) Tổ chức gợi mở cho HV kiến thức học liên quan đến bài tập cần luyện tập và hướng dẫn HV áp dụng vào giải bài tập.

Trong giờ luyện tập cần có những hoạt động giúp HV nhớ lại kiến thức cũ hay kiến thức liên quan tới bài tập cần luyện tập.

Chẳng hạn, sau khi học hết các Bảng nhân, trong các tiết của phần Luyện tập chung, GV tổng hợp để tiếp tục ghi nhớ các Bảng nhân đã học ở các tiết trước để HV ôn tập, nhớ lại kiến thức đã học chuẩn bị cho tâm thế làm các bài tập liên quan tới kiến thức học.

Cụ thể, việc GV giao nhiệm vụ để HV làm các bài tập tính nhẩm (hay tính theo mẫu) của Bài 16 - LUYỆN TẬP CHUNG, GV sử dụng bảng phụ ghi sẵn nội dung của các Bảng nhân liên quan, HV sẽ dễ dàng làm bài tập, củng cố lý thuyết hơn. Điều này cũng giúp HV dễ dàng thực hiện phép tính đối với các Bài tập 5, 6, 7, 8 liên quan tới viết phép toán và giải các bài toán ứng dụng hơn.

b) Tổ chức, hướng dẫn HV thực hành, phân loại và làm được nhiều bài tập ngay tại lớp để thông qua đó họ ghi nhớ được các kiến thức đã học.

Hầu hết HV không có điều kiện làm bài tập ở nhà, vì vậy cần tổ chức hướng dẫn để HV càng làm được nhiều bài tập tại lớp càng tốt. Trong một tiết luyện tập, có thể có những HV làm bài tập nhanh hơn các bạn khác. Vì vậy, GV cần giúp đỡ những HV làm bài chậm về cách làm bài để họ có thể theo kịp các bạn làm được nhiều bài tập ngay tại lớp và yêu cầu HV khá, giỏi làm hết bài tập của tiết học hay hỗ trợ các bạn học yếu.

c) Giao bài tập tương tự bài tập vừa làm trên lớp gắn với thực tiễn đời sống lao động của HV.

Học viên sẽ yêu thích và có động lực học tập, làm các bài tập khi bài tập được giao gắn liền với đời sống của HV. Đặc biệt là giải quyết nhanh, hữu hiệu các công việc hằng ngày của họ.

Chẳng hạn, sau khi luyện tập Bài 30 - KI-LÔ-GAM, GAM, GV bổ sung thêm các bài tập liên quan tới các hoạt động thường ngày của HV như: hằng ngày đi chợ, mua bán, cân các sản vật nuôi/trồng được... Điều này sẽ tạo ra hứng thú cho HV, việc vận dụng trực tiếp kiến thức trong cuộc sống.

IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC XÓA MÙ CHỮ TOÁN KỲ 2

1. Yêu cầu cần đạt

Trong phần này chỉ nêu các yêu cầu mà HV cần đạt được về năng lực và phẩm chất sau mỗi chủ đề/bài học.

- Yêu cầu về năng lực cần gắn với yêu cầu cần đạt trong chương trình học mà chủ đề đó cần giải quyết. Yêu cầu cần đạt có thể cụ thể hóa về mặt kiến thức, kỹ năng đạt được về mặt kiến thức sau học. Sau khi học xong các kiến thức cùng với việc tổ chức dạy học của GV sẽ giúp HV góp phần hình thành năng lực đặc thù nào của môn Toán (tránh đưa ra các năng lực chung xa với mục tiêu bài học).

- Yêu cầu về phẩm chất theo 5 thành phần cơ bản của phẩm chất. GV cần bám sát vào các biểu hiện của từng phẩm chất trong chương trình; căn cứ nội dung, tổ chức hoạt động giáo dục để đánh giá các hoạt động đề ra, góp phần hình thành thể mạnh của thành phần phẩm chất nào trong các hoạt động giáo dục.

- Các yêu cầu cần đạt trong bài học là yêu cầu tối thiểu, là yêu cầu chung cho mọi HV. Tuy nhiên, với HV tiếp thu bài tốt thì GV có thể linh hoạt đưa ra đơn vị kiến thức với yêu cầu cần đạt cao hơn. Nhưng phải đảm bảo về thời gian, thời lượng dạy học phù hợp với đa số HV.

2. Thiết bị dạy học

Phần này thường chỉ gợi ý một số thiết bị chủ yếu đặc trưng cho mỗi bài; chẳng hạn mô hình, hình vẽ, bảng có sẵn (bảng tóm tắt, bảng tổng kết...), bảng phụ, phiếu học tập...; còn các thiết bị thông thường như thước kẻ, phấn, bút dạ... thì GV căn cứ vào điều kiện, yêu cầu của mỗi bài mà tự đề xuất và chuẩn bị. Hình vẽ, bảng có sẵn, bảng phụ có thể vẽ hoặc viết trên các tờ giấy to (có dây treo) để tiện sử dụng. Tùy theo điều kiện thực tế của trung tâm, khuyến khích GV sử dụng máy chiếu để tăng cường các hiệu ứng, hình ảnh trực quan hỗ trợ người học.

Hình vẽ, bảng có sẵn thường dùng để minh họa hoặc cung cấp tư liệu.

Bảng phụ thường dùng để viết các bài tập mà cả lớp cần theo dõi hoặc tham gia, hoặc kết quả làm bài tập đó cả lớp cần sử dụng trong suốt tiết học. HV có thể giải bài tập ngay trên bảng phụ.

Phiếu học tập thường dùng để giao nhiệm vụ học tập (phát hiện kiến thức, rèn luyện kỹ năng...) cho cá nhân hoặc nhóm HV. Nhiệm vụ ghi trong phiếu học tập nên ngắn gọn, đơn giản để HV có thể nhanh chóng hoàn thành. Tùy theo điều kiện và ý đồ hướng dẫn của GV mà phiếu học tập được chép tay hoặc phô tô thành nhiều bản để phát cho từng HV hoặc nhóm HV.

Máy chiếu được sử dụng là một lợi thế đối với các bài có nhiều hình ảnh liên quan tới bài học mà GV cần trang bị cho HV; các clips, video tình huống giúp tiết học sinh động, đa dạng cách tiếp cận, cập nhật những nội dung mới trong tài liệu; hỗ trợ trực quan hóa.

Các thiết bị trên không chỉ thể hiện ý đồ hướng dẫn HV phát hiện, tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng trong bài học mà còn làm giảm “thời gian chết” ở trên lớp. Khuyến khích sử dụng các phần mềm dạy học, có nhiều hình ảnh trực quan, sinh động trong dạy học; các bài giảng được số hóa, trong đó nội dung các đơn vị kiến thức được phân nhánh, HV có thể tương tác trực tiếp với các yêu cầu bài học.

3. Những điều cần lưu ý

Trong phần này, giải thích rõ hơn về phạm vi, nội dung và mức độ yêu cầu của một vài vấn đề; nêu những kiến thức, kỹ năng cần được chú ý, những sai lầm HV thường mắc phải trong bài học và cách khắc phục...

4. Gợi ý dạy học

Có nhiều cách thiết kế quá trình dạy học một bài học XMC Toán Kỳ 2. Nhưng dù thiết kế theo cách nào cũng phải tuân theo định hướng chung về phương pháp dạy học toán trong Chương trình Xóa mù chữ là: “Tích cực hóa các hoạt động học tập của HV, rèn luyện khả năng tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề nhằm hình thành ở HV phương pháp học tập và làm việc tích cực, chủ động, khoa học và sáng tạo”.

Muốn thế, quá trình dạy học một bài học XMC Toán Kỳ 2 phải được tổ chức thông qua các hoạt động của HV.

Đối tượng người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm, vốn sống; nhiều kiến thức họ đã được trải nghiệm trong cuộc sống, lao động và sản xuất... Do đó, khởi động trước dạy học là yếu tố tiền đề quan trọng trong mỗi bài học. Hơn nữa, để kiến thức học có ý nghĩa, vận dụng ngay trong lao động, sản xuất thì cần các bài dạy đề cao tính vận dụng của kiến thức học vào đời sống. Đây là hướng mới trong dạy và học để hình thành năng lực và phẩm chất cho HV.

Bởi vậy, trong phần này các tác giả sẽ gợi ý một hệ thống các hoạt động từ việc khởi động, kiến thức mới, luyện tập và hướng tới vận dụng (theo thứ tự trong các bài học). Các tác giả không chỉ rõ hoạt động nào là kiểm tra, kiểm tra đầu giờ mà Tài liệu hướng dẫn này gợi ý định hướng tổ chức dạy học theo từng mục, bám theo thứ tự của Tài liệu học (TLH). Tuy nhiên, rất linh hoạt mà không nhất thiết phải lấy luôn các ví dụ trong TLH để phù hợp với từng vùng miền, gần gũi với cuộc sống của HV.


Trong các mục gợi ý dạy học, các tác giả thường sử dụng một số ký hiệu mang các ý nghĩa đặc trưng như: (. . . ghi nội dung bên trong . . .) - (trong ngoặc đơn và in chữ nghiêng); ☞ •; • hay ☞. Mỗi ký hiệu này được đặc trưng bởi các ý nghĩa riêng, cụ thể như sau:

a) Loại công việc được ký hiệu bằng (. . . ghi nội dung bên trong . . .) là biểu thị nội dung dẫn dắt của GV, gợi ý về ý nghĩa của các bài tập trong nội dung TLH hay những lưu ý đối với HV, lưu ý đối với kiến thức bài học.

b) Loại công việc được ký hiệu bằng ☞ • hay • là các gợi ý cụ thể việc tổ chức hoạt động dạy học của GV. Đối với mỗi nội dung (như khởi động, bài tập...) thường gồm một chuỗi các hoạt động sau:

- Tổ chức cho HV làm bài tập.
- Gợi ý, hướng dẫn cho HV làm bài tập.
- Nhận xét, đánh giá, sửa chỗ sai của HV hoặc tổ chức cho HV nhận xét, đánh giá sửa chỗ sai của bạn (chẳng hạn tổ chức cho HV chấm chéo bài làm của nhau).
- Hoàn chỉnh, bổ sung kiến thức.
- Nêu chú ý.
- Hệ thống hóa kiến thức.

Tùy từng hoạt động mà tác giả gợi ý đầy đủ hoặc chỉ gợi ý một vài công việc đã nêu ở trên, GV tùy theo thực tế mà bổ sung cho phù hợp.

Thông thường, trong mỗi hoạt động dạy học hay bài tập, HV được thực hiện dưới hình thức tổ chức dạy học của GV. Do đó, sau mỗi hoạt động dạy học hay bài học Tài liệu này thường hướng dẫn GV phương pháp tổ chức, hình thức dạy và học, trong đó có hoạt động của HV. Hoạt động này được hướng dẫn, gợi ý bằng công cụ nhận dạng là  • và tiếp theo là các dấu •.

Điều này có hàm ý là HV phải làm việc trước thông qua việc tổ chức hoạt động dạy học của GV. Qua đó, HV chuẩn bị “tâm thế” để tiếp nhận kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng một cách chủ động.

c) Các ký hiệu  là gợi ý cách giải hay kết quả của một bài tập cụ thể trong TLH.

Nhìn chung, mỗi tiết dạy học XMC Toán Kỳ 2 thường có 4, 5 hoạt động. Mỗi hoạt động được gợi ý tổ chức dạy học theo thứ tự trong Tài liệu của HV. TLH ghi theo thứ tự các mục từ khởi động, kiến thức, luyện tập và vận dụng theo đúng thứ tự trong Tài liệu của HV mà không ngắt chi tiết theo các tiết học để GV chủ động, linh hoạt trong dạy học. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tiễn, GV có thể khai thác thêm các bài tập khác ngoài TLH để hướng dẫn HV.

Các thiết bị dạy học ở Mục II góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục của GV, phục vụ cho ý đồ tổ chức quá trình dạy học, cũng như chuẩn bị của HV trong mỗi bài học môn Toán xóa mù chữ Kỳ 2.

Quá trình dạy học được thực hiện theo cách trên, GV vẫn là người giữ vai trò chủ đạo, còn HV là người giữ vai trò chủ động.

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Ôn tập; củng cố cách đọc, viết, so sánh và xếp thứ tự các số đến 100.
- Làm quen với các ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.
- Nhớ lại được bảng cộng trong phạm vi 20, 100.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, cụ thể như sau:

- Thông qua hoạt động quan sát tranh vẽ, hình vẽ... HV đặt các câu hỏi và tự tin trả lời được câu hỏi thích hợp với tình huống; qua đó bước đầu hình thành năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học...

- Thông qua hoạt động ước lượng số đồ vật theo nhóm chục, HV bước đầu làm quen với các thao tác ước lượng rồi đếm để kiểm tra ước lượng; qua đó hình thành năng lực tư duy, lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH, chẳng hạn: Hoàn thành bảng các số từ 1 đến 100.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Trọng tâm của bài này là ôn lại BẢNG CỘNG trong phạm vi 100 mà HV đã được học ở Kỳ 1.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(- Hoàn thành bảng các số từ 1 đến 100.

- Đặt các câu hỏi và trả lời về các số trong bảng trên (sau khi hoàn thành). Chẳng hạn: Tìm và đọc các số tròn chục, các số có số chục và số đơn vị giống nhau...)

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát bảng đếm từ 1 đến 100.

• HV đứng tại chỗ trả lời điền khuyết (có thể gọi lần lượt 2 HV điền khuyết từ 1 đến hết trên bảng phụ), tiếp theo HV khác trả lời câu hỏi GV đặt ra.

Lưu ý: GV có thể khởi động bằng việc cho HV làm việc theo nhóm trong phiếu học tập.

2. Luyện tập

Bài 1. a) Viết (theo mẫu)

☞ • GV tổ chức cho HV quan sát tranh vẽ và viết tương tự theo mẫu trong vở ghi.

• Mời 1 HV đứng tại chỗ đọc kết quả, kịp thời sửa sai nếu HV cho kết quả sai.

• Gợi ý, hướng dẫn HV yếu.

b) Hoàn thành bảng theo mẫu

☞ • GV hướng dẫn HV viết theo hai chiều: số, chữ và ngược lại.

• Gợi ý, hướng dẫn HV yếu.

• Nếu HV khó khăn thì bổ sung các câu tương tự để HV làm thành thạo theo cả hai chiều số và chữ.

Bài 2. Số? (Củng cố lại cấu tạo của số có hai chữ số)

☞ • GV hướng dẫn HV xác định số và viết theo hướng dẫn mẫu.

• HV làm tương tự theo mẫu GV đã gợi ý và hướng dẫn.

• Gợi ý, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Số? (Củng cố thứ tự các số trong phạm vi 100)

☞ • GV tổ chức cho HV làm bài tập theo nhóm (có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm làm bài trên một phiếu học tập).

• Mời đại diện mỗi nhóm lên viết kết quả làm bài trên bảng.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm.
- Yêu cầu HV dựa vào kết quả viết trên bảng, điền số thích hợp vào chỗ trống.

Bài 4. a) Quan sát tranh vẽ và ước lượng có mấy chục chiếc kẹo.

☞ • GV tổ chức cho HV tập ước lượng theo nhóm, hỏi HV cách thức ước lượng.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm.
- Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu, kém.

✎ Có khoảng 4 chục chiếc kẹo.

✎ Có tất cả 39 chiếc kẹo.

Bài 5. Ước lượng theo nhóm 1 chục rồi đếm để kiểm tra lại.

☞ • GV tổ chức cho HV tập ước lượng, GV hỏi HV cách thức ước lượng.

- Nhận xét và sửa chỗ sai cho HV.
- Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu, kém.

✎ Ước lượng: Có khoảng 40 viên bi.

✎ Kết quả đếm: Có 41 viên bi.

Bài 6. Ước lượng theo nhóm 1 chục rồi đếm để kiểm tra lại.

☞ • GV tổ chức cho HV tập ước lượng theo nhóm, hỏi HV cách thức ước lượng.

- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm.
- Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu, kém.

✎ Ước lượng: Có khoảng 20 con chim.

✎ Kết quả đếm: Có 23 con chim.

3. Vận dụng

Bài 7. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

☞ • GV tổ chức cho HV làm bài tập theo nhóm (có thể chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm làm bài trên một phiếu học tập).

- Mời đại diện mỗi nhóm lên viết kết quả làm bài trên bảng.
- Nhận xét và sửa chỗ sai của từng nhóm.
- Yêu cầu HV dựa vào kết quả viết trên bảng, điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Bài 8. Dùng thước có vạch chia để đo độ dài vở ghi hoặc TLH.

- ☞ • GV tổ chức để HV tự đo theo hình thức cặp đôi.
- GV nhận xét cách đo, hướng dẫn cách đo đúng và chính xác.
- Hỗ trợ kịp thời các cặp đôi chưa biết cách đo.

Bài 9. Ước lượng rồi viết số thích hợp.

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

🐼 Ước lượng : Có khoảng 100 con cò.

Bài 2

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết, thực hiện phép tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.

- Thực hiện được phép tính cộng hai số đặt theo cột dọc và có kết quả trong phạm vi 100. Biết đặt tính (theo cột dọc) và thực hiện phép cộng hai số có nhớ một lượt trong phạm vi 100.

- Cần thận khi làm tính.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Bảng phụ bài tập, tranh vẽ minh họa.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý kỹ để HV đặt phép toán đúng (cho dù lý thuyết đã được học ở Kỳ 1).
2. Nên đưa ra các tình huống bài toán có lời văn để HV bước đầu thấy được các ứng dụng của toán học giải quyết các tình huống thiết thực trong cuộc sống.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Hãy nêu một tình huống có phép cộng hoặc phép trừ trong cuộc sống. Chẳng hạn: Đàn vịt nhà chị Lay có 65 con vịt, chị Lay bán đi 30 con. $65 - 30 = 35$, vậy đàn vịt nhà chị Lay còn lại 35 con vịt)

☞ • GV tổ chức cho HV liên hệ thực tiễn trong gia đình, môi trường xung quanh hoặc nơi sản xuất để lấy ví dụ phù hợp.

- Dành thời gian để HV tự liên hệ và ghi ví dụ ra giấy nháp.
- GV mời một vài HV đứng tại chỗ phát biểu.

2. Luyện tập

Bài 1. Tính; Bài 2. Đặt tính rồi tính; Bài 3. Tính nhẩm.

(Các bài tập này giúp HV ôn tập tính tổng/hiệu trong phạm vi 20, 100 và tổng các số tròn chục; ôn tập đặt phép tính theo cột dọc, thực hiện tính nhẩm)

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự thực hiện các phép tính.
- Hướng dẫn HV yếu, kém đặt phép tính chuẩn và hỗ trợ cách tính.
 - Khuyến khích HV tính nhẩm đối với các phép tính tròn chục, phép tính trong phạm vi 20, 100.

Bài 4. Tìm lỗi sai trong phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.

- ☞ • GV hướng dẫn HV thảo luận theo nhóm để phát hiện lỗi sai.
- Nhấn mạnh việc đặt phép tính đã đúng chưa (để HV tự phát hiện).
 - Các nhóm thảo luận xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm phân tích để lưu ý những lỗi thường mắc phải khi thực hiện phép tính.

Bài 5. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập.
- GV hỗ trợ các HV yếu, kém.
 - Phần b, GV hướng dẫn HV thực hiện phép tính từ trái sang phải, lưu ý đến kết quả tròn chục để tính nhanh hơn.

3. Vận dụng

Bài 6. Nhà cô Thúy nuôi 12 con thỏ và 35 con gà. Hỏi nhà cô Thúy nuôi tất cả bao nhiêu con gà và thỏ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.

✎ Nhà cô Thúy có tất cả số con gà và thỏ là:

$$12 + 35 = 47 \text{ (con)}$$

Đáp số: 47 con gà và thỏ.

Bài 7. Nhà bác Năm có 9 con bò, biết rằng có 4 con bò đang ở ngoài sân. Hỏi số con bò đang ở trong chuồng là bao nhiêu?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập.

• GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.

✎ Số con bò đang ở trong chuồng là:

$$9 - 4 = 5 \text{ (con)}$$

Đáp số: 5 con bò.

Bài 8. Xe thứ nhất chở 30 người, xe thứ hai chở 42 người. Hỏi cả hai xe chở bao nhiêu người?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập.

• GV hỗ trợ các HV yếu, kém trình bày bài theo mẫu của các Bài 6, 7.

✎ Cả hai xe chở là: $30 + 42 = 72$ (người).

Bài 9. Chị Huyền hái được 16 bông hoa hồng, chị cắm vào lọ 5 bông. Hỏi chị Huyền còn lại mấy bông hoa hồng?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập.

• GV hỗ trợ các HV yếu, kém trình bày bài theo mẫu của các Bài 6, 7.

✎ Số bông hoa hồng chị Huyền còn lại là: $16 - 5 = 11$ (bông).

Bài 3

TIA SỐ. SỐ LIÊN TRƯỚC, SỐ LIÊN SAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được tia số và viết số thích hợp trên tia số.
- Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số; sử dụng tia số để so sánh số.
- Biết xếp thứ tự các số.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, cụ thể như sau:

- Qua hoạt động quan sát, nhận biết hình ảnh tia số, dựa vào tia số so sánh và xếp thứ tự các số, nhận biết số liền trước, số liền sau của một số; liên hệ giải quyết một số ví dụ trong thực tế, HV bước đầu hình thành năng lực giải quyết vấn đề toán học.
- Cùng với hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi giúp HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH, chẳng hạn: tia, các hình ảnh minh họa tia số.
- Bảng phụ vẽ các tia số Bài 2, phiếu học tập Bài 3 (phần Luyện tập).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV lưu ý trước các hình ảnh về tia trong thực tế như: tia sáng phát ra từ đèn pin, tia mặt trời...
2. Phân biệt hình ảnh về tia, tia khác với tia số ở chỗ nào.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

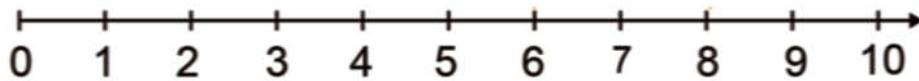
1. Khởi động

(GV lấy trước ví dụ các hình ảnh thực tiễn như: tia sáng phát ra từ đèn pin, tia mặt trời... sau đó cho HV quan sát tia số)

- ☞ • Tổ chức cho HV quan sát tia trong thực tế bằng những ví dụ cụ thể.
- Sau đó để HV quan sát hình ảnh về tia số.
- HV nêu nhận xét khoảng cách giữa các vạch, các số ghi dưới mỗi vạch.
- GV mời một vài HV đứng tại chỗ trả lời.

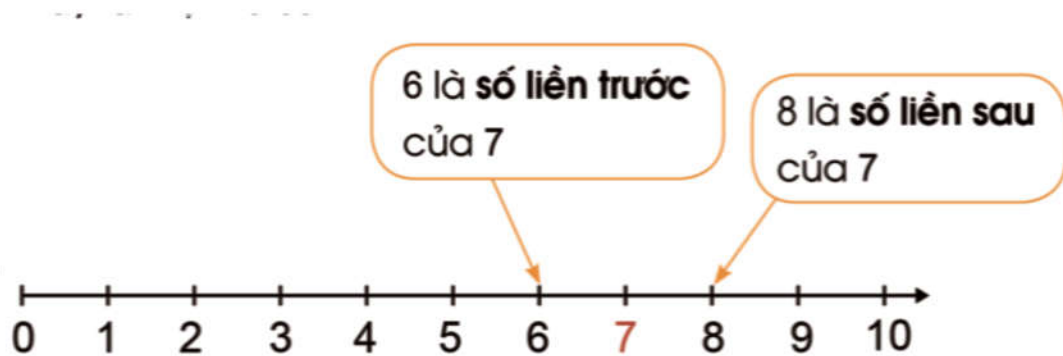
2. Hình thành kiến thức

1) Tia số



Đây là một tia số

2) Số liền trước, số liền sau



☞ • GV mô tả để HV nhận biết được tia số. Tia số khác với tia ở những điểm gì? Quan sát thấy rõ khoảng cách các số trên tia.

- Từ hình vẽ tia số, HV đứng tại chỗ đọc số liền trước và số liền sau số 7.
- GV tiếp tục lấy thêm các số khác và HV đứng tại chỗ trả lời về số liền trước, số liền sau.

3. Luyện tập

Bài 1. Số?; Bài 2. Quan sát tia số, điền số thích hợp vào ô trống.

☞ • Bài tập củng cố hình ảnh về tia số, GV tổ chức để HV điền đầy đủ các số trên tia số.

- GV mời các HV khác nhận xét các số đã điền vào ô.
- Bài 2 tiếp tục củng cố, khắc sâu về tia số.

Bài 3. Số?

- ☞ • GV tổ chức cho HV làm trong phiếu bài tập.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.
 - Nhận xét một số HV hoàn thành trước nhiệm vụ.

(Bài tập khắc sâu về tìm các số liền trước, liền sau của một số thông qua trực quan trên tia số, hỗ trợ tốt các bài tập so sánh về số sau này)

Bài 4. Tìm số thích hợp.

- ☞ • GV hướng dẫn HV làm và ghi trực tiếp kết quả vào vở ghi.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.

✎ a) Số liền trước của số 34 là 33.

✎ b) Số liền sau của số 19 là 20.

✎ c) Số liền trước của số 100 là 99.

✎ d) Số liền trước của số 1 là 0.

Bài 5.

☞ • GV hướng dẫn HV căn cứ vào thứ tự các số trên tia số để so sánh, điền vào ô trống. Lưu ý, các số liền sau hay số sau luôn là một số lớn hơn số đó.

- GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.

Bài 6. Sắp xếp các chìa khóa có số.

☞ • GV hướng dẫn HV thảo luận theo nhóm để lựa chọn các chìa theo thứ tự từ lớn đến bé và ngược lại.

✎ a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

45; 50; 69; 82

✎ b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

82; 69; 50; 45

4. Vận dụng

Bài 7. Tìm số liền trước, số liền sau trong ô trống.

- ☞ • GV hướng dẫn HV làm trực tiếp trong vở ghi.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn các HV yếu, kém.

Bài 4

SỐ HẠNG, TỔNG. SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được các thành phần và kết quả của phép cộng, phép trừ. Cụ thể: Phân biệt được số hạng và tổng trong phép tính cộng; số bị trừ, số trừ và hiệu trong phép tính trừ.

- Thực hiện các phép tính khi biết các thành phần của phép tính.

- Giải quyết một số tình huống thực tiễn liên quan tới phép tính cộng, trừ.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, cụ thể như: Thông qua các hoạt động dạy học giúp HV từng bước hình thành năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy độc lập để giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2 (có thể dùng mô hình que thay thế “vật liệu” trong TLH).

- Mô hình, vật liệu... để tổ chức mô phỏng hình ảnh.

- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trọng tâm của bài này là cách gọi tên thành phần và kết quả của phép cộng, phép trừ. Mục đích chính của Bài 1, 2, 3 và Bài 4 (phần Luyện tập) là giúp HV nhớ được tên thành phần và kết quả của phép cộng, phép trừ.

2. Khi nhắc lại tên thành phần và kết quả của phép cộng, chẳng hạn $26 + 37 = 63$; HV phải phát biểu đầy đủ. Ví dụ: “Trong phép cộng $26 + 37 = 63$, số 26 được gọi là số hạng...”. Đối với phép trừ cũng tương tự.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Ghép các thẻ số và thẻ dấu dưới đây tạo thành phép tính đúng)

☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.

- Các nhóm làm bài, trao đổi, thảo luận và ghi sản phẩm trên tờ giấy A4.
- Các nhóm nhận xét chéo, GV hướng dẫn và đánh giá.

2. Hình thành kiến thức

1) Số hạng, tổng

$$\begin{array}{ccccccc} 4 & + & 2 & = & 6 \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \boxed{\text{Số hạng}} & & \boxed{\text{Số hạng}} & & \boxed{\text{Tổng}} \end{array}$$

Chú ý: $4 + 2$ cũng gọi là tổng.

2) Số bị trừ, số trừ, hiệu

$$\begin{array}{ccccccc} 6 & - & 2 & = & 4 \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \boxed{\text{Số bị trừ}} & & \boxed{\text{Số trừ}} & & \boxed{\text{Hiệu}} \end{array}$$

Chú ý: $6 - 2$ cũng gọi là hiệu.

☞ • Từ các phép tính quen thuộc hình thành khái niệm và các thành phần của phép cộng, phép trừ.

• GV nhấn mạnh vào việc tổng hai số cũng gọi là tổng, hiệu hai số cũng gọi là hiệu.

• GV mời HV tự cho ví dụ các phép tính tổng, hiệu của hai số để tiếp tục củng cố khái niệm.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4.

(Các bài tập này giúp HV nhớ và củng cố các thành phần và kết quả của phép cộng, phép trừ; củng cố rõ các khái niệm theo các cách thể hiện khác nhau của cách cho phép tính)

- ☞ • GV tổ chức cho HV quan sát phép tính, đọc các thành phần của phép tính.
- Sau khi dành thời gian cho HV tự làm, GV yêu cầu 2 HV cạnh nhau so sánh, đối chiếu kết quả.
- Các nhóm nhận xét chéo, GV nhận xét và đánh giá.

Bài 5. Tính tổng biết các số hạng lần lượt.

Bài 6. Tính hiệu biết.

(Các bài tập này giúp HV không những nhớ được tên thành phần và kết quả của phép cộng, phép trừ; mà còn lập được phép tính cụ thể khi có các thành phần của phép toán)

- ☞ • GV tổ chức cho HV lập phép tính, đọc từng thành phần của phép tính.
- Sau khi dành thời gian cho HV tự làm, GV yêu cầu 2 HV cạnh nhau so sánh, đối chiếu.
- Các nhóm nhận xét chéo, GV nhận xét và đánh giá.

4. Vận dụng

Bài 7. Tính số điểm của mỗi người trong trò chơi phi tiêu.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm (chia làm 4 nhóm) thực hiện tính tổng số điểm của An và Bình.
- Các nhóm làm bài, trao đổi, thảo luận và ghi sản phẩm trên tờ giấy A4.
- Các nhóm nhận xét chéo, GV hướng dẫn và đánh giá.

✎ Tổng điểm của An là: $10 + 6 + 2 = 18$.

✎ Tổng điểm của Bình là: $10 + 4 + 4 = 18$.

Bài 8. Đội bóng thứ nhất có 9 bàn thắng và 5 bàn thua. Đội bóng thứ hai có 8 bàn thắng và 4 bàn thua. Hãy tính hiệu số bàn thắng, bàn thua của hai đội.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Các nhóm làm bài, trao đổi, thảo luận và ghi sản phẩm trên tờ giấy A4.
- Các nhóm nhận xét chéo, GV hướng dẫn và đánh giá.

Bài 5

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN. BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được bài toán nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.
- Biết cách giải, trình bày bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị (dạng đơn giản).
- Vận dụng các bài toán nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính.
- Phát triển được kỹ năng giải bài toán có lời văn bằng một phép tính cộng hoặc trừ gắn với thực tế cuộc sống.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Thông qua giải bài toán thực tế về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện cho phép, GV có thể chiếu các bài tập, bức ảnh/tranh vẽ để HV dễ quan sát.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.
- Yêu cầu HV chuẩn bị khoảng 10 hoặc 15 bông hoa, hạt đỗ hay hạt lạc... để minh họa cho khái niệm nhiều hơn, ít hơn.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khái niệm “nhiều hơn” và “ít hơn” là hai khái niệm quen thuộc và gần gũi với HV. Thông thường, khi giải bài toán “nhiều hơn” ta thực hiện phép tính cộng, bài toán “ít hơn” ta thực hiện phép tính trừ. Tuy nhiên, để tránh nhầm lẫn cần lưu ý HV trong nhiều bài toán có khái niệm “nhiều hơn” lại được giải bằng phép tính trừ, hoặc nhiều bài toán có khái niệm “ít hơn” lại giải bằng phép tính cộng.

2. Trong dạng bài toán này, từ “dài hơn”, “cao hơn”, “xa hơn”... được hiểu như là “nhiều hơn”; từ “ngắn hơn”, “thấp hơn”, “nhẹ hơn”... được hiểu như là “ít hơn”.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Hãy nêu một tình huống có phép cộng hoặc phép trừ trong cuộc sống liên quan đến cụm từ “nhiều hơn”, “ít hơn”)

☞ • GV tổ chức cho HV liên hệ thực tiễn trong gia đình, môi trường xung quanh hoặc nơi sản xuất để lấy ví dụ phù hợp.

- Dành thời gian để HV tự liên hệ và ghi ví dụ ra giấy nháp.
- Gọi một vài HV đứng tại chỗ phát biểu.

2. Hình thành kiến thức

1) Bài toán về nhiều hơn

Bài toán: Đĩa thứ nhất có 6 quả dâu tây, đĩa thứ hai có nhiều hơn đĩa thứ nhất 4 quả dâu tây. Hỏi đĩa thứ hai có bao nhiêu quả dâu tây?



Bài giải:

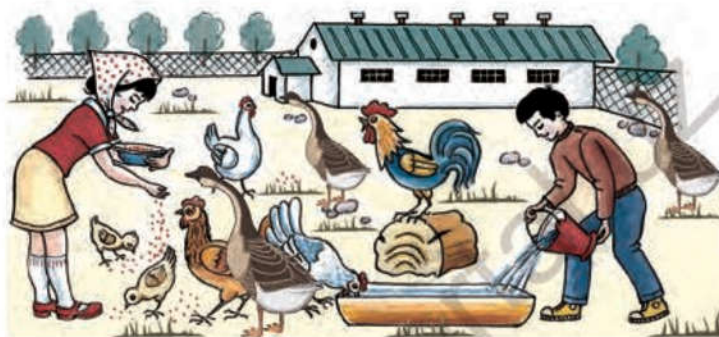
Đĩa thứ hai có số quả dâu tây là:

$$6 + 4 = 10 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 10 quả dâu tây.

2) Bài toán về ít hơn

Bài toán: Nhà thím Ba nuôi 15 con gà, số con ngỗng nhà thím Ba nuôi ít hơn số con gà 7 con. Hỏi nhà thím Ba nuôi bao nhiêu con ngỗng?



Bài giải:

Nhà thím Ba nuôi số con ngỗng là:

$$15 - 7 = 8 \text{ (con)}$$

Đáp số: 8 con ngỗng.

- ☞ • GV hướng dẫn chi tiết các bài toán sử dụng thuật ngữ “nhiều hơn” và “ít hơn”.
- Tùy thuộc vào HV mà GV có thể lấy thêm các ví dụ gần với HV hơn.
- Lưu ý, để HV hiểu được lời văn trong các bài giải, GV kết hợp phân tích các câu trong bài toán rồi tóm tắt trên bảng.

(Đây là 2 bài toán có lời văn rất cơ bản để HV bước đầu hình thành kỹ năng để giải bài toán có lời văn, ứng dụng nhiều trong tình huống thực tế cuộc sống. Do vậy, GV cần hướng dẫn kỹ việc đọc hiểu, tóm tắt và trình bày lời giải)

3. Luyện tập

Bài 1. Nhà anh San trồng 32 cây nhãn, số cây bơ nhà anh San trồng nhiều hơn số cây nhãn 21 cây. Hỏi nhà anh San trồng tất cả bao nhiêu cây bơ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV đọc hiểu nội dung bài toán trước.
- GV mời 1 HV lên bảng tóm tắt bài toán trước khi giải theo mẫu.
- GV mời HV đứng tại chỗ và hỏi căn cứ nào để đặt phép tính.

📄 Nhà anh San trồng số cây bơ là:

$$32 + 21 = 53 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 53 cây bơ.

Bài 2. Anh Tiến năm nay 46 tuổi, chị Thắm ít hơn anh Tiến 5 tuổi. Hỏi chị Thắm năm nay bao nhiêu tuổi?

- ☞ • GV dành thời gian để HV đọc hiểu nội dung bài toán trước.
- GV mời 1 HV lên bảng tóm tắt bài toán trước khi giải theo mẫu.
- GV mời HV đứng tại chỗ và hỏi căn cứ nào để đặt phép tính.

📄 Chị Thắm có số tuổi là:

$$46 - 5 = 41 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 41 tuổi.

4. Vận dụng

Bài 3. Vườn hoa nhà chị Lay có 8 cây hoa hồng đỏ, số cây hoa hồng trắng nhiều hơn số cây hoa hồng đỏ 6 cây. Hỏi vườn hoa nhà chị Lay có bao nhiêu cây hoa hồng trắng?

Bài 4. Buổi sáng cửa hàng bán được 8 chiếc mũ bảo hiểm, buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng 9 chiếc mũ bảo hiểm. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc mũ bảo hiểm?

Bài 5. Đội văn nghệ của một bản có 12 nữ, số nam ít hơn số nữ 4 người. Hỏi đội văn nghệ đó có bao nhiêu nam?

Bài 6. Anh Thành thả xuống ao 85 con cá trắm và 40 con cá chép. Hỏi số cá trắm anh Thành thả xuống ao nhiều hơn số cá chép bao nhiêu con?

Bài 7. Có 2 đội trồng rừng, đội thứ nhất có 25 người, đội thứ hai có 34 người. Hỏi đội thứ hai nhiều hơn đội thứ nhất bao nhiêu người?

Bài 8. Vụ bí năm nay, anh Mười thu hoạch được 41 quả bí đỏ và 28 quả bí xanh. Hỏi số quả bí xanh anh Mười thu hoạch được ít hơn số quả bí đỏ anh Mười thu hoạch được bao nhiêu quả?

Bài 9. Buổi liên hoan được dự kiến có 95 người. Trong phòng đã có 65 chiếc ghế. Người ta dự kiến mượn thêm 35 chiếc ghế nữa. Hỏi nếu mượn thêm số ghế đó thì đã đủ ghế cho buổi liên hoan chưa? Tại sao?

(Các Bài 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 giúp củng cố, khắc sâu, hình thành tốt hơn kỹ năng giải toán có lời văn. GV nên đưa các ví dụ phù hợp với tình hình của địa phương, công việc lao động, sản xuất của người học thì tiết học thú vị, cuốn hút hơn; không nhất thiết phải chữa hết các bài tập, GV chọn lọc các bài tập thiết yếu để chữa cho HV)

- ☛ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ đọc hiểu, tóm tắt bài toán.
- Cho cặp đôi HV thảo luận, thống nhất được cơ sở đặt phép tính của bài toán.
- Gọi HV làm bài tập theo tinh thần xung phong.
- GV nhận xét lời giải (chú ý lời văn trong bài giải), chữa bài cho cả lớp đối chiếu.

Bài 6

HÌNH TỨ GIÁC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật.

- Nhận biết được các đồ vật xung quanh có dạng hình tứ giác.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, cụ thể như: năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Các mô hình (bìa, miếng nhựa) hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông...

- Sưu tầm đồ vật thật, tranh ảnh đồ vật có các dạng hình tứ giác.

- Giấy, kéo cắt giấy thực hành Bài 2 (phần Luyện tập).

- Bộ đồ dùng học Toán 2.

- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH và các hình vẽ bên ngoài có dạng hình tứ giác.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Hình tứ giác rất quen thuộc với HV và có nhiều trong đời sống hằng ngày. Mặc dù chưa định nghĩa chính xác hình tứ giác nhưng thông qua các hình ảnh thực tế, GV cần hình thành cho HV sự nhận biết rõ ràng, nhanh chóng các hình tứ giác.

2. HV đã biết về hình chữ nhật trong Kỳ 1. Mặc dù hình chữ nhật là một hình tứ giác đặc biệt (sẽ học ở bậc THCS) nhưng ở đây GV không nên đề cập sâu đến vấn đề này. Chỉ cần biết, hình chữ nhật cũng là tứ giác. Khi lấy ví dụ về hình tứ giác không nên vẽ hình chữ nhật và hình vuông.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nói tên mỗi hình sau: HV đã biết hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác; tuy nhiên các hình còn lại chưa được đặt tên, mặc dù đã xuất hiện và nhìn thấy nhiều trong thực tiễn)

👉 • GV dành thời gian để HV quan sát các hình. Cho HV nhận xét về hình dáng của các hình, đọc tên các hình nếu đã biết.

• GV giải thích thêm 2 hình cuối cùng có viền xung quanh gồm tất cả là bốn đoạn thẳng.

🔗 Các hình có viền xung quanh là bốn đoạn thẳng là hình tứ giác.

2. Hình thành kiến thức



Đây là các hình tứ giác

- 👉 • GV dành thời gian để HV quan sát các hình và đếm số các viền xung quanh.
- GV mời HV đếm số các viền xung quanh của từng hình. Đề nghị cho kết quả là 4.
 - GV nêu 3 hình đều có tính chất giống nhau về số lượng các đường viền xung quanh là 4 nên gọi chung là hình tứ giác.

3. Luyện tập

Bài 1. Trong các hình sau, hình nào là hình tứ giác?



👉 • GV dành thời gian để HV quan sát các hình, cho HV phát hiện hình tứ giác với các hình ảnh nhận dạng từ bài học.

• GV giải thích thêm các hình còn lại không là tứ giác (phân biệt dựa vào các hình còn lại có viền xung quanh không là 4 đoạn thẳng).

Bài 2. a) Chỉ ra những mảnh bìa hình tứ giác trong mỗi hình sau.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm, quan sát các hình; để HV phát hiện đủ số hình tứ giác với các hình vẽ trong TLH.

- Đại diện các nhóm HV trình bày kết quả, đếm số lượng hình.

- GV mời các nhóm còn lại so sánh, đối chiếu, nhận dạng đúng hình; bổ sung, sửa sai nếu nhóm bạn trả lời khác với đáp án của nhóm.

Lưu ý: GV có điều kiện nên vẽ trên bảng phụ để HV lên bảng chỉ sẽ tốt hơn.

b) Dùng các giấy màu khác nhau gấp, cắt các hình và xếp thành một trong các hình trên.

☞ • GV tổ chức để các nhóm HV thực hành gấp, cắt các hình. Mời các nhóm lựa chọn hình để cắt, ghép.

- Đại diện các nhóm HV trình bày kết quả, sản phẩm của nhóm.

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát các hình trên bảng phụ.

- HV sẽ điền Đ hay S trên bảng phụ.

- GV có thể hỏi thêm các đáp án sai để khắc sâu cách phân biệt hình tứ giác với các hình còn lại.

4. Vận dụng

Bài 4. Hình tam giác sau được ghép bởi các mảnh bìa nào?

☞ • GV chuẩn bị trước các tấm bìa và dành thời gian để nhóm các HV thực hiện.

☞ Các hình sau sẽ ghép thành hình tam giác to: Hình 1, 6, 4, 2.

Bài 5. Tìm trong thực tế những đồ vật có dạng hình tứ giác.

☞ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ, liên hệ các đồ vật xung quanh trong gia đình, đồ dùng trong sản xuất...

- Gọi lần lượt một số HV trả lời câu hỏi.

- Mời các HV khác nhận xét, hỗ trợ nếu bạn gặp khó khăn.

Bài 7

ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, ĐƯỜNG GẤP KHÚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan.

- Đọc được tên các điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong cho trước.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hình phẳng.

- Phân biệt được đường thẳng, đường gấp khúc; biết cách kiểm tra ba điểm thẳng hàng.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Qua hoạt động quan sát, nhận biết hình ảnh điểm, đoạn thẳng; liên hệ nhận dạng điểm, đoạn thẳng trong thực tế; HV bước đầu hình thành năng lực mô tả hóa toán học.

- Cùng với các hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi mà GV đặt ra sẽ giúp HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- GV nên sưu tầm, chuẩn bị một số vật thật xung quanh lớp học và các tranh minh họa đường thẳng, các điểm, các điểm thẳng hàng như:



Vạch sơn như một đường thẳng



Các cột đèn chôn thẳng hàng

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Một số bảng phụ vẽ hình ảnh: đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng; hình ảnh của Bài 2, 3, 4 (phần Luyện tập) và 6, 7 (phần Vận dụng).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khái niệm đường thẳng gắn liền với sự thẳng hàng của các điểm, nó được gặp thường xuyên trong đời sống hằng ngày và có nhiều ứng dụng thực tế.
2. Cần giải thích thêm cho HV: Ba điểm không thẳng hàng tạo thành một đường gấp khúc. Đường gấp khúc bao gồm ít nhất hai đoạn thẳng. Có thể nêu câu hỏi: Tại sao các cột điện luôn được chôn thẳng hàng?

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Kể về những hình ảnh đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong thực tế)

☞ • GV dành thời gian để HV lấy thêm các ví dụ về các hình ảnh đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong thực tế khác với TLH.

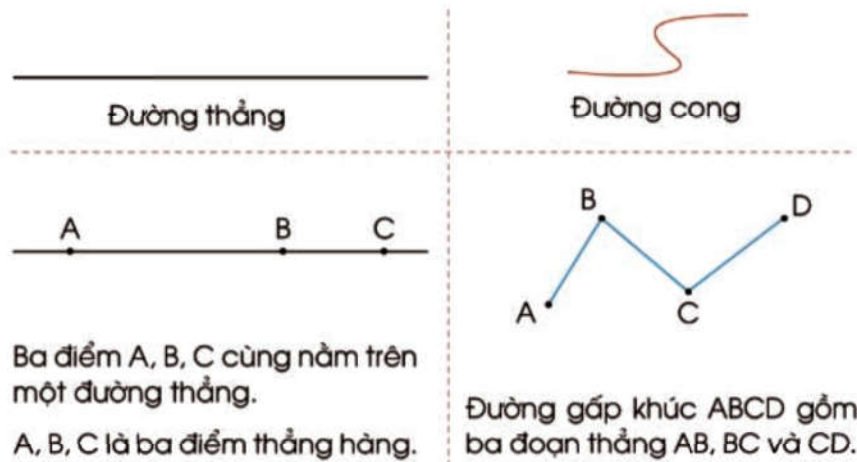
- Một vài HV lần lượt lấy ví dụ.
- GV nhận xét các hình ảnh mà HV lấy ví dụ.

2. Hình thành kiến thức



☞ • GV lấy trước hai điểm A và B trên bảng. Mời 1 HV nối hai điểm bằng thước thẳng.

- Các HV khác thực hiện trong vở ghi.
- GV chốt kiến thức: Hai điểm A và B, đoạn thẳng AB.



☞ • GV mời HV dùng thước thẳng kẻ một đường thẳng, vạch một đường cong (trên bảng và trong vở). GV cần chỉ rõ để HV phân biệt giữa đường thẳng và đoạn thẳng.

• GV chốt kiến thức và chỉ vào hình ảnh đường thẳng, đường cong và gọi chúng lần lượt là đường thẳng và đường cong.

• GV lấy phấn màu; lấy ba điểm A, B, C trên đường thẳng và khẳng định: Ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng. Ta nói: A, B, C là ba điểm thẳng hàng.

• GV lấy phấn màu; lấy bốn điểm A, B, C, D trên đường cong và nối bốn điểm bằng phấn màu và khẳng định: Bốn điểm A, B, C, D gồm ba đoạn thẳng AB, BC, CD tạo thành đường gấp khúc. Từ đó nói: Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng: AB, BC và CD.

Lưu ý: GV cần nhấn mạnh việc phân biệt ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.

3. Luyện tập

Bài 1. Đọc tên các điểm, đoạn thẳng trong các hình sau.

☞ • GV mời HV đứng tại chỗ quan sát bảng phụ (nếu có), ghi tên hình các đoạn thẳng.

• GV đọc và chỉ ra số lượng các đoạn thẳng.

• GV hướng dẫn cách viết đoạn thẳng.

Bài 2. Chỉ ra đường thẳng, đường cong trong mỗi hình sau.

☞ • HV chỉ các đường thẳng, đường cong tại các câu a, b, c trên bảng phụ.

• Gọi HV lên bảng chỉ trực tiếp (trên bảng phụ).

Bài 3. Nêu tên ba điểm thẳng hàng.

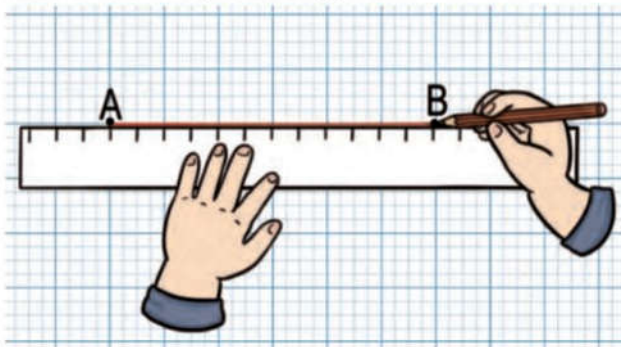
Bài 4. Nêu tên các đoạn thẳng của mỗi đường gấp khúc dưới đây.

☞ • GV yêu cầu HV quan sát hình và chỉ ra ba điểm thẳng hàng, nêu tên các đường gấp khúc.

• Yêu cầu một số HV đọc các tên đoạn thẳng của các đường gấp khúc.

Bài 5. a) Vẽ đoạn thẳng AB theo mẫu.

Mẫu: Vẽ đoạn thẳng AB



- Đánh dấu hai điểm A, B.
- Dùng thước thẳng nối hai điểm A và B.

b) Vẽ đoạn thẳng CD.

c) Vẽ đoạn thẳng MN.

☞ • GV yêu cầu HV lên bảng vẽ trực tiếp với hai điểm đánh dấu trước.

- Yêu cầu HV khác hỗ trợ khi bạn dùng thước thẳng nối.
- Các HV còn lại tự đánh dấu hai điểm và dùng thước thẳng nối trong vở ghi.
- Hỗ trợ các HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 6. Đếm số đoạn thẳng trong mỗi hình (theo mẫu).

☞ • GV chuẩn bị bảng phụ vẽ hình Bài 6. Mời một vài HV lên bảng đếm và ghi số trực tiếp trên bảng phụ.

- Hướng dẫn HV đếm số đoạn thẳng của từng hình và ghi ngay số vào ô tròn.
- Hỗ trợ HV yếu, kém đếm và ghi số.

Bài 7. a) Vẽ các đường thẳng đi qua hai điểm trong hình dưới đây.

b) Ba điểm B, C, D có thẳng hàng không?

☞ • GV chuẩn bị bảng phụ vẽ hình như trong TLH.

• GV mời HV lên bảng vẽ đoạn thẳng và phát hiện ba điểm có thẳng hàng hay không (dùng thước thẳng).

• GV mời các HV nhận xét, chỉ ra tại sao ba điểm không thẳng hàng.

☞ B, C và D không thẳng hàng (sử dụng thước thẳng phát hiện).

Bài 8. Chỉ ra một hình ảnh của đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc trong thực tế.

☞ • GV có thể tổ chức cho HV tô các đường thẳng, đường cong trên hình vẽ trong TLH bằng 2 màu khác nhau.

• Dành thời gian để HV tự tô và uốn nắn khi cần thiết.

• Ngoài ra, yêu cầu HV lấy thêm các ví dụ khác trong thực tế.

Bài 8

ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG, ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết cách đo độ dài đoạn thẳng, độ dài đường gấp khúc.
- Thực hành đo độ dài đoạn thẳng, độ dài đường gấp khúc.
- Vận dụng kiến thức tính toán độ dài đường gấp khúc vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, cụ thể như: năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Bảng phụ vẽ độ dài một số đoạn thẳng, đường gấp khúc.
- Thước thẳng chia vạch, thước mét để đo độ dài các đồ vật.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đo độ dài đoạn thẳng, độ dài đường gấp khúc HV được gặp thường xuyên trong đời sống hằng ngày và có nhiều ứng dụng thực tế.
2. GV có thể hướng dẫn HV dùng thước mét để đo khoảng cách các vật dụng, đồ đạc xung quanh.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Đường gấp khúc nào dài hơn?)

- GV cho HV quan sát hình vẽ và chỉ ra đường gấp khúc nào dài hơn.
- Căn cứ để xác định đường màu xanh dài hơn.
- GV gợi ý cho HV căn cứ số cạnh ô vuông mà các đường đi qua.

(Ngoài cách xác định nêu trên, chúng ta còn có cách khác xác định đường gấp khúc nào dài hơn bằng việc đo độ dài các đường gấp khúc)

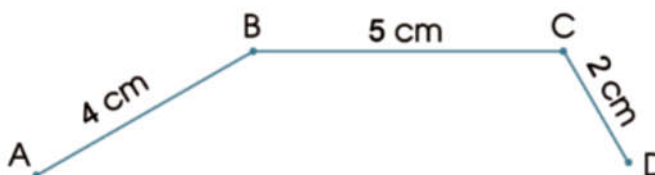
2. Hình thành kiến thức

1) Độ dài đoạn thẳng



Độ dài đoạn thẳng AK là 5 cm, ta viết $AK = 5 \text{ cm}$.

2) Độ dài đường gấp khúc



Độ dài đường gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD:

$$4 \text{ cm} + 5 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 11 \text{ cm}$$

☞ • GV hướng dẫn HV cách đo. Đo độ dài đoạn thẳng AK, ta để điểm A trùng với vạch ghi 0 (cm), điểm K trùng với vạch nào thì ta đọc đoạn AK dài bấy nhiêu xăng-ti-mét. Cụ thể tại hình minh họa, điểm K trùng với vạch ghi 5 cm. Ta được độ dài đoạn AK dài 5 cm. Ta viết: $AK = 5 \text{ cm}$.

• Để đo độ dài đường gấp khúc ABCD, ta lần lượt đo độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD rồi cộng độ dài từng đoạn thẳng đo được.

• GV mời lần lượt các HV đo độ dài đoạn thẳng, độ dài đường gấp khúc và ghi kết quả đo trên bảng (bảng phụ treo).

• Dành thời gian để HV thực hành đo đồ vật xung quanh theo các cặp đôi. Chẳng hạn, đo kích thước các cạnh của TLH, vở ghi...

Lưu ý: GV lựa chọn vật đo cho kết quả đo là số nguyên dương.

3. Luyện tập

Bài 1. Đo độ dài các đoạn thẳng sau.

Bài 2. Tính độ dài các đường gấp khúc sau.

(Bài 1 và 2 GV chuẩn bị trước bảng phụ vẽ các đoạn thẳng, đường gấp khúc cho trước để đảm bảo kết quả đo là số nguyên. Hoặc thay thế bằng đo vật thật với kích thước phù hợp)

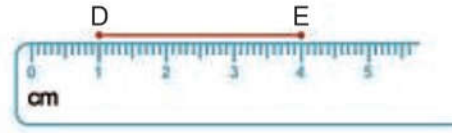
☞ • GV tùy thuộc vào điều kiện thực tế để giao nhiệm vụ cho HV, ưu tiên các nhóm HV được giao nhiệm vụ và thảo luận đo kết quả.

- GV nhận xét về cách đo, cách đọc kết quả đo; lưu ý khi đo.
- Tăng cường tính thực hành đo phù hợp với điều kiện dạy học.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S. (Bài toán lưu ý cách đo đúng)

a) Đoạn thẳng DE dài 4 cm. ☐

b) Đoạn thẳng DE dài 3 cm. ☐



☞ • GV để HV quan sát tranh vẽ trên bảng phụ.

- Nhấn mạnh và giải thích tại sao đúng/sai.
- Để đo đúng ta cần lưu ý gì về cách đo.

Bài 4. a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài bằng 6 cm (theo mẫu).

b) Vẽ đoạn thẳng AB dài 7 cm.

c) Vẽ đoạn thẳng CD dài 4 cm.

☞ • HV thực hành vẽ trực tiếp trên vở ghi.

- GV kiểm tra hình vẽ của các HV trong lớp.
- Lưu ý việc đặt đầu thước thẳng một đầu ở vị trí số 0.
- Kịp thời hỗ trợ HV đặt thước sai, hỗ trợ HV đọc không đúng và lưu ý về cách đo.

4. Vận dụng

Bài 5. Một chú kiến sau khi ra khỏi tổ bò được 10 cm thì quay sang phải bò tiếp 5 cm, tiếp theo chú kiến quay sang phải và bò tiếp 10 cm. Cuối cùng chú kiến tiếp tục rẽ phải và bò thêm 5 cm.

a) Vẽ đường đi của chú kiến.

b) Chú kiến đã bò được quãng đường dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

- HV trình bày kết quả, sản phẩm.
- GV đánh giá, nhận xét từng nhóm; so sánh hình vẽ đường đi của chú kiến.

- Hướng dẫn lỗi sai (nếu có).

🦋 Chú kiến đã bò được quãng đường dài 30 cm.

Bài 6. Ước tính độ dài của các đồ vật trong lớp (quyển sách, bút chì, vở ghi...).

- ☞ • Tùy vào điều kiện lớp học GV giao bài tập.

- Trước tiên hướng dẫn HV quan sát trước vật cần đo, ước lượng độ dài, sau đó mới thực hiện dùng thước thẳng ghi vạch hoặc thước mét để đo.

- GV đánh giá, kịp thời khen HV ước lượng gần nhất với kết quả đo thực tế.

Bài 9

GIỜ, PHÚT. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được một ngày có 24 giờ, một giờ có 60 phút.
- Thực hành đọc được giờ trên đồng hồ.
- Biết được số giờ trong một ngày đêm; phân biệt được thời gian buổi sáng, trưa, chiều, tối và đêm.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua các hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi mà GV đưa ra HV phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Mô hình đồng hồ kim, đồng hồ điện tử.
- Bảng phụ hỗ trợ hình ảnh trong các bài tập, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Kể từ 1 giờ chiều đến 12 giờ đêm có hai cách đọc thời gian: đọc giờ kèm theo tên buổi (chiều, tối, đêm) hoặc đọc trực tiếp theo chu kỳ 24 giờ. GV cần giúp HV cách nhận biết và đổi thời gian từ chu kỳ 24 giờ sang chu kỳ 12 giờ.

2. Tăng cường giải thích, minh họa và thực hành

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nói cách xem giờ trên đồng hồ và nói về các buổi trong một ngày.

GV có thể đặt câu hỏi về thời gian gắn với các hoạt động thường ngày của HV như: thời gian thức giấc, bắt đầu đi làm...; gia đình HV có sử dụng đồng hồ không, loại nào và thường xem giờ bằng phương tiện gì...)






- ☞ • GV hỏi HV thường đi làm lúc mấy giờ sáng.
- Chuẩn bị đồng hồ treo tường và có thể xác định các kim ở vị trí nào.
- Một số HV cùng đứng tại chỗ trả lời câu hỏi của GV.
- GV định hướng vào bài dạy.

2. Hình thành kiến thức

1) Ngày, giờ, các buổi trong ngày

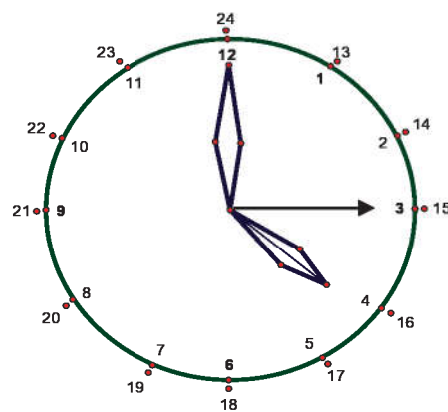
1 ngày = 24 giờ

24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau:

	Sáng	1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng.
	Trưa	11 giờ trưa, 12 giờ trưa.
	Chiều	1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ).
	Tối	7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ).
	Đêm	10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ).

☞ • Từ hoạt động khởi động, GV mời HV nói về tổng số giờ trong một ngày. Từ các khái niệm quen thuộc như: sáng, trưa, chiều, tối, đêm; GV dành thời gian để HV thảo luận các khung giờ phù hợp với bài học.

- HV thảo luận, nghiên cứu bài học để chốt khung thời gian các buổi.
- GV nhận xét và tổng hợp để HV ghi nhớ.
- Buổi sáng: Từ 1 giờ đến hết 10 giờ.
- Buổi trưa: Từ 11 giờ đến hết 12 giờ.
- Buổi chiều: Từ 1 giờ chiều đến hết 6 giờ chiều, tức là từ 13 giờ đến hết 18 giờ.
- Buổi tối: Từ 7 giờ tối đến hết 9 giờ tối, tức là từ 19 giờ đến hết 21 giờ.
- Buổi đêm: Từ 10 giờ đêm đến hết 12 giờ đêm, tức là từ 22 giờ đến hết 24 giờ.



Lưu ý:

- Có thể đổi thời gian một cách đơn giản theo quy tắc: Số giờ theo chu kỳ 24 giờ trừ đi 12 bằng số giờ theo buổi.

Ví dụ: 18 giờ là thời điểm nào?

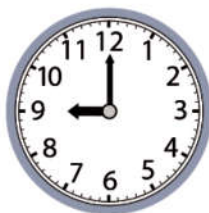
$$18 - 12 = 6.$$

Như vậy, 18 giờ là 6 giờ tối.

- Cũng có thể hướng dẫn HV đếm số giờ từ 1 đến 12, xong đếm tiếp theo vòng tròn: 13 (chỉ vào số 1 hoặc ghi số 13 bên ngoài vòng tròn mặt đồng hồ, cạnh số 1), 14 (chỉ vào số 2), 15..., 24 (chỉ vào số 12).

2) Giờ - Phút

1 giờ = 60 phút



9 giờ



9 giờ 15 phút



9 giờ 30 phút
(hay 9 giờ rưỡi)

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát đồng hồ; cách xem đồng hồ; các kim chỉ giờ, phút của đồng hồ.

- Mời HV nói về mối quan hệ giữa kim chỉ giờ, kim chỉ phút.
- Từ kinh nghiệm sống của HV, GV chốt kiến thức bài học: 1 giờ = 60 phút.
- Tiếp tục tăng cường để HV thực hành xem giờ sau khi đã ghi nhớ kiến thức bài học.

Lưu ý: Sau khi GV giới thiệu cách xem đồng hồ kim, GV hướng dẫn cách xem và đọc đồng hồ số.

3. Luyện tập

Bài 1. Xem tranh rồi viết giờ thích hợp (theo mẫu).

Bài 2. Chọn ghép cặp đôi các thẻ (theo mẫu).

(Bài 1 và 2 củng cố cách đọc giờ đồng hồ gắn với bối cảnh theo hai cách để củng cố lý thuyết đã học)

☞ • GV hoặc HV chuẩn bị bảng phụ hoặc máy chiếu để HV quan sát.

• Tổ chức để HV thảo luận cặp đôi. Lần lượt mời một số HV lên bảng nói và HV đứng trên bảng giải thích đáp án (chẳng hạn, làm sao HV biết được 5 giờ chiều là 17 giờ).

Bài 3. Đọc giờ (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh và đọc giờ (theo mẫu).

- Theo dõi các HV tự làm bài, kịp thời hướng dẫn lỗi sai (nếu có).
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 4. Đồng hồ chỉ mấy giờ?

☞ • GV dành thời gian để HV đọc giờ.

- Theo dõi các HV tự làm bài, kịp thời hướng dẫn lỗi sai (nếu có).
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 5. Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ.

☞ • GV sử dụng đồng hồ và thực hiện quay kim để các HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

- Nghe câu trả lời của HV, kịp thời hướng dẫn lỗi sai (nếu có).
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 6. Câu nào đúng điền Đ, câu nào sai điền S.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và trả lời trực tiếp đúng hay sai.

- Kịp thời hướng dẫn lỗi sai (nếu có).
- Sử dụng thêm đồng hồ để củng cố các câu hỏi tượng tự; quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 7. Tìm thẻ tương ứng với giờ trong tranh.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và thảo luận theo nhóm.

- Mời các nhóm chọn giờ phù hợp với tranh vẽ.
- Nhận xét kết quả của từng nhóm.

4. Vận dụng

Bài 8. Trả lời câu hỏi.

a) Chủ nhật Mỹ và Sao đi chợ phiên. Mỹ đến chợ lúc 6 giờ sáng, còn Sao đến chợ lúc 6 giờ 15 phút sáng. Hỏi ai đến muộn hơn?

b) Buổi họp bắt đầu lúc 19 giờ 30. Anh Dìn có mặt lúc 7 rưỡi tối, chị Hồng có mặt lúc 8 giờ 30 tối. Hỏi ai đi họp đúng giờ?

☞ • GV dành thời gian để HV nghiên cứu nội dung bài toán, giao từng cặp HV thảo luận.

- HV thảo luận và đại diện một vài HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

✎ Sao đến chợ lúc 6 giờ 15 phút sáng nên Sao đến chợ muộn hơn Mỹ.

✎ Anh Dìn có mặt lúc 7 rưỡi tối (tức 19 giờ 30) nên Anh Dìn đi họp đúng giờ.

Bài 9. Điền giờ hoặc phút vào chỗ chấm.

(Bài này căn cứ tình hình thực tế trong cuộc sống để tính toán điền giờ hoặc phút vào chỗ chấm cho hợp lý)

☞ • GV dành thời gian để từng cặp HV phân tích và thống nhất điền vào chỗ chấm.

- Chỉ sửa, phân tích nếu HV điền sai.

✎ a) Mỗi ngày tôi xem tivi khoảng 60 phút.

✎ b) Tôi tập thể dục buổi sáng khoảng 15 phút.

✎ c) Tôi nấu cơm khoảng 1 giờ.

✎ d) Tôi tưới rau khoảng 20 phút.

Bài 10. Viết thời gian và những hoạt động tương ứng diễn ra trong một ngày.

☞ • GV dành thời gian để HV liên hệ thực tiễn công việc hằng ngày đang diễn ra theo một trật tự riêng.

- Sau khi HV hoàn thành, GV mời HV trình bày bài làm của mình.

- Quan sát các HV khó khăn, tìm nguyên nhân để hỗ trợ HV đúng thời điểm.

Bài 10

NGÀY, THÁNG, NĂM. THỰC HÀNH XEM LỊCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được số ngày trong tháng thông qua tờ lịch tháng; biết được một năm có 12 tháng và tên các tháng trong năm.

- Biết xem lịch để xác định được số ngày trong một tháng bất kỳ và xác định một ngày nào đó là thứ mấy (trong tuần lễ).

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động quan sát, diễn đạt, trả lời câu hỏi HV phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Chuẩn bị tờ lịch tháng theo thời điểm dạy học (lịch bóc - lịch bloc).

- Bảng phụ.

- ...

- Khuyến khích sử dụng máy chiếu hỗ trợ trực quan bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Việc xem lịch hằng ngày có thể là đã quen thuộc đối với HV. Ở đây, GV cần giúp HV có một cách nhìn tổng thể quyền lịch trong một năm, cách xác định số ngày trong một tháng bất kỳ, ứng dụng xem lịch vào sắp xếp công việc cho hợp lý (bố trí đi tham quan vào ngày trùng với thứ Bảy hoặc Chủ nhật).

2. Bài học được chia làm 2 tiết, căn cứ điều kiện thực tế GV chủ động chia tiết. Nếu HV tiếp thu tốt, GV lấy nhiều các tình huống thực tiễn mà HV thường gặp hằng ngày hay trong lao động sản xuất.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Một năm có bao nhiêu tháng? Số ngày trong mỗi tháng?)

👉 • Giờ tờ lịch mang theo giới thiệu lần lượt các tháng trong năm và số ngày trong mỗi tháng. Nên nhận xét chung: Mỗi tháng có 30 hoặc 31 ngày, riêng tháng Hai có 28 hoặc 29 ngày (Có thể nêu cụ thể những tháng có 30 ngày và những tháng có 31 ngày, tham khảo kinh nghiệm xem các khớp xương lồi, lõm khi ta nắm chặt bàn tay).

• Giới thiệu tờ lịch ngày hôm nay và giải thích cách sắp xếp các ngày theo tuần lễ, cách xem một ngày nào đó vào thứ mấy. Lấy ví dụ một ngày thường và một ngày Chủ nhật.

2. Hình thành kiến thức

LỊCH NĂM 2023

⏪ < Tháng 1 năm 2023 > ⏩

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ Nhật
						1 10/12
2 11	3 12	4 13	5 14	6 15	7 16	8 17
9 18	10 19	11 20	12 21	13 22	14 23	15 24
16 25	17 26	18 27	19 28	20 29	21 30	22 1/1
23 2	24 3	25 4	26 5	27 6	28 7	29 8
30 9	31 10					



Một năm có 12 tháng là: tháng Một, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một, tháng Mười hai.

Số ngày trong từng tháng là:

Tháng 1 31 ngày	Tháng 2 28 hoặc 29 ngày	Tháng 3 31 ngày	Tháng 4 30 ngày
Tháng 5 31 ngày	Tháng 6 30 ngày	Tháng 7 31 ngày	Tháng 8 31 ngày
Tháng 9 30 ngày	Tháng 10 31 ngày	Tháng 11 30 ngày	Tháng 12 31 ngày

3. Luyện tập

Bài 1. Đọc, viết ngày tháng (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm theo mẫu.

• Hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu, kém.

🗑 Ngày năm tháng Mười một được viết là: Ngày 5 tháng 11.

🗑 Ngày hai mươi lăm tháng Mười một được viết là: Ngày 25 tháng 11.

🗑 Ngày 8 tháng 11 được đọc là: Ngày mùng tám tháng Mười một.

🗑 Ngày 30 tháng 11 được đọc là: Ngày ba mươi tháng Mười một.

Bài 2. Trả lời các câu hỏi.

a) Bây giờ đang là tháng mấy? Tháng này có bao nhiêu ngày?

b) Những tháng nào trong năm có 30 ngày?

c) Những tháng nào trong năm có 31 ngày?

☞ • GV cho HV thảo luận theo nhóm.

• Gợi ý các dụng cụ hỗ trợ như tờ lịch, tham khảo lịch năm 2023 ở trong TLH.

• Nhận xét, đánh giá độ chính xác.

Bài 3, 4. Xem hai tờ lịch sau và trả lời các câu hỏi.

☞ • GV dành thời gian để HV làm bài.

• Kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.

Chẳng hạn, trả lời Bài 3:

🗑 a) Tháng 11 có 30 ngày. Tháng 12 có 31 ngày.

🗑 b) Ngày 20 tháng 11 là thứ Hai.

✎ c) Ngày cuối cùng của tháng 12 là ngày Chủ nhật.

✎ d) Các ngày Chủ nhật của tháng 12 là những ngày: 3, 10, 17, 24, 31.

Bài 5. a) Viết các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 12 dưới đây.

b) Trả lời các câu hỏi.

☞ • GV chuẩn bị bảng phụ và cho HV lên bảng điền khuyết và trả lời các câu hỏi.

• Gợi ý HV yếu, kém và hướng dẫn họ hoàn thành được điền khuyết và trả lời.

Bài 6. Quan sát tờ lịch sau để trả lời câu hỏi.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tờ lịch trong TLH.

• Hỗ trợ HV đánh dấu vào TLH đối với câu d và e.

✎ a) Tháng Tư có 30 ngày. Trong tháng Tư có 4 ngày thứ Ba, đó là các ngày: 7, 14, 21, 28.

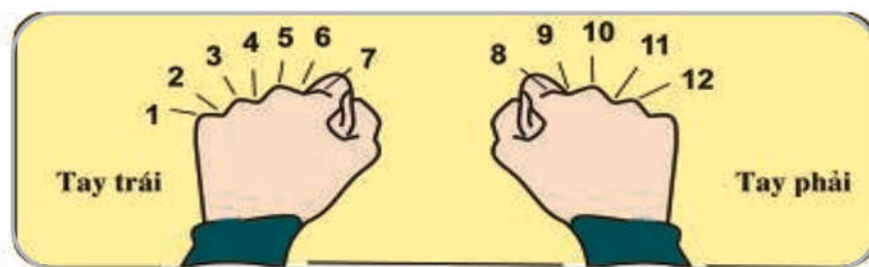
✎ b) Ngày 30 tháng Tư là thứ Năm.

✎ c) Một rạp chiếu phim có chương trình khuyến mãi giảm giá vé vào thứ Tư tuần thứ hai mỗi tháng. Để được giảm giá vé Hà nên đi xem phim vào ngày mùng 8 tháng 4.

✎ d) Ngày Sách Việt Nam 21 tháng Tư là thứ Ba.

4. Vận dụng

Bài 7. Nêu cách chỉ ra số ngày của các tháng trên bàn tay.



☞ • GV dành thời gian để HV vận dụng lịch tháng với các mẫu bàn tay khi nắm.

• HV thực hành, thảo luận và thống nhất ghi kết quả.

• GV nhận xét, kết luận chung việc ứng dụng mẫu bàn tay trong việc tính ngày trong các tháng.

Bài 8. Quan sát lịch dự báo thời tiết trong một tháng, trả lời câu hỏi.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

• Ghi kết quả theo các câu hỏi gợi ý:

- a) Trong tháng trên, những ngày nào có thể mưa?
- b) Trong tháng trên, những ngày nào có thể có nắng?
- c) Trong tháng trên, ngày nào có thể không mưa và ít nắng?
- d) Hồng muốn chọn một tuần có nhiều ngày nắng để đi du lịch biển. Hồng nên chọn tuần thứ mấy? Từ ngày nào đến ngày nào?

- GV nhận xét, kết luận chung các câu trả lời của từng nhóm HV.

Bài 9. Làm một tờ lịch tháng, trong đó có đánh dấu những ngày có hoạt động cần chú ý.

☞ • GV yêu cầu từng cặp HV xây dựng tờ lịch tháng theo kiểu truyền thống (lịch tường).

- Lưu ý nếu HV chọn tháng 2.
- Hai HV thống nhất đánh dấu vào những ngày có hoạt động và ghi nhớ hoạt động gì.
- GV nhận xét, đánh giá.

Bài 11

PHÉP NHÂN. THỪA SỐ, TÍCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, các thành phần của phép nhân.
- Nhận biết khái niệm ban đầu về phép nhân; đọc, viết phép nhân.
- Viết được phép cộng có các số hạng bằng nhau bằng phép nhân và ngược lại.
- Tính được phép nhân đơn giản bằng tổng các số hạng bằng nhau.
- Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính nhân thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khám phá hình thành phép nhân vận dụng vào giải một số bài toán thực tế liên quan tới phép nhân, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Ngoài ra, có thể dùng mô hình, vật thật của các nhóm đồ vật có cùng số lượng phù hợp với nội dung TLH.
- Bảng phụ.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu hỗ trợ trực quan.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý HV chỉ có tổng các số hạng bằng nhau mới chuyển được thành phép nhân.
2. Trong quá trình thực hành giải bài tập nên cho HV đọc phép nhân và nêu tên gọi từng thành phần (thừa số) và kết quả (tích) của phép nhân.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Có tất cả bao nhiêu bông hoa?)



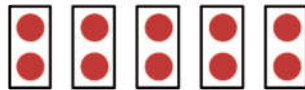
☞ • GV cho HV quan sát hình ảnh.

- Gợi ý: Muốn biết có tất cả bao nhiêu bông hoa phải tính tổng: $2 + 2 + 2 + 2 + 2$.
- Hướng dẫn HV trao đổi, mời một vài HV nhận xét và nhẩm kết quả.
- Giới thiệu: $2 + 2 + 2 + 2 + 2$ là tổng của 5 số hạng, mỗi số hạng đều bằng 2, ta chuyển thành phép nhân, viết như sau: $2 \times 5 = 10$.
- Viết 2×5 dưới tổng $2 + 2 + 2 + 2 + 2$ và viết số 10 dưới số 10 ở hàng trên.
Chẳng hạn: $2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$
 $2 \times 5 = 10$.

2. Hình thành kiến thức

1) Phép nhân

a)

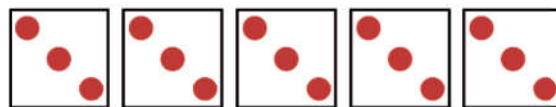


2 được lấy 5 lần

Ta có phép nhân $2 \times 5 = 10$

Đọc là: Hai nhân năm bằng mười.

b)



$$3 \times 5 = ?$$

$$3 \times 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15$$

$$3 \times 5 = 15$$

Có tất cả 15 chấm tròn.

2) Thừa số, tích

$$\begin{array}{ccccccc} 2 & \times & 4 & = & 8 \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \boxed{\text{Thừa số}} & & \boxed{\text{Thừa số}} & & \boxed{\text{Tích}} \end{array}$$

Chú ý: 2×4 cũng gọi là tích.

☞ • GV đọc mẫu: $2 \times 5 = 10$, đọc là: Hai nhân năm bằng mười. Dấu \times gọi là dấu nhân.

- Mời một vài HV đọc, sau đó nêu chú ý.
- Chú ý: Khi chuyển từ tổng $2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$ thành phép nhân $2 \times 5 = 10$ thì 2 là một số hạng của tổng, 5 là số các số hạng của tổng; viết 2×5 để chỉ 2 được lấy 5 lần. Như vậy, chỉ có tổng các số hạng bằng nhau mới chuyển được thành phép nhân.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết phép tính nhân phù hợp.

Bài 2. Quan sát tranh, viết phép nhân theo mẫu.

(Bài 1 và 2 củng cố lại bản chất của phép nhân)

☞ • GV yêu cầu HV vận dụng mẫu để thực hiện câu a, b.

- 2 HV làm trên bảng, các HV khác vận dụng mẫu để làm bài.
- GV hỗ trợ HV còn lúng túng; HV yếu, kém.

Bài 3. Viết số thích hợp vào ô trống.

(Bài 3 củng cố liên hệ giữa phép cộng và phép nhân trong cùng một tranh vẽ)

☞ • GV tổ chức để HV hoạt động theo nhóm, yêu cầu HV quan sát hình vẽ và điền vào ô trống.

• Căn cứ hình vẽ để điền các số vào ô trống trước và sau dấu $+$ rồi sử dụng cách viết theo phép nhân điền vào ô trống trước và sau dấu \times , cuối cùng điền vào ô kết quả sau dấu bằng.

- Hỗ trợ HV còn lúng túng; HV yếu, kém.

Bài 4. Quan sát tranh, viết phép nhân thích hợp.

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo cặp đôi; yêu cầu HV quan sát hình vẽ và ghi phép tính.

- Dành thời gian để HV tự làm bài vào vở ghi.
- Hỗ trợ HV còn lúng túng; HV yếu, kém.

Bài 5. Nêu thừa số, tích trong các phép tính sau.

(Củng cố các thành phần của phép nhân)

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự quan sát phép tính để trả lời.
- Gọi HV đứng tại chỗ trả lời.
- Hỗ trợ HV còn lúng túng; HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 6. Viết phép nhân thích hợp (theo mẫu).

- ☞ • Thông qua tranh mẫu, GV hướng dẫn hình thành phép toán.
- Dành thời gian để HV nghiên cứu trên cơ sở quan sát tranh minh họa.
- Hỗ trợ HV còn lúng túng; HV yếu, kém.

Bài 7. Viết số thích hợp vào ô trống.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận nhóm.
- Các nhóm quan sát tranh vẽ, thảo luận, trao đổi, ghi kết quả.
- Hỗ trợ các nhóm còn lúng túng.

Bài 12

BẢNG NHÂN 2. BẢNG NHÂN 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Hình thành được bảng nhân 2, bảng nhân 5; biết đếm thêm 2, thêm 5.
- Vận dụng được các bảng nhân 2, nhân 5 trong thực hành tính.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khởi động, tìm tòi kiến thức mới HV giải các bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

GV chuẩn bị hình phóng to bảng nhân 2, nhân 5 trên bảng phụ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV có thể tính nhẩm nhanh, tuy nhiên chưa hiểu hết ý nghĩa của bảng nhân. Do đó, cần cho HV nhận xét đặc điểm của dãy số được lập từ các tích của phép nhân trong bảng nhân 2, chẳng hạn: Dãy số 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20. Bắt đầu từ số thứ hai, mỗi số đều bằng số đứng ngay trước nó cộng với 2.

2. Khi học bảng nhân, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép nhân nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu phép nhân thích hợp)

☞ • GV dùng tấm bìa, che các bình hoa: một bình, hai bình... tương ứng viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính:

$$2 \times 1 = \dots\dots\dots$$

$$2 \times 2 = \dots\dots\dots$$

$$2 \times 3 = \dots\dots\dots$$

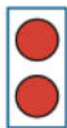
$$2 \times 4 = \dots\dots\dots$$

$$2 \times 5 = \dots\dots\dots$$

- Mời một vài HV lên bảng thực hiện.
- Nhận xét, sửa sai rồi ghi lại kết quả, sau đó hướng dẫn cụ thể (ý b tương tự cách làm đối với hình 5 bình hoa).

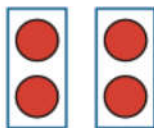
2. Hình thành kiến thức

1) Bảng nhân 2



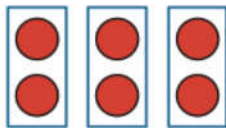
2 được lấy 1 lần:

$$2 \times 1 = 2$$



2 được lấy 2 lần:

$$2 \times 2 = 4$$



2 được lấy 3 lần:

$$2 \times 3 = 6$$

Bảng nhân 2

$$2 \times 1 = 2$$

$$2 \times 2 = 4$$

$$2 \times 3 = 6$$

$$2 \times 4 = 8$$

$$2 \times 5 = 10$$

$$2 \times 6 = 12$$

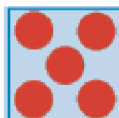
$$2 \times 7 = 14$$

$$2 \times 8 = 16$$

$$2 \times 9 = 18$$

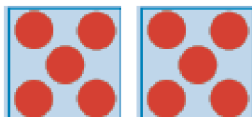
$$2 \times 10 = 20$$

2) Bảng nhân 5



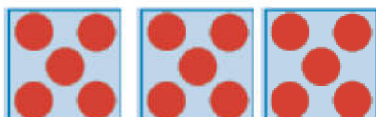
5 được lấy 1 lần:

$$5 \times 1 = 5$$



5 được lấy 2 lần:

$$5 \times 2 = 10$$



5 được lấy 3 lần:

$$5 \times 3 = 15$$

Bảng nhân 5

$$5 \times 1 = 5$$

$$5 \times 2 = 10$$

$$5 \times 3 = 15$$

$$5 \times 4 = 20$$

$$5 \times 5 = 25$$

$$5 \times 6 = 30$$

$$5 \times 7 = 35$$

$$5 \times 8 = 40$$

$$5 \times 9 = 45$$

$$5 \times 10 = 50$$

- ☞ • GV từ hoạt động khởi động hình thành bảng nhân 2, bảng nhân 5.
- Gọi HV đứng tại chỗ đọc bảng nhân 2, gọi HV khác đọc bảng nhân 5.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3. Tính nhẩm.

- ☞ • GV mời một vài HV đọc kết quả.
- HV sử dụng bảng nhân 2, nhân 5 rồi đọc kết quả các phép tính.
- GV mời một vài HV nhận xét kết quả của bạn và GV nhận xét kết quả của HV.

Lưu ý:

- Vì đã học bảng nhân 2 nên ta phải nhớ các phép tính trong bảng để làm bài, không tính tổng tương ứng với phép nhân nữa. Chẳng hạn 2×7 , HV phải nhẩm và nêu ngay được $2 \times 7 = 14$, không phải tính $2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2$ nữa.

- Vì đã học bảng nhân 5 nên ta phải nhớ các phép tính trong bảng để làm bài, không tính tổng tương ứng với phép nhân nữa. Chẳng hạn 5×7 , HV phải nhẩm và nêu ngay được $5 \times 7 = 35$, không phải tính $5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5 + 5$ nữa.

Bài 4. Số?

- ☞ • GV chia lớp thành một số nhóm, mỗi nhóm giải 1 câu a, b hoặc c.
- Mời đại diện của một vài nhóm đọc kết quả bài giải của nhóm mình.
- Nhận xét, sửa sai rồi yêu cầu HV viết kết quả vào vở ghi.

Bài 5. Mỗi lọ có 5 bông hoa. Hỏi 3 lọ có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài 6. Mỗi tuần lễ chị Tâm đi học 2 ngày. Hỏi 8 tuần lễ chị Tâm đi học bao nhiêu ngày?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp ghép đôi.
- Mời một vài HV đọc kết quả của từng bài.
- Nhận xét, hỗ trợ HV yếu.

🗑️ Trả lời Bài 5:

Có tất cả $3 \times 5 = 15$ bông hoa.

🗑️ Trả lời Bài 6:

Chị Tâm đi học $2 \times 8 = 16$ ngày.

4. Vận dụng

Bài 7. Tính nhẩm bằng cách đếm thêm 5 sử dụng các ngón tay.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, tập đếm trên các ngón tay với quy ước mỗi ngón là 5 đơn vị.

- Mời một vài HV đứng tại chỗ đọc cách 5 đơn vị từ 5 đến 50.

Bài 8. Mỗi mảnh bìa sau đã che đi bao nhiêu ô vuông nhỏ?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, tìm giải pháp đếm số ô vuông nhỏ.

• Mời đại diện các nhóm ghi sản phẩm tương ứng với màu sắc các ô vuông nhỏ bị che.

Bài 13

BẢNG NHÂN 3. BẢNG NHÂN 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Hình thành được bảng nhân 3, bảng nhân 4; biết đếm thêm 3, thêm 4.
- Vận dụng được các bảng nhân 3, nhân 4 trong thực hành tính.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khởi động, tìm tòi kiến thức mới HV giải các bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

GV chuẩn bị hình phóng to bảng nhân 3, nhân 4 trên bảng phụ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV có thể tính nhầm nhanh, tuy nhiên chưa hiểu hết ý nghĩa của bảng nhân. Do đó, cần cho HV nhận xét đặc điểm của dãy số được lập từ các tích của phép nhân trong bảng nhân 3, nhân 4.

2. Khi học bảng nhân, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép nhân nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu phép nhân thích hợp)

☞ • Qua hình các khay trái cây, nhóm gà giúp HV từng bước hình thành bảng nhân 3, nhân 4.

• GV dùng tấm bìa, che các khay hay nhóm... tương ứng rồi viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính:

$$3 \times 1 = \dots\dots\dots$$

$$3 \times 2 = \dots\dots\dots$$

$$3 \times 3 = \dots\dots\dots$$

$$3 \times 4 = \dots\dots\dots$$

$$3 \times 5 = \dots\dots\dots$$

- Mời một vài HV lên bảng làm bài.
- Nhận xét, sửa sai rồi ghi lại kết quả; sau đó có thể hướng dẫn cụ thể (tương tự cách làm đối với hình nhóm gà).

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng nhân 3

BẢNG NHÂN 3	
$3 \times 1 = 3$	$3 \times 6 = 18$
$3 \times 2 = 6$	$3 \times 7 = 21$
$3 \times 3 = 9$	$3 \times 8 = 24$
$3 \times 4 = 12$	$3 \times 9 = 27$
$3 \times 5 = 15$	$3 \times 10 = 30$

2) Bảng nhân 4

BẢNG NHÂN 4	
$4 \times 1 = 4$	$4 \times 6 = 24$
$4 \times 2 = 8$	$4 \times 7 = 28$
$4 \times 3 = 12$	$4 \times 8 = 32$
$4 \times 4 = 16$	$4 \times 9 = 36$
$4 \times 5 = 20$	$4 \times 10 = 40$

- 👉 • GV yêu cầu HV đọc bảng nhân 3 từ trên xuống (từ $3 \times 1 = 3$ đến $3 \times 10 = 30$) và ngược lại (từ $3 \times 10 = 30$ đến $3 \times 1 = 3$).

- Mời một vài HV đọc.
 - Nhận xét kết quả rồi có thể chỉ vào bất kỳ phép nhân trong bảng mời HV đọc.
- Tổ chức cho HV hoàn thiện bảng nhân 4 tương tự.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập.

- Mời một vài HV đọc kết quả.
- Nhận xét, sửa sai bài làm của HV (nếu có) rồi cho biết kết quả.

Lưu ý các Bài 1, 2, 3: Vì đã học bảng nhân 3 và bảng nhân 4 nên ta phải nhớ các phép tính trong bảng để làm bài, không tính tổng tương ứng với phép nhân nữa.

Bài 4, 5. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận cách làm và điền số thích hợp vào ô trống.

- Kiểm tra bài làm của một vài HV, nhận xét rồi nêu kết quả đúng.
- Đọc dãy số tìm được (chẳng hạn từ 3 đến 30), sau đó mời HV đọc lại.
- Nhận xét rồi nêu đặc điểm của số cần tìm (chẳng hạn, mỗi số cần tìm đều bằng số đứng liền trước nó cộng với 3).
- Khi đọc từ 3 đến 30 thì gọi là “đếm thêm 3”, còn khi đọc từ 30 đến 3 thì gọi là “đếm bớt 3”.

Bài 5 tương tự Bài 4.

4. Vận dụng

Bài 6. Mỗi chiếc áo cần khâu 3 chiếc cúc. Hỏi 8 chiếc áo như thế cần khâu bao nhiêu chiếc cúc?

Bài 7. Mỗi xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 7 xe ô tô như thế có tất cả bao nhiêu bánh xe?

Bài 8. Anh Sáu trồng 3 hàng, mỗi hàng 4 cây ổi. Hỏi anh Sáu đã trồng tất cả bao nhiêu cây ổi?

☞ • GV dành thời gian để từng HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• GV nhận xét rồi nêu kết quả đúng, chẳng hạn:

☞ Trả lời Bài 6: Cần tất cả 24 chiếc cốc.

☞ Trả lời Bài 7: Có tất cả 28 bánh xe.

☞ Trả lời Bài 8: Có tất cả 12 cây ổi.

Bài 14

BẢNG NHÂN 6. BẢNG NHÂN 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Lập được bảng nhân 6, bảng nhân 7 và thuộc các bảng này.
- Biết cách đếm thêm 6, thêm 7.
- Vận dụng được bảng nhân 6, bảng nhân 7 trong thực hành tính và giải toán có lời văn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khởi động, tìm tòi kiến thức mới HV giải các bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các tấm bìa (loại mỗi tấm có 6 chấm tròn và loại mỗi tấm có 7 chấm tròn), một số hạt (đậu, lạc...) để thực hành đếm thêm 6, thêm 7.
- Bản phụ để phóng to bảng nhân 6, bảng nhân 7 trên bảng phụ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tùy theo đối tượng HV để chọn cách lập bảng nhân và học thuộc bảng nhân 6, nhân 7 thuận lợi nhất.
2. HV có thể tính nhẩm nhanh. Nên cho HV nhận xét đặc điểm của dãy số được lập từ các tích của phép nhân trong bảng nhân 7. Chẳng hạn: 7, 14, 21, 28, 35, 42...
3. Khi đọc bảng nhân, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên (đọc bất kỳ một phép tính nào trong bảng).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu phép nhân thích hợp)

☞ • GV hướng dẫn HV viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính, chẳng hạn: $6 \times 3 = 6 + 6 + 6$; ...

☞ • GV hướng dẫn HV viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính, chẳng hạn: $7 \times 5 = 7 + 7 + 7 + 7 + 7$; ...

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng nhân 6

BẢNG NHÂN 6	
$6 \times 1 = 6$	$6 \times 6 = 36$
$6 \times 2 = 12$	$6 \times 7 = 42$
$6 \times 3 = 18$	$6 \times 8 = 48$
$6 \times 4 = 24$	$6 \times 9 = 54$
$6 \times 5 = 30$	$6 \times 10 = 60$

2) Bảng nhân 7

BẢNG NHÂN 7	
$7 \times 1 = 7$	$7 \times 6 = 42$
$7 \times 2 = 14$	$7 \times 7 = 49$
$7 \times 3 = 21$	$7 \times 8 = 56$
$7 \times 4 = 28$	$7 \times 9 = 63$
$7 \times 5 = 35$	$7 \times 10 = 70$

(Hướng dẫn lập bảng nhân 6)

☞ • GV ghi lại kết quả đúng của HV, sau đó có thể gắn các tấm bìa (có 6 chấm tròn) vào từng tích tương ứng ở trên bảng.

- Điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng nhân 6).
- Có thể cho HV nhận xét: Mỗi tích tiếp liền sau bằng tích tiếp liền trước cộng thêm 6.
- Mời một vài HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng nhân 6 bằng cách thuận lợi nhất.
 - Mời HV đọc bảng nhân 6 từ trên xuống (từ $6 \times 1 = 6$ đến $6 \times 10 = 60$) và ngược lại (từ $6 \times 10 = 60$ đến $6 \times 1 = 6$).
 - Mời một vài HV đọc.
 - Nhận xét kết quả rồi có thể chỉ vào bất kỳ phép nhân trong bảng mời HV đọc.

(Hướng dẫn lập bảng nhân 7)

- ☞ • GV có thể cho HV nhận xét: Mỗi tích tiếp liền sau bằng tích tiếp liền trước cộng thêm 7. Chẳng hạn: 7, 14, 21, 28, 35, 42...
- Mời một vài HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng nhân 7 bằng cách thuận lợi nhất.
 - Đọc bảng nhân 7 từ trên xuống (từ $7 \times 1 = 7$ đến $7 \times 10 = 70$) và ngược lại (từ $7 \times 10 = 70$ đến $7 \times 1 = 7$).
 - Mời một vài HV đọc.
 - Nhận xét kết quả rồi có thể chỉ vào bất kỳ phép nhân trong bảng mời HV đọc.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm và mời một vài HV đọc kết quả.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi cho biết đáp số.

Lưu ý: Vì đã học bảng nhân 6 nên ta phải nhớ các phép tính trong bảng để làm bài, không tính tổng tương ứng với phép nhân nữa. Chẳng hạn 6×4 , HV phải nhẩm và nêu ngay được $6 \times 4 = 24$, không phải tính $6 + 6 + 6 + 6$ nữa.

Bài 2. Tính nhẩm (hoạt động tương tự Bài 1).

Bài 3. a) Tính nhẩm (hoạt động tương tự Bài 1).

b) Nhận xét các phép tính trong từng cột. Lấy ví dụ tương tự.

☞ • GV mời một vài HV đọc kết quả từng cột.

• Đề nghị HV nhận xét kết quả theo cột và lấy thêm các ví dụ tương tự.

Bài 4. Viết phép tính thích hợp.

☞ • GV dành thời gian để HV làm trực tiếp với gợi ý trong TLH.

• Gợi ý: Số cá trong mỗi bình là như nhau, số cây nến ở mỗi chiếc bánh là như nhau.

• Mời HV đọc phép tính, các HV khác nhận xét bài làm của bạn.

• Quan tâm hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 5. Mỗi khay có 6 quả trứng. Hỏi 9 khay như thế có tất cả bao nhiêu quả trứng?

Bài 6. Mỗi xe ô tô chở được 7 người. Hỏi 5 xe ô tô như thế chở được tất cả bao nhiêu người?

☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Chữa bài, nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 5: 9 khay trứng có tất cả 54 quả trứng.

✎ Trả lời Bài 6: 5 xe ô tô chở được tất cả 35 người.

4. Vận dụng

Bài 7. Biết rằng 1 tuần có 7 ngày. Dùng bảng nhân 7 để tính:

a) 3 tuần có bao nhiêu ngày?

b) 8 tuần có bao nhiêu ngày?

c) 10 tuần có bao nhiêu ngày?

☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Chữa bài, nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ a) 3 tuần có 21 ngày.

✎ b) 8 tuần có 56 ngày.

✎ c) 10 tuần có 70 ngày.

Bài 8. Hình vẽ dưới đây biểu diễn số viên gạch lát một mảng tường. Hãy viết phép nhân thích hợp tìm số lượng tất cả các viên gạch.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét chéo nhau.
- GV nhận xét, tổng kết phương án đúng.

✎ $7 \times 2 = 14$ viên gạch.

Bài 15

BẢNG NHÂN 8. BẢNG NHÂN 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Lập được bảng nhân 8, bảng nhân 9 và thuộc các bảng này.
- Biết cách đếm thêm 8, thêm 9.
- Vận dụng thực hành được phép tính nhân 8, nhân 9 và giải toán có lời văn.
- * Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khởi động HV tìm tòi kiến thức mới, giải các bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các tấm bìa (loại mỗi tấm có 8 chấm tròn và loại mỗi tấm có 9 chấm tròn), một số hạt (đậu, lạc...) để thực hành đếm thêm 8, thêm 9.
- Bản phụ để phóng to bảng nhân 8, bảng nhân 9 trên bảng phụ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Cách lập bảng nhân 8, nhân 9 làm tương tự như bảng nhân 7 nên tùy theo khả năng đối tượng HV có thể chia nhóm lập bảng nhân 8, nhân 9 dưới sự hướng dẫn của GV.
2. Cho HV đọc lần lượt bảng nhân 8, nhân 9 từ trên xuống, từ dưới lên (đọc bất kỳ một phép tính nào trong bảng).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu phép nhân thích hợp)

☞ • GV hướng dẫn HV viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính, chẳng hạn: $8 \times 2 = 8 + 8$; $8 \times 3 = 8 + 8 + 8$; ...

☞ • GV hướng dẫn HV viết các tích sau dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính, chẳng hạn: $9 \times 4 = 9 + 9 + 9 + 9$; ...

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng nhân 8

BẢNG NHÂN 8	
$8 \times 1 = 8$	$8 \times 6 = 48$
$8 \times 2 = 16$	$8 \times 7 = 56$
$8 \times 3 = 24$	$8 \times 8 = 64$
$8 \times 4 = 32$	$8 \times 9 = 72$
$8 \times 5 = 40$	$8 \times 10 = 80$

2) Bảng nhân 9

BẢNG NHÂN 9	
$9 \times 1 = 9$	$9 \times 6 = 54$
$9 \times 2 = 18$	$9 \times 7 = 63$
$9 \times 3 = 27$	$9 \times 8 = 72$
$9 \times 4 = 36$	$9 \times 9 = 81$
$9 \times 5 = 45$	$9 \times 10 = 90$

(Lập bảng nhân 8)

☞ • GV để HV quan sát bảng phụ rồi điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng nhân 8).

- Dành thời gian cho HV xem bảng phụ treo trên bảng hoặc trong TLH (bảng nhân 8).

- Mời một vài HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.

- Hướng dẫn cách học thuộc bảng nhân 8 bằng cách thuận lợi nhất.

- Đọc bảng nhân 8 từ trên xuống (từ $8 \times 1 = 8$ đến $8 \times 10 = 80$) và ngược lại (từ $8 \times 10 = 80$ đến $8 \times 1 = 8$).

- Mời một vài HV đọc.
- Nhận xét, sửa sai rồi chỉ vào bất kỳ phép nhân trong bảng mời HV đọc.

(Lập bảng nhân 9)

☞ • GV để HV quan sát bảng phụ rồi điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng nhân 9).

• Dành thời gian cho HV xem bảng phụ treo trên bảng hoặc trong TLH (bảng nhân 9).

- Mời một vài HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng nhân 9 bằng cách thuận lợi nhất.

- Đọc bảng nhân 9 từ trên xuống (từ $9 \times 1 = 9$ đến $9 \times 10 = 90$) và ngược lại (từ $9 \times 10 = 90$ đến $9 \times 1 = 9$).

- Mời một vài HV đọc.
- Nhận xét, sửa sai rồi chỉ vào bất kỳ phép nhân trong bảng mời HV đọc.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian cho cả lớp làm bài, sau đó mời một vài HV đọc kết quả.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi cho biết đáp số.

Lưu ý: Vì đã học bảng nhân 8 và nhân 9 nên ta phải nhớ các phép tính trong bảng để tính nhẩm.

Bài 4. Mỗi bàn xếp 8 chiếc ghế. Hỏi 10 bàn như thế cần xếp tất cả bao nhiêu chiếc ghế?

Bài 5. Mỗi hộp có 9 chiếc bút màu. Hỏi 4 hộp như thế có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu?

- ☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.
- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 5: 10 bàn cần xếp tất cả 80 chiếc ghế.

✎ Trả lời Bài 6: 4 hộp bút có tất cả 36 chiếc bút màu.

4. Vận dụng

Bài 6. Có 4 luống hoa, mỗi luống trồng 8 cây hoa (như hình vẽ dưới đây).

Để tính tổng số cây hoa, Hải và Mận đã tính như sau:

- Hải tính: $8 \times 4 = 32$ (cây hoa).
- Mận đếm có 28 cây hoa.

Hỏi ai tính đúng, vì sao?

- ☞ • GV tổ chức HV thảo luận theo nhóm.
- Các nhóm thảo luận, nhận xét chéo các ý kiến, đối chiếu kết quả.
- GV phân tích, nhận xét, thống nhất kết quả.

Bài 16

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- HV biết cách thức tra cứu dựa vào bảng nhân; củng cố, ôn tập từng bảng nhân đã học.

- Ứng dụng các bảng nhân đã học thực hiện nhanh các phép tính thông qua các bài tập tính toán, bài tập vận dụng.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, ngoài ra giúp HV:

- Bước đầu thấy được sự “khái quát hoá” trong việc các phép tính nhân cho kết quả trong phạm vi 100.

- HV hứng thú và tự tin trong học tập.

II. CHUẨN BỊ

Bảng phụ ghi các bảng nhân.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bảng nhân là bảng tổng hợp của tất cả các phép nhân cho kết quả trong phạm vi 100. GV giới thiệu bảng nhân, hướng dẫn tra cứu kết quả nhằm từng bước hình thành năng lực tổng quát hóa. Để làm tốt các bài tập trong TLH, GV khuyến khích HV nhớ các bảng nhân đã học.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu một phép nhân trong các bảng nhân đã học; tính nhẩm)

☞ • GV dành thời gian cho cả lớp tự ôn tập lại các bảng nhân đã học, sau đó mời một vài HV đọc kết quả hoặc ghi trực tiếp vào bảng phụ.

• Nhận xét kết quả bài làm của HV.

Lưu ý: Vì đã học các bảng nhân nên GV yêu cầu HV tính nhẩm.

2. Hình thành kiến thức

BẢNG NHÂN

x	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

(Gợi ý: Vì đã học các bảng nhân nên GV cần hướng dẫn HV cách tra kết quả; tuy nhiên, GV không nên để HV phụ thuộc quá nhiều vào bảng nhân này)

(Sử dụng bảng nhân để tính nhẩm)

☞ • GV hướng dẫn HV cách thức tra cứu dựa vào bảng nhân trong TLH.
Chẳng hạn, tính: $4 \times 6 = ?$

Có thể thực hiện như sau:

- Từ số 4 ở cột 1 theo chiều mũi tên sang phải.
- Từ số 6 ở hàng 1 theo chiều mũi tên xuống dưới.
- Hai mũi tên gặp nhau ở số 24. Ta có: $4 \times 6 = 24$.
- Lấy các ví dụ khác, yêu cầu HV thực hiện.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm.
- Hướng dẫn HV trong việc tìm nhanh kết quả, thực hiện tính nhẩm với các bảng nhân đã học từ bài trước.

- Tiếp tục củng cố, hỗ trợ HV bảng nhân đã học.
- Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 2, 3. a) Tính (theo mẫu).

☞ • GV hướng dẫn HV theo mẫu 1×2 và yêu cầu HV thực hiện tương tự theo mẫu.

- Yêu cầu HV nhận xét chung các số khi nhân với 1.
- Kết luận chung các số nhân với 1.

🔍 Nhận xét:

- Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.
- Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.

b) Tính nhẩm.

☞ • GV yêu cầu HV đứng tại chỗ đọc nhanh kết quả các phép tính.

Bài 3 GV hướng dẫn tương tự *Bài 2*.

🔍 Nhận xét: Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.

Bài 4. Viết dấu +, – hoặc \times vào ô trống cho thích hợp.

☞ • GV yêu cầu HV làm trực tiếp vào vở ghi.

- Gợi ý, hướng dẫn khi HV yếu gặp khó khăn.

Bài 5. Mỗi phòng có 2 ô cửa sổ. Hỏi 10 phòng như thế có tất cả bao nhiêu ô cửa sổ?

Bài 6. Nuôi 1 con gà mái mỗi tuần chị Liên thu được 5 quả trứng gà. Hỏi nếu nuôi 8 con gà mái như thế thì mỗi tuần chị Liên thu được bao nhiêu quả trứng gà?

☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

🔍 Trả lời *Bài 5*: 10 phòng có tất cả 20 ô cửa sổ.

🔍 Trả lời *Bài 6*: Nuôi 8 con gà mái chị Liên thu được 40 quả trứng gà.

4. Vận dụng

Bài 7. Một hộp bánh trung thu có 9 chiếc bánh. Hỏi 10 hộp bánh như vậy có bao nhiêu chiếc bánh?

Bài 8. Mỗi nhà lắp 6 tấm pin năng lượng mặt trời. Hỏi 5 nhà như thế lắp tất cả bao nhiêu tấm pin năng lượng mặt trời?

☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 7: 10 hộp bánh trung thu có tất cả 90 chiếc bánh.

✎ Trả lời Bài 8: 5 nhà đã lắp tất cả 30 tấm pin mặt trời.

Bài 17

PHÉP CHIA, SỐ BỊ CHIA, SỐ CHIA, THƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Bước đầu nhận biết phép chia, ý nghĩa của phép chia trong mối quan hệ với phép nhân; biết viết, đọc và tính kết quả của phép chia; biết tên gọi theo vị trí, thành phần và kết quả của phép chia.

- Cũng cố được cách tìm kết quả của phép chia.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện phép tính.

- Vận dụng giải một số bài tập về phép tính nhân, chia với số đo đại lượng; giải bài toán thực tế liên quan tới phép nhân, phép chia.

** Phát triển năng lực:* Phát triển các năng lực toán học.

Qua các hoạt động khám phá kiến thức mới HV giải bài toán thực tế có lời văn; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện, GV có thể chuẩn bị một số hình ảnh phóng to trong TLH.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong phép chia $8 : 2 = 4$, 4 là thương, $8 : 2$ cũng là thương. Nếu thấy giới thiệu $8 : 2$ cũng là thương có thể gây khó khăn cho HV thì không nhất thiết phải giới thiệu.

2. HV người lớn có nhiều kinh nghiệm thực tế nên có thể cho HV chủ động nêu nhiều bài toán thực tế khác nhau mà lời giải đều dẫn đến phép chia.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

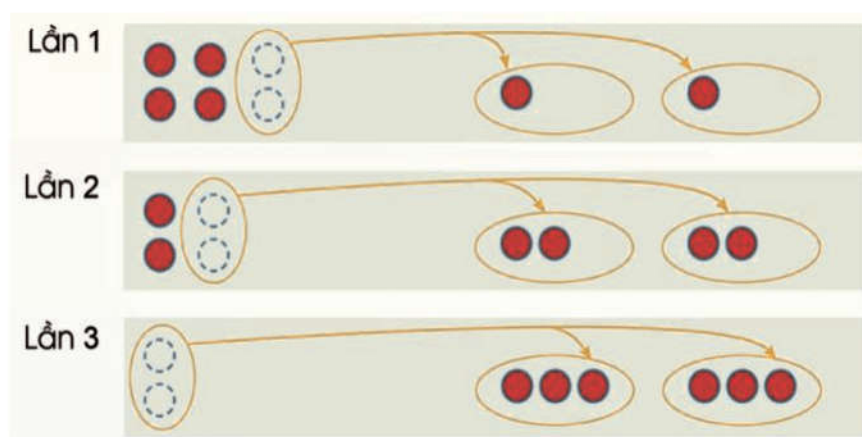
(Có 6 cái bánh, chia đều vào 2 đĩa. Hãy nói cách chia thích hợp)

- ☞ • GV chuẩn bị 6 cái bánh, thực hiện chia đều cho 2 HV đứng trên bảg.
- Yêu cầu một số HV trả lời về số lượng chiếc bánh mỗi bạn nhận được.
- Giới thiệu phép chia trong bài học.

2. Hình thành kiến thức

1) Phép chia

a) Có 6 hình tròn chia đều cho hai bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy hình tròn?



6 hình tròn chia đều cho 2 bạn.

Mỗi bạn được 3 hình tròn.

Ta có phép chia $6 : 2 = 3$.

Đọc là: Sáu chia hai bằng ba.

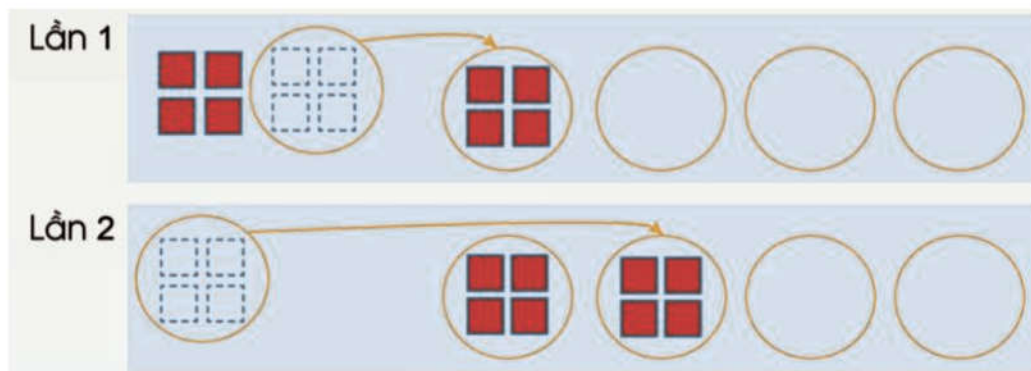
- ☞ • GV mời 1 HV đọc đề bài toán.

• Tóm tắt lại đề rồi giới thiệu phép chia. Chẳng hạn, 6 hình tròn chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 hình tròn. Ta có phép chia để tìm số hình tròn trong mỗi phần $6 : 2 = 3$.

- Đọc phép chia và giới thiệu dấu chia (như trong TLH).
- Để tìm số phần, mỗi phần có 3 hình tròn ta cũng có phép chia $6 : 3 = 2$.
- Nhận xét:

$$3 \times 2 = 6 \begin{cases} \rightarrow 6 : 2 = 3 \\ \rightarrow 6 : 3 = 2 \end{cases}$$

b) Có 8 hình vuông chia cho mỗi bạn 4 hình vuông. Hỏi mấy bạn được chia?



8 hình vuông chia cho mỗi bạn 4 hình vuông.

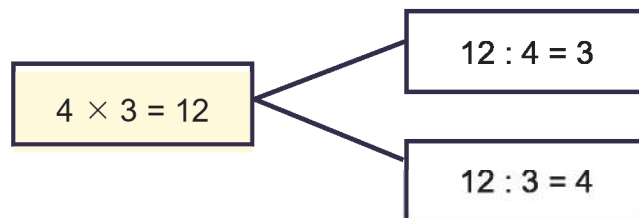
Có 2 bạn được chia.

Ta có phép chia $8 : 4 = 2$.

Đọc là: Tám chia bốn bằng hai.

• GV gợi ý để HV tự tìm được kết quả của phép chia 8 hình vuông cho mỗi bạn 4 hình vuông.

c) Từ một phép nhân ta viết được hai phép chia tương ứng.



2) Số bị chia, số chia, thương

$$\begin{array}{ccccc} 15 & : & 3 & = & 5 \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \text{Số bị chia} & & \text{Số chia} & & \text{Thương} \end{array}$$

Chú ý: $15 : 3$ cũng gọi là thương.

• GV chỉ vào từng số trong phép chia $15 : 3 = 5$ và nêu, chẳng hạn: Trong phép chia này, 15 là số bị chia, 3 là số chia, 5 là thương; $15 : 3$ cũng là thương.


• Yêu cầu HV nhắc lại tên gọi của từng số trong phép chia.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết phép chia theo mẫu.

(Bài tập củng cố phần lý thuyết về phép chia)

Mẫu:



Có 8 quả dưa, xếp vào mỗi rổ 2 quả. Xếp được 4 rổ.
Ta có phép chia $8 : 2 = 4$.

☞ • GV hướng dẫn HV đọc và tìm hiểu (theo mẫu) phép chia.

• Có thể mời đồng thời 1 HV lên bảng điền vào ô trống theo mẫu.

• Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi nêu kết quả đúng.

✂ Ta có phép chia $9 : 3 = 3$.

Bài 2. Cho phép nhân, viết 2 phép chia thích hợp.

(Củng cố mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, các thành phần trong phép chia)

☞ • GV thiết kế phiếu học tập, HV làm trực tiếp trên phiếu theo nhóm.

• Nhận xét, đánh giá đại diện một vài phiếu học tập để các nhóm khác tự so sánh, đối chiếu, chỉnh sửa (nếu bị sai).

Bài 3. Quan sát tranh, viết theo mẫu.

Bài 4. Số?

☞ • GV hướng dẫn và dành thời gian để HV tự luyện tập.

• Có thể mời đồng thời 2 HV lên bảng, mỗi HV giải 1 câu.

• Nhận xét kết quả bài làm của từng HV rồi chữa bài làm của HV.

• Tổng hợp lại về quan hệ giữa phép nhân và phép chia: Từ một phép nhân ta có thể lập được hai phép chia tương ứng.

Bài 5. Nêu số bị chia, số chia, thương trong các phép chia sau.

(Bài tập củng cố các thành phần của phép chia)

☞ • GV mời lần lượt 2 HV đứng tại chỗ đọc đáp án.

Bài 6. Viết số thích hợp vào ô trống.

☞ • GV hoặc HV chuẩn bị bảng phụ ghi nội dung Bài 6.

• GV lần lượt mời HV điền vào bảng phụ.

• Yêu cầu các HV còn lại tự làm vào vở ghi.

4. Vận dụng

Bài 7. Lan xếp 20 chiếc bánh vào các hộp, mỗi hộp có 4 chiếc bánh. Hỏi Lan cần mấy hộp để xếp đủ số bánh?

Bài 8. Viết phép tính thích hợp.

a) Có 8 bánh xe, lắp vào mỗi xe 2 bánh. Hỏi lắp đủ cho mấy chiếc xe?

b) Có 12 bánh xe, lắp vào mỗi xe 3 bánh. Hỏi lắp đủ cho mấy chiếc xe?

☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 7: Phép tính $20 : 4 = 5$. Lan cần 5 chiếc hộp.

✎ Trả lời Bài 8a): Phép tính $8 : 2 = 4$. Lắp đủ cho 4 chiếc xe.

✎ Trả lời Bài 8b): Phép tính $12 : 3 = 4$. Lắp đủ cho 4 chiếc xe.

Bài 18

BẢNG CHIA 2. BẢNG CHIA 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết hình thành bảng chia 2, bảng chia 5 từ bảng nhân 2, bảng nhân 5; viết, đọc được bảng chia 2, chia 5.
- Vận dụng bảng chia 2, chia 5 để tính nhẩm.
- Giải được một số bài tập, bài toán thực tế liên quan tới phép chia ở bảng chia 2, chia 5.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, hoạt động giải bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ, khuyến khích sử dụng máy chiếu.
- Chuẩn bị các tấm bìa (loại tấm có 2 chấm tròn và loại tấm có 5 chấm tròn) như trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tùy theo đối tượng HV, trong quá trình hướng dẫn có thể gắn phép chia với phép nhân tương ứng khi lập bảng chia.
2. Khi học bảng chia, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép chia nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

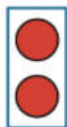
1. Khởi động

(Viết một phép nhân, rồi từ phép nhân đó viết 2 phép chia tương ứng)

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV điền vào ô trống.
- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.
- Trên cơ sở các ví dụ, GV hướng dẫn vào bài mới liên quan tới bài học.

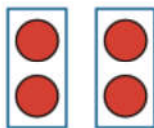
2. Hình thành kiến thức

1) Bảng chia 2



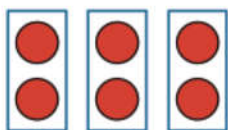
$$2 \times 1 = 2$$

$$2 : 2 = 1$$



$$2 \times 2 = 4$$

$$4 : 2 = 2$$



$$2 \times 3 = 6$$

$$6 : 2 = 3$$

Bảng chia 2

$$2 : 2 = 1$$

$$4 : 2 = 2$$

$$6 : 2 = 3$$

$$8 : 2 = 4$$

$$10 : 2 = 5$$

$$12 : 2 = 6$$

$$14 : 2 = 7$$

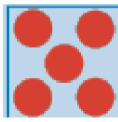
$$16 : 2 = 8$$

$$18 : 2 = 9$$

$$20 : 2 = 10$$

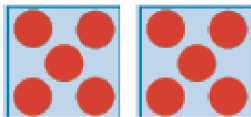
- ☞ • GV yêu cầu HV nhắc lại phép nhân 2, từ phép nhân 2 lập phép chia 2.
- Gắn 4 tấm bìa lên bảng (mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn).
 - GV hướng dẫn HV, chẳng hạn: Mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn, 4 tấm bìa có tất cả 8 chấm tròn. Viết phép nhân $2 \times 4 = 8$.
 - Ngược lại: Trên các tấm bìa có 8 chấm tròn, mỗi tấm có 2 chấm tròn. Muốn biết có mấy tấm bìa ta viết phép chia $8 : 2 = 4$, như vậy có 4 tấm bìa.
 - Ta có nhận xét: Từ phép nhân $2 \times 4 = 8$ ta có phép chia 2 là $8 : 2 = 4$.
- Làm tương tự, lập phép chia $10 : 2$.
 - GV hướng dẫn để HV tự làm.
 - Nhận xét kết quả rồi nêu cách làm tương tự ta lập được bảng chia 2.
 - Hướng dẫn HV lập bảng chia 2.
- Đọc bảng chia 2.
 - GV hướng dẫn HV tự học bảng chia 2 bằng các hình thức thích hợp.
 - Lần lượt mời một vài HV đọc bảng chia 2 từ $2 : 2 = 1$ đến $20 : 2 = 10$ và ngược lại (dùng bảng phụ ghi sẵn bảng chia 2 treo trên bảng).

2) Bảng chia 5



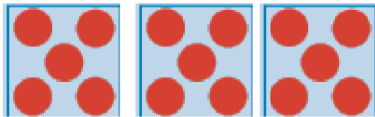
$$5 \times 1 = 5$$

$$5 : 5 = 1$$



$$5 \times 2 = 10$$

$$10 : 5 = 2$$



$$5 \times 3 = 15$$

$$15 : 5 = 3$$

Bảng chia 5

$$5 : 5 = 1$$

$$10 : 5 = 2$$

$$15 : 5 = 3$$

$$20 : 5 = 4$$

$$25 : 5 = 5$$

$$30 : 5 = 6$$

$$35 : 5 = 7$$

$$40 : 5 = 8$$

$$45 : 5 = 9$$

$$50 : 5 = 10$$

☞ • GV yêu cầu HV đọc TLH rồi điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng chia 5).

(Gợi ý: Cách làm tương tự như việc lập bảng chia 4. Từ kết quả của phép nhân tìm được phép chia tương ứng.)

Chẳng hạn như: Từ $5 \times 1 = 5$ ta có $5 : 5 = 1$

Từ $5 \times 2 = 10$ ta có $10 : 5 = 2$.

- Yêu cầu 1 HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 5.
- Lần lượt mời một vài HV đọc bảng chia 5 từ $5 : 5 = 1$ đến $50 : 5 = 10$ và ngược lại (dùng bảng phụ ghi sẵn bảng chia 5 treo trên bảng).

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3. Tính nhẩm.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm vào vở ghi.

- Mời một vài HV đọc kết quả.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi cho biết đáp số.

Bài 4. Viết số thích hợp vào ô trống.

a) Có 15 củ cà rốt, bó đều thành 3 bó. Hỏi mỗi bó có mấy củ cà rốt?

b) Có 8 củ cà rốt, chia đều cho 4 bạn thỏ. Hỏi mỗi bạn thỏ được mấy củ cà rốt?

☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 4a: Mỗi bó có 5 củ cà rốt.

✎ Trả lời Bài 4b: Mỗi bạn thỏ được 2 củ cà rốt.

4. Vận dụng

Bài 5. Có 30 người tham gia lễ hội đua thuyền, mỗi thuyền 5 người. Hỏi có bao nhiêu thuyền tham gia lễ hội?

☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.

✎ Trả lời: $30 : 5 = 6$. Có tất cả 6 thuyền tham gia lễ hội.

Bài 6. Cho phép tính $15 : 3 = 5$. Hãy nêu một tình huống trong thực tế phù hợp với phép chia trên.

Chẳng hạn: Có 15 bông hoa, cắm vào 3 lọ sao cho số bông hoa ở mỗi lọ bằng nhau. $15 : 3 = 5$. Vậy cắm vào mỗi lọ 5 bông hoa.

☞ • GV dành thời gian cho HV tự suy nghĩ, sau đó mời 1 HV trình bày tình huống thực tiễn liên quan đến phép tính.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.

Bài 19

BẢNG CHIA 3. BẢNG CHIA 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết hình thành bảng chia 3, bảng chia 4 từ bảng nhân 3, bảng nhân 4; viết, đọc được bảng chia 3, chia 4.
- Vận dụng bảng chia 3, bảng chia 4 để tính nhẩm.
- Giải được một số bài tập, bài toán thực tế liên quan tới phép chia ở bảng chia 3, chia 4.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, hoạt động giải bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ, khuyến khích sử dụng máy chiếu.
- Chuẩn bị các tấm bìa (loại tấm có 3 chấm tròn và loại tấm có 4 chấm tròn) như trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tùy theo đối tượng HV, trong quá trình hướng dẫn có thể gắn phép chia với phép nhân tương ứng khi lập bảng chia.
2. Khi học bảng chia, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép chia nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu phép nhân rồi nêu phép chia tương ứng với hình vẽ)

- ☞ • GV dành thời gian cho HV tự làm bài, sau đó mời 1 HV điền vào ô trống.
- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.
- Trên cơ sở các ví dụ, GV hướng dẫn vào bài mới liên quan tới bài học.

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng chia 3

BẢNG CHIA 3	
$3 : 3 = 1$	$18 : 3 = 6$
$6 : 3 = 2$	$21 : 3 = 7$
$9 : 3 = 3$	$24 : 3 = 8$
$12 : 3 = 4$	$27 : 3 = 9$
$15 : 3 = 5$	$30 : 3 = 10$

- ☞ • GV yêu cầu HV đọc TLH rồi điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng chia 3).
- Yêu cầu 1 HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 3.
- Lần lượt mời một vài HV đọc bảng chia 3 từ $3 : 3 = 1$ đến $30 : 3 = 10$ và ngược lại (dùng bảng phụ đã hoàn thiện bảng chia 3 treo trên bảng).

2) Bảng chia 4

BẢNG CHIA 4	
$4 : 4 = 1$	$24 : 4 = 6$
$8 : 4 = 2$	$28 : 4 = 7$
$12 : 4 = 3$	$32 : 4 = 8$
$16 : 4 = 4$	$36 : 4 = 9$
$20 : 4 = 5$	$40 : 4 = 10$

- ☞ • GV yêu cầu HV đọc TLH rồi điền kết quả vào chỗ chấm trên bảng phụ (bảng chia 4).
- Yêu cầu 1 HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 4.

- Lần lượt mời một vài HV đọc bảng chia 4 từ $4 : 4 = 1$ đến $40 : 4 = 10$ và ngược lại (dùng bảng phụ đã hoàn thiện bảng chia 4 treo trên bảng).

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính nhẩm.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

- Mời một vài HV lên bảng làm bài.
- Nhận xét bài làm của HV, chữa bài.
- Hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 3, 4. Số?

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập hoặc bảng phụ, hướng dẫn cách làm và dành thời gian để HV luyện tập.

- Mời một vài HV làm bài trên bảng.
- Nhận xét, chữa bài.

4. Vận dụng

Bài 5. Có 12 cái bút xếp đều vào 3 hộp. Hỏi mỗi hộp có mấy cái bút?

Bài 6. Có 20 người khách cùng sang sông, mỗi thuyền chở được 4 người khách (không kể người lái thuyền). Hỏi cần mấy thuyền để chở hết số khách đó?

- ☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.
- Mời một số HV nhận xét rồi chữa bài.

✎ Trả lời Bài 5: Phép tính $12 : 3 = 4$. Mỗi hộp có tất cả 4 cái bút.

✎ Trả lời Bài 6: Phép tính $20 : 4 = 5$. Cần tất cả 5 thuyền để chở hết số khách sang sông.

Bài 7. Cho phép tính $30 : 5 = 6$. Hãy nêu một tình huống trong thực tế phù hợp với phép chia trên.

Chẳng hạn: Có 30 người chia đều vào 5 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy người? $30 : 5 = 6$. Vậy mỗi nhóm có 6 người.

☞ • GV dành thời gian cho HV tự suy nghĩ, sau đó mời một vài HV trình bày tình huống thực tiễn liên quan đến phép tính.

- GV nhận xét rồi nêu kết quả đúng.

Bài 20

BẢNG CHIA 6. BẢNG CHIA 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết hình thành bảng chia 6, bảng chia 7 từ bảng nhân 6, bảng nhân 7; viết, đọc được bảng chia 6, chia 7.
- Biết dùng bảng chia 6, chia 7 để tính nhẩm.
- Giải được một số bài tập, bài toán thực tế liên quan tới phép chia ở bảng chia 6, chia 7.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, hoạt động giải bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ, khuyến khích sử dụng máy chiếu.
- Chuẩn bị các tấm bìa (loại tấm có 6 chấm tròn và loại tấm có 7 chấm tròn) như trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tùy theo đối tượng HV, trong quá trình hướng dẫn có thể gắn phép chia với phép nhân tương ứng khi lập bảng chia.
2. Khi học bảng chia, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép chia nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Đọc bảng nhân 6, bảng nhân 7.

Nêu cách tìm kết quả phép chia dựa vào kết quả phép nhân tương ứng. Ví dụ: $6 \times 5 = 30$ nên $30 : 6 = 5$.)

☞ • GV dành thời gian cho HV nhớ lại bảng nhân 6, nhân 7. Sau đó từ bảng nhân 6, nhân 7 mời HV nêu một ví dụ cụ thể từ phép nhân chuyển thành phép chia thích hợp.

- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.
- Trên cơ sở các ví dụ, GV hướng dẫn vào bài mới liên quan tới bài học.

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng chia 6

BẢNG CHIA 6	
$6 : 6 = 1$	$36 : 6 = 6$
$12 : 6 = 2$	$42 : 6 = 7$
$18 : 6 = 3$	$48 : 6 = 8$
$24 : 6 = 4$	$54 : 6 = 9$
$30 : 6 = 5$	$60 : 6 = 10$

☞ • GV yêu cầu HV quan sát trên bảng phụ (bảng chia 6) rồi đọc bảng chia 6 (từ $6 : 1 = 6$ đến $30 : 6 = 5$).

- Hướng dẫn HV từ bảng nhân 6 ta lập được bảng chia 6, chẳng hạn:

$$\begin{array}{ll} 6 \times 3 = 18 & 6 \times 5 = 30 \\ 18 : 6 = 3 & 30 : 6 = 5 \end{array}$$

- Yêu cầu một vài HV lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 6.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng chia 6 bằng cách thuận lợi nhất.

2) Bảng chia 7

BẢNG CHIA 7	
$7 : 7 = 1$	$42 : 7 = 6$
$14 : 7 = 2$	$49 : 7 = 7$
$21 : 7 = 3$	$56 : 7 = 8$
$28 : 7 = 4$	$63 : 7 = 9$
$35 : 7 = 5$	$70 : 7 = 10$

☞ • GV hướng dẫn HV lập được bảng chia 7 tương tự như bảng chia 6.

- Hướng dẫn cách học thuộc bảng chia 7 bằng cách thuận lợi nhất.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập nhằm củng cố lý thuyết.
- Mời 4 HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

Bài 2. Quan sát tranh, nêu phép tính thích hợp.

- ☞ • GV tổ chức cho HV hoạt động nhóm.
- HV thảo luận để hoàn thiện các phép tính theo tranh.
- Các nhóm đưa ra đáp án, GV yêu cầu các nhóm khác đối chiếu, nhận xét kết quả.

Bài 3. Tính nhẩm?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự hoàn thiện bài trong vở ghi.
- HV hoạt động cá nhân, hoàn thiện bài làm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 4. Số?

- ☞ • GV tổ chức để HV làm việc cặp đôi trên phiếu học tập.
- HV trao đổi, thảo luận, thống nhất kết quả.
- GV nhận xét, tổng hợp kết quả chung.

Bài 5. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự hoàn thiện bài trong vở ghi.
- HV hoạt động cá nhân, hoàn thiện bài tập.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 6. Có 42 cái bút xếp đều vào 6 hộp. Hỏi mỗi hộp có mấy cái bút?

Bài 7. Có 28 người khách cùng sang sông, mỗi thuyền chở được 7 người khách (không kể người lái thuyền). Hỏi cần mấy thuyền để chở hết số khách đó?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.
- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng, chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 6: Phép tính $42 : 6 = 7$. Mỗi hộp có tất cả 7 cái bút.

✎ Trả lời Bài 7: Phép tính: $28 : 7 = 4$. Cần tất cả 4 thuyền để chở hết khách sang sông.

Bài 21

BẢNG CHIA 8. BẢNG CHIA 9

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết hình thành bảng chia 8, bảng chia 9 từ bảng nhân 8, bảng nhân 9; viết, đọc được bảng chia 8, chia 9.
- Vận dụng bảng chia 8, chia 9 để tính nhẩm.
- Giải được một số bài tập, bài toán thực tế liên quan tới phép chia ở bảng chia 8, chia 9.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, hoạt động giải bài tập, bài toán có tình huống thực tế; HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ, khuyến khích sử dụng máy chiếu.
- Chuẩn bị các tấm bìa (loại tấm có 8 chấm tròn và loại tấm có 9 chấm tròn) như trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tùy theo đối tượng HV, trong quá trình hướng dẫn có thể gắn phép chia với phép nhân tương ứng khi lập bảng chia.
2. Khi học bảng chia, cho HV đọc lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc cách quãng (chỉ vào bất kỳ phép chia nào trong bảng cũng đọc được).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Đọc bảng nhân 8, bảng nhân 9.

Nêu cách tìm kết quả phép chia dựa vào kết quả phép nhân tương ứng. Ví dụ: $9 \times 8 = 72$ nên $72 : 9 = 8$.)

☞ • GV dành thời gian cho HV nhớ lại bảng nhân 8, nhân 9. Sau đó yêu cầu từ bảng nhân 8, nhân 9 nêu một ví dụ cụ thể từ phép nhân chuyển thành phép chia thích hợp.

- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.
- Trên cơ sở các ví dụ, GV hướng dẫn vào bài mới liên quan tới bài học.

2. Hình thành kiến thức

1) Bảng chia 8

BẢNG CHIA 8	
$8 : 8 = 1$	$48 : 8 = 6$
$16 : 8 = 2$	$56 : 8 = 7$
$24 : 8 = 3$	$64 : 8 = 8$
$32 : 8 = 4$	$72 : 8 = 9$
$40 : 8 = 5$	$80 : 8 = 10$

☞ • GV hướng dẫn HV từ bảng nhân 8 lập được bảng chia 8, chẳng hạn:

$$\begin{array}{ll} 8 \times 6 = 48 & 8 \times 7 = 56 \\ 48 : 8 = 6 & 56 : 8 = 7 \end{array}$$

- Yêu cầu HV làm việc theo nhóm để lập tiếp bảng chia 8.
- Mời đại diện của một nhóm lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét, sửa sai rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 8.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng chia 8 bằng cách thuận lợi nhất.

2) Bảng chia 9

BẢNG CHIA 9	
$9 : 9 = 1$	$54 : 9 = 6$
$18 : 9 = 2$	$63 : 9 = 7$
$27 : 9 = 3$	$72 : 9 = 8$
$36 : 9 = 4$	$81 : 9 = 9$
$45 : 9 = 5$	$90 : 9 = 10$

- ☞ • GV hướng dẫn HV từ bảng nhân 9 lập được bảng chia 9, chẳng hạn:

$$\begin{array}{ll} 9 \times 6 = 54 & 9 \times 7 = 63 \\ 54 : 9 = 6 & 63 : 9 = 7 \end{array}$$

- Yêu cầu HV làm việc theo nhóm để lập tiếp bảng chia 9.
- Mời đại diện của một nhóm lên bảng điền vào chỗ chấm trên bảng phụ.
- Nhận xét, sửa sai rồi yêu cầu HV cả lớp đọc thầm bảng chia 9.
- Hướng dẫn cách học thuộc bảng chia 9 bằng cách thuận lợi nhất.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính nhẩm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự tính nhẩm, căn cứ vào bảng chia để thực hiện.
- Mời một vài HV đọc kết quả.
 - Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi cho biết đáp số.
 - Kịp thời hướng dẫn HV yếu nếu chưa biết cách tính nhẩm từ bảng chia.

Bài 3. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự thực hiện phép chia để tìm thương.
- Mời một vài HV đọc kết quả.
 - Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi cho biết đáp số.
 - Kịp thời hướng dẫn HV yếu nếu chưa biết cách tìm thương của phép chia.

4. Vận dụng

Bài 4. Đàn vịt nhà chị Hiền có 48 con. Chị Hiền nhốt vịt vào lồng để đem đi bán, mỗi lồng có 8 con vịt. Hỏi cần phải có bao nhiêu chiếc lồng để nhốt hết số vịt trên?

Bài 5. Chị Vàng thu hoạch 80 cây rau, chị Vàng bó thành các bó, mỗi bó 8 cây. Hỏi chị Vàng đã bó được bao nhiêu bó rau?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.
- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.

🗂 Trả lời Bài 4: Phép tính $48 : 8 = 6$. Cần phải có tất cả 6 chiếc lồng để nhốt hết số vịt.

🗂 Trả lời Bài 5: Phép tính $80 : 8 = 10$. Chị Vàng đã bó được tất cả 10 bó rau.

Bài 6. Cho phép tính $54 : 9 = 6$. Hãy nêu một tình huống trong thực tế phù hợp với phép chia trên.

☞ • GV dành thời gian cho HV tự suy nghĩ, sau đó mời 1 HV trình bày tình huống thực tiễn liên quan đến phép tính.

• Nhận xét rồi nêu kết quả đúng.

☞ Chẳng hạn: Có 54 người chia đều vào 9 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy người?
 $54 : 9 = 6$. Vậy mỗi nhóm có 6 người.

Bài 22

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- HV biết cách thức tra cứu dựa vào bảng chia; củng cố, ôn tập từng bảng chia đã học.
- Ứng dụng các bảng nhân kết hợp với các bảng chia đã học thực hiện nhanh các phép tính thông qua các bài tập tính toán, bài tập vận dụng.
- Bước đầu thấy được sự “khái quát hoá” phép tính chia cho kết quả trong phạm vi số chia nhỏ hơn 100.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

II. CHUẨN BỊ

Bảng phụ ghi các bảng chia.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bảng chia là bảng tổng hợp của tất cả các phép chia với số chia nhỏ hơn 100, GV giới thiệu bảng chia, hướng dẫn tra cứu kết quả nhằm từng bước hình thành năng lực tổng quát hóa. Để làm tốt các bài tập trong TLH, GV khuyến khích HV nhớ các bảng chia đã học.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nêu một phép chia trong các bảng chia đã học. Tính nhẩm)

- ☞ • GV dành thời gian cho HV nhớ lại bảng chia 7.
- Gọi 1 HV lên bảng điền vào bảng phụ.
- Trên cơ sở ví dụ này, GV định hướng xây dựng bảng chia tổng hợp.

2. Hình thành kiến thức

BẢNG CHIA

:	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

(Gợi ý: Vì đã học các bảng chia nên GV cần hướng dẫn HV cách tra kết quả; tuy nhiên, GV không nên để HV phụ thuộc quá nhiều vào bảng chia này)

Sử dụng bảng chia để tính nhẩm:

☞ • GV hướng dẫn cách thức tra cứu dựa vào bảng chia trên. Chẳng hạn:

Tính $42 : 6 = ?$

Có thể thực hiện như sau:

- Từ số 6 ở cột 1 theo chiều mũi tên sang phải đến số 42.
- Từ số 42 theo chiều mũi tên lên hàng 1 gặp số 7. Ta có $42 : 6 = 7$.
- Lấy một số ví dụ khác và yêu cầu HV đứng tại chỗ đọc kết quả.

2. Luyện tập

Bài 1. Dùng bảng chia để tìm số thích hợp ở bông hoa (theo mẫu).

Bài 2. Tính nhẩm.

Bài 3. Sử dụng bảng chia để kiểm tra kết quả các phép tính sau, nếu sai thì sửa lại cho đúng.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm các Bài 1, 2, 3.

• Hướng dẫn HV trong việc tìm nhanh kết quả, thực hiện tính nhẩm với các bảng chia đã học từ bài trước.

- Tiếp tục củng cố, hỗ trợ bảng chia đã học.
- Quan tâm HV yếu, kém.

Bài 4. Tính nhẩm (theo mẫu).

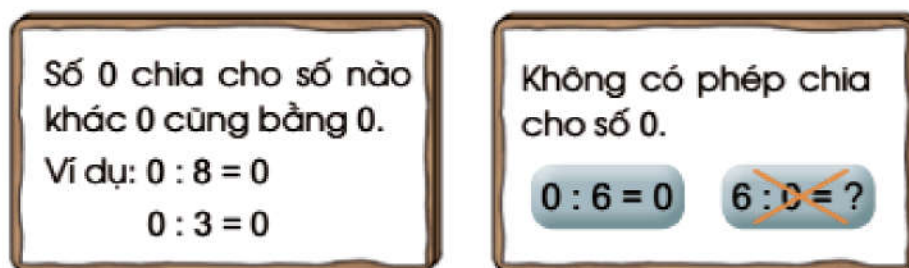
☞ • GV hướng dẫn HV theo mẫu $2 : 1$ và yêu cầu HV thực hiện tương tự theo mẫu.

- GV yêu cầu HV nhận xét chung các số khi chia cho 1.
- Kết luận chung các số chia cho 1.

🔗 Số nào chia cho 1 đều bằng chính nó.

☞ • GV yêu cầu HV đứng tại chỗ đọc nhanh kết quả các phép tính.

Bài 5. a) Tính (theo mẫu).



☞ • GV hướng dẫn HV theo mẫu $0 : 8$ và yêu cầu HV thực hiện tương tự theo mẫu.

- Yêu cầu HV nhận xét chung các số khi chia 0 cho một số khác không.
- Kết luận chung với số 0 chia cho một số khác 0.

🔗 Nhận xét: Số 0 chia cho một số khác 0 luôn được kết quả là 0.

b) Tìm lỗi sai trong các phép tính sau và sửa lại cho đúng.

☞ • GV yêu cầu HV đứng tại chỗ đọc nhanh kết quả các phép tính và tìm lỗi sai.

🔗 Các lỗi sai là $2 : 0$ và $3 : 0$ (không có phép chia cho số 0).

Bài 6. Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống cho thích hợp.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

• Hướng dẫn HV trong việc tìm nhanh kết quả; thực hiện tính nhẩm với các bảng nhân, chia đã học.

- Tiếp tục củng cố, hỗ trợ bảng chia đã học từ trước.
- Quan tâm HV yếu, kém.

Bài 7. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

• Hướng dẫn HV trong việc tìm nhanh kết quả; thực hiện tính nhẩm với các bảng nhân, bảng chia đã học từ trước.

- Tiếp tục củng cố, hỗ trợ bảng chia đã học.
- Quan tâm HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 8. Có 30 chai nước khoáng, đóng gói thành các lốc 6 chai. Hỏi đóng được bao nhiêu lốc 6 chai?

Bài 9. Mùa hè năm nay, vườn nhà anh Năm thu hoạch được 80 quả mít. Anh Năm chia đều số quả này vào 8 sọt để mang ra chợ bán. Hỏi mỗi sọt chứa bao nhiêu quả mít?

Bài 10. Có 81 quả xoài cát Hòa Lộc, đóng gói thành các hộp 9 quả. Hỏi đóng được bao nhiêu hộp?

- ☞ • GV dành thời gian cho HV tự giải, sau đó mời 1 HV trình bày bài giải.

- Nhận xét rồi nêu kết quả đúng. Chẳng hạn:

✎ Trả lời Bài 8: Phép tính $30 : 6 = 5$. Đóng được 5 lốc 6 chai.

✎ Trả lời Bài 9: Phép tính $80 : 8 = 10$. Mỗi sọt chứa 10 quả mít.

✎ Trả lời Bài 10: Phép tính $81 : 9 = 9$. Đóng được 9 hộp xoài cát Hòa Lộc.

Bài 23

KHỐI TRỤ. KHỐI CẦU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật.

- Nhận biết được các đồ vật trong thực tế cuộc sống có dạng khối trụ, khối cầu.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Thông qua nhận dạng hình, HV phát triển năng lực quan sát, năng lực tư duy, mô hình hóa; đồng thời phát triển trí tưởng tượng trong không gian.

- Qua thực hành, luyện tập, góp phần cho HV phát triển được năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học tập Toán 2.

- Mô hình khối trụ, khối cầu.

- Chuẩn bị một số đồ vật thật dạng khối cầu, khối trụ như: hộp sữa, quả bóng, cái cốc...

- Nếu có điều kiện, GV nên chuẩn bị các hình phóng to một số hình ảnh trong TLH; khuyến khích sử dụng máy chiếu, phần mềm mô phỏng.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tăng cường lấy thêm các ví dụ về vật thật có dạng khối trụ, khối cầu; các vật dụng hằng ngày mà HV thường thấy.

2. Đây là lần đầu tiên HV nhận dạng các đồ vật có dạng khối cầu, khối trụ qua đồ vật thật; là hình ảnh mang tính biểu tượng, GV không đi sâu phân tích, giải thích để phân biệt mặt, khối hay hình cầu, hình trụ; bước đầu mô hình hóa toán học làm cơ sở để HV quen dần và học tiếp trong những kỳ học, lớp học cao hơn.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Nói tên các khối hình sau)

Các hình khối này HV đã được học ở Kỳ 1, GV giới thiệu để HV ôn lại làm cơ sở phân biệt với các khối cầu, khối trụ sau bài học này.

2. Hình thành kiến thức



Khối trụ



Khối cầu

☞ • GV kết hợp với hình vẽ biểu tượng khối trụ, khối cầu trong TLH và liên hệ tìm kiếm các vật thật có dạng khối cầu, khối trụ để củng cố kiến thức bài học.

• Yêu cầu HV tìm các vật thật có dạng khối cầu, khối trụ (có thể khuyến khích HV đứng tại chỗ xung phong trả lời; GV ghi trên bảng kết hợp với nhận xét, đánh giá kết quả phát biểu của HV).

• Chủ động gọi các HV yếu lấy ít nhất một ví dụ cụ thể.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết tên khối hình thích hợp.

(Củng cố và phân loại các hình khối đã học)

☞ • GV yêu cầu HV nhận diện hình khối trước, sau đó yêu cầu HV viết tên dưới hình tương ứng.

• HV sau khi nhận diện đúng tên các hình khối rồi tự viết tên các hình khối thích hợp.

Bài 2. Đồ vật nào có dạng khối trụ?

(Củng cố và nhận dạng các đồ vật có dạng khối trụ)

☞ • GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh trong TLH rồi nhận dạng khối trụ.

• Gọi HV đứng tại chỗ nhận dạng khối trụ.

Bài 3. Đồ vật nào có dạng khối cầu?

(Củng cố và nhận dạng các đồ vật có dạng khối cầu)

- ☞ • GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh trong TLH rồi nhận dạng khối cầu.
- Gọi HV đứng tại chỗ nhận dạng khối cầu.

Bài 4. Mỗi vật dưới đây có dạng hình khối gì?

(Củng cố, nhận dạng và phân loại các đồ vật có dạng khối trụ, khối cầu)

- ☞ • GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh trong TLH rồi nhận dạng khối trụ, khối cầu.
- Gọi HV đứng tại chỗ nhận dạng khối trụ, khối cầu.

Bài 5. Hình dưới đây có bao nhiêu khối lập phương? Khối hộp chữ nhật? Khối trụ? Khối cầu?

(Củng cố, nhận dạng, phân loại và đếm các đồ vật có dạng khối trụ, khối cầu)

- ☞ • GV yêu cầu HV quan sát hình ảnh trong TLH rồi nhận dạng các khối hình đã học.
- HV nhận dạng xong các hình và đếm số lượng từng loại hình khối.
- GV hỗ trợ thêm HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 6. Chọn hình thích hợp để đặt vào vị trí trên cùng.

Bài 7. Tìm trong thực tế những đồ vật có dạng khối trụ, khối cầu.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Bài 6 GV hướng dẫn rõ cách làm trước khi dành thời gian để các nhóm thảo luận; Bài 7 GV dành nhiều thời gian để các nhóm liệt kê cụ thể.
- GV có thể để các nhóm liệt kê càng nhiều càng tốt, tổ chức trò chơi xem nhóm nào liệt kê đúng nhiều hơn.

Bài 24

ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được cách đọc và viết các số tròn trăm, tròn chục, nghìn.
- Củng cố kỹ năng ước lượng số lượng đồ vật theo số tròn chục.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Qua hoạt động quan sát, nhận biết hình ảnh các số tròn chục, tròn trăm, nghìn; HV phát triển năng lực mô hình hóa toán học.

- Qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi mà GV đặt ra sẽ giúp HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.

- Mô hình: Bộ ô vuông biểu diễn số dành cho GV và bộ ô vuông biểu diễn số dành cho HV khi làm việc cá nhân (bộ đồng dùng dạy học ở Tiểu học).

- Các chữ số bằng bìa hoặc nhựa.

- Bảng phụ, khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi giới thiệu đơn vị, chục, trăm nên cho HV thực hành bằng mô hình đồ dùng dạy học. Nếu không có điều kiện, GV cần vẽ sẵn trên bảng phụ (như ở phần kiến thức TLH).

2. Khuyến khích HV tự nhận xét trên cơ sở gợi ý của GV. Chẳng hạn, nhận xét về số tròn trăm: “Có 2 chữ số 0 ở sau cùng” (hay thường nói: Tận cùng là hai chữ số 0).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(a) Một chục gồm mấy đơn vị?

b) Một trăm gồm mấy chục?

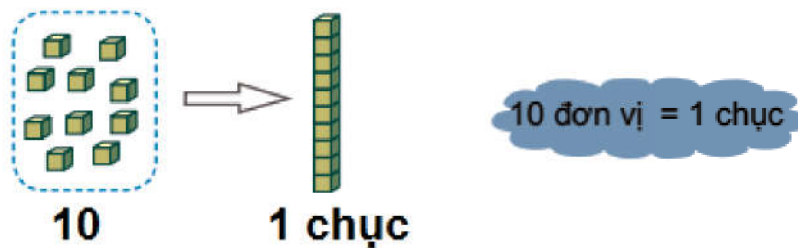
c) Nêu các số tròn chục.)

- ☞ • GV mời một vài HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi nêu trên.
- Nhận xét câu trả lời của HV, dẫn dắt HV đến việc học kiến thức bài học.

2. Hình thành kiến thức

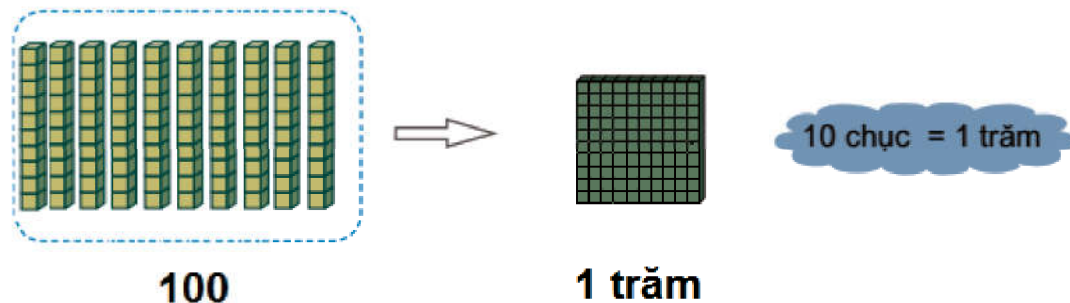
1) Một chục

Xếp 10 khối lập phương thành 1 chục khối lập phương.



2) Một trăm

Xếp 10 thanh “1 chục” khối lập phương thành 1 trăm khối lập phương.

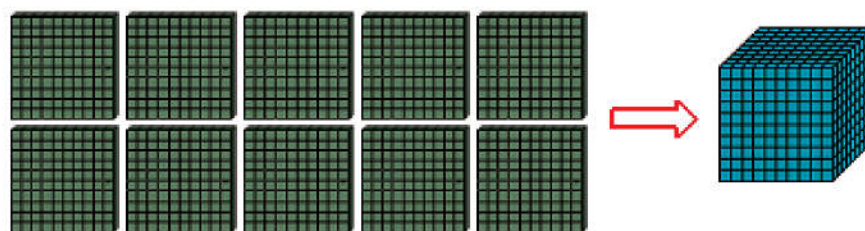


☞ • GV gắn các ô vuông lên bảng (như trong TLH) rồi yêu cầu HV quan sát và trả lời các câu hỏi.

- Nhận xét câu trả lời của HV rồi kết luận: 10 đơn vị bằng 1 chục.
10 chục bằng 1 trăm.

3) Một nghìn

Xếp 10 bảng “1 trăm” khối lập phương thành 1 nghìn khối lập phương.



**10 trăm = 1 nghìn.
1 nghìn viết là 1000.
1000 đọc là một nghìn.**

Các số 100, 200, 300,..., 1000 là các số tròn trăm.

☞ • GV gắn các hình vuông to lên bảng (các trăm theo thứ tự như trong TLH), yêu cầu HV quan sát và hướng dẫn HV nhận biết các số tròn trăm.

- Mời một vài HV nêu nhận xét.
- Nhắc lại kết luận: Các số 100, 200, 300, 400... là các số tròn trăm. 10 trăm bằng 1 nghìn. Viết là 1000 (1 chữ số 1 và 3 chữ số 0 liền sau). Đọc là một nghìn.
- Nêu ghi nhớ (như trong TLH).

3. Luyện tập

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bài 2. Đọc và viết số thích hợp (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV cả lớp làm bài theo mẫu gợi ý như trong TLH rồi mời một vài HV nêu kết quả.

- Nhận xét lời giải của HV rồi nêu nhận xét về số tròn trăm: “Có 2 chữ số 0 ở sau cùng” (hay thường nói: Tận cùng là hai chữ số 0).

Bài 3. Đếm rồi viết số theo mẫu.

Bài 4. Đếm rồi viết số theo mẫu.

☞ • GV tổ chức để HV làm việc theo cặp đôi.

- Mời đại diện một số cặp đọc đáp án.
- Trước khi chốt kết quả, GV mời đại diện các cặp khác nhận xét.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 5. Đọc và viết số tương ứng.

☞ • GV giới thiệu mẫu cách viết một số, sau đó mời lần lượt một vài HV lên bảng điền vào ô ? trong bảng phụ (tương tự bảng như trong TLH).

• Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi nhắc lại các chữ số thuộc hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Bài 6. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV nghiên cứu và tự làm bài trong vở ghi.

• Quan sát, hướng dẫn HV yếu, kém.

• Mời lần lượt 3 HV đứng tại chỗ đọc kết quả và nhận xét, chữa từng ý.

4. Vận dụng

Bài 7. Số?

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

• Yêu cầu đại diện các nhóm nêu kết quả đã thống nhất, tìm được.

• Mời lần lượt 3 HV đứng tại chỗ đọc kết quả và nhận xét, chữa từng ý.

• Đề nghị các nhóm giải thích tại sao tìm được các số theo yêu cầu của bài.

Bài 8. Quan sát hình vẽ rồi ước lượng số bông hoa.

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

• Yêu cầu đại diện các nhóm ước lượng số bông hoa trong hình vẽ.

• Nhận xét kết quả của các nhóm.

☞ Trả lời: Số bông hoa trong bức tranh trên có thể là 300 bông (Đáp án B).

Bài 25

CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Đọc và viết được số có ba chữ số.
- củng cố cấu tạo của số có ba chữ số.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Qua hoạt động quan sát, nhận biết các hình ảnh đơn vị, chục, trăm, nghìn; HV phát triển mô hình toán học.

- Qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi; HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

- Qua hoạt động giải bài tập có tình huống, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Mô hình dạy học số có ba chữ số như Bài 24.
- Bảng phụ ghi nội dung phần kiến thức, khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi thực hành đọc, viết các số trong phạm vi 1000 cần lưu ý HV khi viết số, đọc số đều viết, đọc từ trái sang phải (từ hàng cao đến hàng thấp hơn). Cần phân biệt được hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị.

2. HV người lớn hầu hết đã nắm được thứ tự các số trong phạm vi 100, việc mở rộng thứ tự các số trong khoảng từng trăm một (từ 101 đến 199; từ 201 đến 299; từ 301 đến 399...) không khó khăn lắm nên GV có thể cho HV so sánh các cặp số bất kỳ rồi nêu quy tắc chung để HV ghi nhớ và vận dụng.

3. Qua bài học này, HV cần đọc và viết thành thạo các số có ba chữ số; củng cố cấu tạo của số có ba chữ số làm cơ sở để so sánh các số có ba chữ số.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV nhắc lại kiến thức bài trước để chuẩn bị cho nội dung kiến thức mới.
- Mời HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi theo gợi ý trong phần khởi động.

2. Hình thành kiến thức

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	4	6	5	465	Bốn trăm sáu mươi lăm
	3	0	4	304	Ba trăm linh tư
	2	3	1	231	Hai trăm ba mươi một

☞ • Từ đọc số và viết số cho trước (chẳng hạn số 465) GV yêu cầu HV cho biết số 465 có bao nhiêu chữ số?

- GV mời một vài HV đọc và trả lời câu hỏi trên, sau đó mời 1 HV lên bảng viết chữ số 465 vào các cột trăm, chục, đơn vị (để trống).

- Nhận xét bài làm của HV, sau đó giới thiệu các chữ số thuộc hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị của số 465 (như trong TLH).

- Các số còn lại tương tự và để HV lên bảng điền trực tiếp trong bảng phụ.

3. Luyện tập

Bài 1. Đếm rồi đọc (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV đếm, đọc nhắm trước; sau đó mời một vài HV đứng tại chỗ đọc đáp án từng ý.

- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi nhắc và củng cố lại các chữ số thuộc hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

- Hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 2. Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

- ☞ • GV dành thời gian để HV viết trực tiếp vào vở ghi.
- Mời một vài HV đứng tại chỗ nêu đáp án.
- Nhận xét kết quả, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Số?

- ☞ • GV chuẩn bị bảng phụ, mời một vài HV điền trực tiếp trên bảng phụ.
- Nhận xét bài làm của HV, sau đó giới thiệu các chữ số thuộc hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị của các số (chẳng hạn số 671 như trong TLH).
- Các số còn lại tương tự và để HV lên bảng điền trực tiếp trong bảng phụ.

Bài 4. Số?

- ☞ • GV mời 1 HV đứng tại chỗ điền kết quả vào chỗ chấm theo mẫu.
- Sửa ngay nếu HV điền sai.
- Các số còn lại tương tự và để HV lên bảng điền trực tiếp trong bảng phụ.

4. Vận dụng

Bài 5. Đọc những con số trong bảng trẻ em đi tiêm chủng trong ngày ở một xã.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát các con số trong bảng, yêu cầu HV đứng tại chỗ đọc lần lượt.
- Nhận xét sau khi HV đọc xong.

Bài 6. Nêu số thích hợp vào chỗ chấm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình ảnh trong TLH, yêu cầu HV ghi kết quả trong vở ghi.
- Gọi 1 HV nêu kết quả sau khi quan sát hình ảnh.
- Nhận xét kết quả cụ thể.
- ✎ Có 300 củ khoai tây.
- ✎ Có 146 củ hành tây.

Bài 7. Anh Nam xếp thêm một số cuốn sách lên giá sách, hãy giúp anh Nam đánh tiếp số vào các cuốn sách mới.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ trong TLH, yêu cầu HV ghi kết quả trong vở ghi.

- Gọi 1 HV nêu kết quả sau khi quan sát tranh vẽ.
- Nhận xét kết quả cụ thể.

📌 Các số tiếp theo ghi vào các cuốn sách là: 104, 105, 106, 107.

Bài 8. Quan sát tranh, viết số nhà thích hợp vào các ngôi nhà bị mất số.

☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm, dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ trong TLH, yêu cầu HV ghi kết quả.

- Các nhóm thảo luận, nêu kết quả sau thảo luận.
- GV nhận xét kết quả của các nhóm.

📌 Số nhà: 106, 108, 101, 103.

Bài 9. Một trang trại nuôi 3 trăm con gà, 8 chục con vịt và 9 con bò. Hỏi trang trại đó nuôi tất cả bao nhiêu con gà, vịt, bò?

- ☞ • GV gọi HV đọc hiểu bài toán, HV thảo luận cặp đôi.
- Gọi đại diện một cặp HV nêu kết quả sau khi trao đổi, thảo luận.
 - Nhận xét, đánh giá kết quả cụ thể.

📌 Trang trại đó nuôi tất cả 389 con gà, vịt, bò.

Bài 26

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- So sánh được số có ba chữ số.
- Nắm được thứ tự của các số trong phạm vi 1000; củng cố các số trăm, chục và đơn vị; thứ tự các số tròn trăm, tròn chục.
- * Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.
 - Qua hoạt động quan sát, nhận biết hình ảnh đơn vị, chục, trăm, nghìn; HV phát triển năng lực mô hình hóa toán học.
 - Qua hoạt động diễn đạt trả lời câu hỏi, HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.
 - Qua hệ thống các bài tập, HV biết liên hệ thực tế với việc đọc, viết các số trong sinh hoạt, lao động, giúp hình thành năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

Bộ đồ dùng học Toán 2 (mô hình dạy học số có 3 chữ số).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã học thành phần cấu tạo của các số trong phạm vi 1000. Bài học này trước tiên củng cố kỹ lại phân biệt được hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị làm cơ sở so sánh các số với nhau.
2. Khuyến khích HV tự thực hành giải bài tập (chẳng hạn: Khi so sánh hai số nêu được nhận xét chữ số ở các hàng của hai số).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Anh Ba thu hoạch được 179 quả sầu riêng, chị Nụ thu hoạch được 212 quả sầu riêng. Hỏi người nào thu hoạch được nhiều quả sầu riêng hơn?)

☞ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ, so sánh hai số có ba chữ số bằng tình huống thực tiễn, cụ thể.

• Từ tình huống cụ thể nêu trên, HV có thể biết cách so sánh hoặc không biết so sánh, từ đó GV dẫn dắt đến bài học mới.

2. Hình thành kiến thức

a) So sánh 194 và 215

	Trăm	Chục	Đơn vị
194 →	1	9	4
215 →	2	1	5

Trước hết, ta so sánh các số trăm:

$$100 < 200$$

$$\text{Vậy } 194 < 215$$

b) So sánh 352 và 365

	Trăm	Chục	Đơn vị
352 →	3	5	2
365 →	3	6	5

Nếu các số trăm bằng nhau, ta so sánh các số chục: $50 < 60$

$$\text{Vậy } 352 < 365$$

c) So sánh 899 và 897

	Trăm	Chục	Đơn vị
899 →	8	9	9
897 →	8	9	7

Nếu các số trăm bằng nhau, các số chục bằng nhau, ta so sánh các số đơn vị: $9 > 7$

$$\text{Vậy } 899 > 897$$

d) So sánh 673 và 673

	Trăm	Chục	Đơn vị
673 →	6	7	3
673 →	6	7	3

Nếu các số trăm bằng nhau, các số chục bằng nhau, các số đơn vị bằng nhau thì chúng bằng nhau.

$$\text{Vậy } 673 = 673$$

☞ • GV ghi hai số trên bảng rồi giới thiệu cách so sánh số 194 và số 215. Cách so sánh như sau:

Xét chữ số ở các hàng của hai số, theo thứ tự:

- Trước tiên so sánh hai chữ số hàng trăm, sau đó hai chữ số hàng chục, tiếp tục tới hàng đơn vị (nếu cần thiết).

Chẳng hạn, số 194 và số 215 có 2 chữ số hàng trăm: $1 < 2$.

- Kết luận $194 < 215$. Trong trường hợp hai số hàng trăm bằng nhau, ta tiếp tục so sánh đến hai chữ số hàng chục...

- Mời một vài HV lần lượt lên bảng so sánh 2 số tiếp theo.

- Nhận xét kết quả bài làm của HV rồi yêu cầu HV xem lại kết quả so sánh số.

- Giới thiệu quy tắc chung các bước so sánh:

- So sánh chữ số hàng trăm: Số nào có “chữ số hàng trăm lớn hơn thì số đó lớn hơn” (lúc này không để ý đến chữ số hàng chục và hàng đơn vị nữa).

- Nếu cùng chữ số hàng trăm thì mới xét đến chữ số hàng chục. Số nào có “chữ số hàng chục lớn hơn thì số đó lớn hơn” (lúc này không để ý đến chữ số hàng đơn vị nữa).

- Nếu cùng chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục thì xét đến chữ số hàng đơn vị. Số nào có “chữ số hàng đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn”.

2. Luyện tập

Bài 1. a) Tìm số lớn nhất.

b) Tìm số bé nhất.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

- Mời đại diện các nhóm nêu cách so sánh và cho kết quả tìm được của nhóm.

- Nhận xét kết quả của các nhóm.

- Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 2. Chú mèo nào đeo số lớn nhất, chú mèo nào đeo số bé nhất?

☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập.

- Hướng dẫn, hỗ trợ về cách làm, cách vận dụng quy tắc đối với HV yếu.

- Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 3. a) Viết các số 326; 709; 697; 711 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Viết các số 326; 709; 697; 711 theo thứ tự từ lớn đến bé.

☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập.

• Hướng dẫn, hỗ trợ về cách làm, cách vận dụng quy tắc đối với HV yếu.

• Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

✎ 326; 697; 709; 711.

✎ 711; 709; 697; 326.

4. Vận dụng

Bài 4. Tìm chữ số thích hợp ở vị trí dấu ? để được so sánh đúng.

$$\begin{array}{|c|c|c|} \hline 2 & 6 & 3 \\ \hline \end{array} < \begin{array}{|c|c|c|} \hline 2 & ? & 3 \\ \hline \end{array}$$

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận cặp đôi.

• Mời đại diện các nhóm HV trả lời các đáp án.

• Nhận xét, tổng hợp các kết quả tìm được.

✎ Số thích hợp là các chữ số 7, 8 hoặc 9.

Bài 5. So sánh chiều dài các con vật sau.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát số đo của các con vật.

• Hướng dẫn, hỗ trợ HV về cách so sánh chiều dài các con vật với số đo chiều dài cho trước.

• Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 27

CỘNG TRỪ CÁC SỐ TRÒN CHỤC, TRÒN TRĂM TRONG PHẠM VI 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết cộng, trừ các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.
- Biết viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị trong phạm vi 1000.
- Bước đầu hình thành so sánh các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Hình thành năng lực so sánh các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000 làm cơ sở thực hiện các phép toán trong phạm vi 1000.

- Qua hoạt động viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị; HV phát triển năng lực mô hình hóa toán học.

- Qua hoạt động diễn đạt trả lời câu hỏi, HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV biết viết một cách chính xác số thành tổng các trăm, chục, đơn vị làm cơ sở cho các phép tính toán sau này.

2. Lưu ý khi cộng, trừ nhằm các số tròn chục và các số tròn trăm với nhau.

3. Khuyến khích HV tính nhẩm.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Đàn vịt nhà Chị Mai đẻ được 300 quả trứng, chị Mai bán đi 200 quả trứng. Hỏi chị Mai còn lại bao nhiêu quả trứng vịt?)

☞ • GV đưa ra tình huống nêu trên rồi hướng dẫn HV nói phép toán thích hợp, tính được kết quả, từ đó dẫn dắt HV sang nội dung bài mới.

2. Hình thành kiến thức

1) Cộng nhẩm các số tròn trăm

$$400 + 200 = ?$$

Nhẩm: 4 trăm + 2 trăm = 6 trăm.

$$400 + 200 = 600$$

$$300 + 700 = ?$$

Nhẩm: 3 trăm + 7 trăm = 10 trăm.

$$300 + 700 = 1\,000$$

2) Trừ nhẩm các số tròn trăm

$$600 - 200 = ?$$

Nhẩm: 6 trăm – 2 trăm = 4 trăm.

$$600 - 200 = 400$$

$$1000 - 600 = ?$$

Nhẩm: 10 trăm – 6 trăm = 4 trăm.

$$1000 - 600 = 400$$

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm để phát hiện cách cộng và trừ nhẩm một cách nhanh nhất.

- Đại diện các nhóm nêu cách thực hiện phép tính.
- Nhận xét, phát hiện cách làm của HV và thống nhất cách tính nhẩm.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính nhẩm.

☞ • GV dành thời gian để HV tính nhẩm.

- Hướng dẫn, hỗ trợ HV về cách làm, cách vận dụng quy tắc để tính nhẩm.
- HV đứng tại chỗ đọc kết quả tính nhẩm.
- GV quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 3. Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (theo mẫu).

Bài 4, 5. Viết (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập, GV kịp thời hướng dẫn cụ thể cách viết theo mẫu.

- Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

Bài 6. Ghép thẻ số với chữ tương ứng (theo mẫu).

Bài 7. Ghép thẻ với kết quả phép toán (theo mẫu).

☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm các Bài 6, 7.

- Hỗ trợ, giải thích cách làm (nếu cần thiết).
- Các nhóm HV nêu kết quả bài làm; GV nhận xét, hướng dẫn.

Bài 8. Viết các tổng thành số có ba chữ số (theo mẫu).

Mẫu : $400 + 80 + 2 = 482$.

☞ • GV dành thời gian để HV viết theo gợi ý mẫu.

- Quan tâm, hướng dẫn HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 9. Trong vườn ươm có 900 cây giống, người ta lấy 500 cây giống để trồng rừng. Hỏi trong vườn ươm còn lại bao nhiêu cây giống?

Bài 10. Trong vườn có 800 cây na, người ta trồng thêm 60 cây mít và 8 cây ổi. Hỏi trong vườn có tổng số bao nhiêu cây?

☞ • GV mời HV đọc hiểu bài toán, tóm tắt nội dung bài toán trên bảng.

- Dành thời gian để HV tự làm.
- Mời 1 HV làm trên bảng.
- GV có thể lấy thêm các ví dụ tương tự khác.

Bài 28

ĐỀ-XI-MÉT, MI-LI-MÉT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết cách sử dụng đơn vị đo độ dài đề-xi-mét; mối liên hệ giữa đề-xi-mét và xăng-ti-mét, đề-xi-mét và mét. Biết ước lượng độ dài của một số đồ vật thông dụng với đơn vị đo xăng-ti-mét và đề-xi-mét.

- Thực hiện được các phép tính, so sánh được các đại lượng đo độ dài với đơn vị đo đề-xi-mét, xăng-ti-mét và mét. Đổi được đơn vị đo từ mét sang đề-xi-mét.

- Biết cách sử dụng đơn vị đo độ dài mi-li-mét; mối liên hệ giữa mi-li-mét và xăng-ti-mét, mi-li-mét và mét. Biết ước lượng độ dài của một số đồ vật thông dụng với đơn vị đo xăng-ti-mét và mi-li-mét.

- Thực hiện được các phép tính, so sánh được các đại lượng đo độ dài với đơn vị đo mi-li-mét, xăng-ti-mét và mét. Đổi được đơn vị đo từ xăng-ti-mét sang mi-li-mét và ngược lại.

- Thực hành đo độ dài, giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học.

- Hình thành năng lực ước lượng, đo độ dài vật thẳng một cách khoa học, chính xác hơn. Biết các liên hệ giữa các đại lượng đo làm cơ sở tính toán độ dài các vật ở các đơn vị đo khác nhau.

- Qua hoạt động thực hành đo đạc, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Qua hoạt động diễn đạt trả lời câu hỏi, HV phát triển năng lực giao tiếp toán học...

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.

- Thước thẳng, thước mét, các vật dụng cần thiết để thực hành đo đạc.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Đơn vị đề-xi-mét cũng thường được dùng để đo độ dài, nó là đơn vị trung gian giữa mét và xăng-ti-mét. Cần lưu ý HV nhớ được một số kích thước có sẵn thông dụng để xử lý linh hoạt các tình huống trong đời sống hằng ngày, chẳng hạn: Một gang tay người lớn dài khoảng 20 cm (tức 2 dm); một bước chân người lớn dài khoảng 50 cm (tức 5 dm)...

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

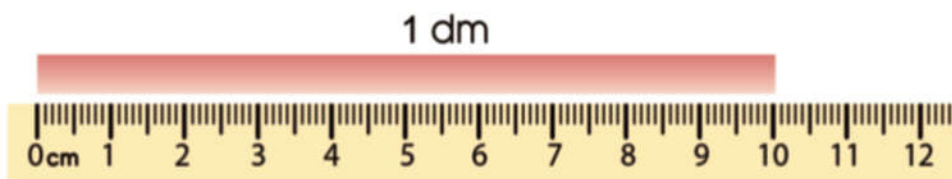
1. Khởi động

(Đo độ dài các băng giấy sau và lấy ra băng giấy dài 10 cm)

- ☞ • GV yêu cầu HV dùng thước thẳng, thực hành đo trực tiếp các dây băng trong TLH (nếu GV chuẩn bị trước các băng giấy thì thuận lợi hơn).
- GV có thể lấy thêm các tình huống tương tự khác (tùy thuộc vào diễn biến trên lớp).

2. Hình thành kiến thức

1) Đề-xi-mét



Đề-xi-mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là dm.

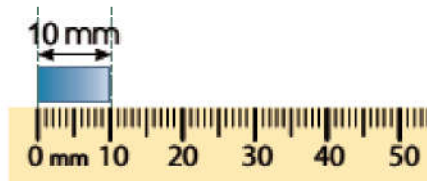
$$1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$$

$$10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$$

☞ • GV yêu cầu HV quan sát cái thước kẻ có vạch chia thành từng xăng-ti-mét. Vẽ một đoạn thẳng có độ dài 10 cm.

- Giới thiệu đề-xi-mét; mối liên hệ giữa đề-xi-mét và xăng-ti-mét, ghi tóm tắt lên bảng.
- Mời một số HV đo gang tay của mình trên thước kẻ để ước lượng độ dài của gang tay.

2) Mi-li-mét



- Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài.
- Mi-li-mét viết tắt là mm.
- $1 \text{ cm} = 10 \text{ mm}$; $10 \text{ mm} = 1 \text{ cm}$.

☞ • GV yêu cầu HV quan sát chiếc thước kẻ có vạch chia thành từng mi-li-mét để hình dung được độ dài của 1 mi-li-mét. So sánh 1 mi-li-mét với 1 xăng-ti-mét.

• Giới thiệu mi-li-mét; ghi tóm tắt mối liên hệ giữa mi-li-mét và xăng-ti-mét, giữa mi-li-mét và đề-xi-mét.

• Lấy ví dụ về kích thước của một số đồ vật có số đo bằng mi-li-mét. Yêu cầu HV lấy thêm ví dụ các đồ vật có kích thước tính bằng mi-li-mét (chiều dày của chiếc thước kẻ, chiều dày của tấm gỗ...).

3. Luyện tập

Bài 1. Quan sát hình vẽ, ghi số đo bằng cm hoặc dm thích hợp.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ, ghi kết quả tìm được trong vở ghi.

- Gọi HV đứng tại chỗ đọc kết quả của từng vật đo.

Bài 2, 4. Số?

Bài 3. Mỗi đoạn dây sau dài bao nhiêu mi-li-mét?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình ảnh và làm trực tiếp trong vở ghi.

- Gọi HV đứng tại chỗ đọc kết quả của từng ý.

Bài 5. Tính (theo mẫu).

Mẫu: $20 \text{ mm} + 8 \text{ mm} = 28 \text{ mm}$

$2 \text{ dm} \times 5 = 10 \text{ dm}$

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát, vận dụng theo mẫu và làm bài trực tiếp vào vở ghi.

- Gọi HV đứng tại chỗ nêu kết quả bài làm.

4. Vận dụng

Bài 6. Một sợi dây dài 25 dm, cắt đi 8 dm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài 7. Mỗi quyển vở dày 5 mm, xếp 8 quyển vở như thế thì dày bao nhiêu mi-li-mét?

Bài 8. Chọn đơn vị đo (cm, dm, mm) điền vào chỗ chấm cho thích hợp.

- a) Tờ bìa này có độ dày 2 ...?...
- b) Chiều dài cửa sổ là 12 ...?...
- c) Chiếc bàn cao 90 ...?...

☞ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ và tự làm bài.

- Tóm tắt bài có lời văn trên bảng, mời HV lên bảng làm bài.
- Hỗ trợ HV yếu, kém.
- Chữa bài, nhận xét, củng cố bài cho HV.

✎ Đáp số Bài 6: Một sợi dây dài 25 dm, cắt đi 8 dm. Sợi dây còn lại dài 17 dm.

✎ Đáp số Bài 7: Xếp 8 quyển vở thì dày 40 mm.

✎ Đáp số Bài 8:

- a) Tờ bìa này có độ dày 2 mm.
- b) Chiều dài cửa sổ là 12 dm.
- c) Chiếc bàn cao 90 cm.

Bài 29

MÉT, KI-LÔ-MÉT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Biết cách sử dụng đơn vị đo độ dài ki-lô-mét, mối liên hệ giữa ki-lô-mét và mét. Biết ước lượng độ dài của một số quãng đường quen thuộc.
- Thực hiện được các phép tính với số đo ki-lô-mét và so sánh được các quãng đường với đơn vị đo ki-lô-mét.
- Ứng dụng đo và ước lượng độ dài một số khoảng cách quen thuộc trong đời sống thực tiễn hằng ngày.

** Phát triển năng lực:* Phát triển các năng lực toán học.

- Hình thành năng lực ước lượng, đo độ dài vật thẳng khoa học, chính xác hơn. Biết các liên hệ giữa các đại lượng đo làm cơ sở tính toán độ dài các vật ở các đơn vị đo khác nhau.
- Qua hoạt động thực hành đo đạc, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Qua hoạt động diễn đạt trả lời câu hỏi, HV phát triển năng lực giao tiếp toán học...

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.
- Thước thẳng, thước mét, các vật dụng cần thiết để thực hành đo đạc.
- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Ki-lô-mét là đơn vị đo độ dài, thường dùng để đo khoảng cách giữa hai địa điểm ở xa. Cần hướng dẫn HV có thói quen quan sát các cột cây số ở ven đường để biết khoảng cách giữa các thành phố, điểm du lịch...

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(a) Để đo chiều dài mảnh vườn chúng ta thường dùng đơn vị đo nào?

b) Quãng đường từ nhà anh/chị lên Ủy ban nhân dân huyện dài bao xa?)

☞ • GV gợi mở để HV suy nghĩ các đơn vị thường sử dụng trong thực tiễn khác với các đơn vị mm, cm, dm. Các đơn vị đã học chỉ thường sử dụng để đo đạc các vật nhỏ, ngắn. Trong thực tế HV còn thường được nghe thấy người ta sử dụng đơn vị đo chiều dài nào khác thường được sử dụng.

2. Hình thành kiến thức

1) Mét

Mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là m.

$$1\text{ m} = 10\text{ dm} \qquad 1\text{ m} = 100\text{ cm}$$

☞ • GV gọi một số HV cho biết chiều dài, chiều rộng của phòng học là bao nhiêu? Đơn vị thường sử dụng để đo chiều dài, chiều rộng của phòng học này là gì?

- Một vài HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi theo kinh nghiệm sống.
- GV giới thiệu đơn vị đo độ dài mét, nêu độ dài của một số vật sử dụng đo độ dài quen thuộc theo đơn vị mét.
- Giới thiệu đơn vị đo mét và liên hệ với đơn vị đo đề-xi-mét và xăng-ti-mét.
- Giới thiệu thước đo mét quen thuộc, sử dụng thực hành đo trực tiếp lớp học.

2) Ki-lô-mét

Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, viết tắt là km.

$$1\text{ km} = 1000\text{ m} \qquad 1000\text{ m} = 1\text{ km}$$

☞ • GV hỏi HV: Để đo các khoảng cách xa hơn, chẳng hạn từ nhà đến chợ, trung tâm thị trấn hay từ tỉnh này đến tỉnh kia người ta thường dùng đơn vị đo nào?

- Một vài HV trả lời câu hỏi theo kinh nghiệm, vốn sống đã trải nghiệm.

- GV giới thiệu đơn vị đo độ dài ki-lô-mét, ghi liên hệ giữa đơn vị độ dài là ki-lô-mét với mét.

- Ghi kết luận kiến thức cốt lõi và giải thích rõ hai cột cây số liên nhau cách nhau 1 km. GV dành thời gian để HV ước lượng khoảng cách từ nhà tới trung tâm huyện.

3. Luyện tập

Bài 1. a) Đánh dấu hai vị trí cách nhau 1 m.

b) Kể tên một số đồ vật ngắn hơn 1 m.

c) Kể tên một số đồ vật dài hơn 1 m.

☞ • GV tổ chức để HV hoạt động theo nhóm, gợi ý việc đo bàn học, đánh dấu vị trí cách nhau 1 m.

- Các nhóm HV sau khi đánh dấu xong, thực hiện kể tên đồ vật.

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

Lưu ý các thành viên của nhóm đều tham gia, mỗi HV ít nhất 1 ví dụ.

Bài 2. Số?

(Củng cố liên hệ giữa các đơn vị đo, đổi đơn vị đo)

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

- Mời 2 HV lên bảng trình bày lời giải; GV nhận xét, chỉnh sửa, hoàn thiện lời giải.

- GV có thể cho HV làm thêm một số bài tập tương tự.

Bài 3. Tìm thẻ ghi số đo độ dài thích hợp với mỗi đồ vật sau.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận cặp đôi.

- Mời đại diện 2 cặp HV đứng tại chỗ nêu kết quả bài làm.

Bài 4.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm.

- Mời 2 HV đứng tại chỗ nêu kết quả bài làm.

- Quan tâm, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 5. Đọc bảng sau rồi trả lời câu hỏi.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm.
- Mời các HV đứng tại chỗ đọc và trả lời câu hỏi.
- Quan tâm, hỗ trợ HV yếu, kém.

4. Vận dụng

Bài 6. Mỗi ngày anh Tám đều chạy bộ theo con đường như sơ đồ dưới đây. Nếu muốn chạy 8 km anh Tám cần chạy mấy vòng?

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Mời đại diện các nhóm phân tích, nêu ý kiến, trình bày kết quả.
- Đánh giá, tổng kết.

✎ A tám cần chạy đủ một vòng.

Bài 7. Người ta làm một cây cầu trên hồ nước như hình vẽ dưới đây. Tính độ dài của cây cầu biết rằng mỗi cọc gỗ cách nhau 1 m.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Mời đại diện các nhóm phân tích, nêu ý kiến, trình bày kết quả.
- Đánh giá, tổng kết.

✎ Độ dài của cây cầu là khoảng 20 m.

Bài 30

KI-LÔ-GAM, GAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”.
- Nhận biết được đơn vị đo khối lượng kg (ki-lô-gam), gam; đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000 kg.
- Sử dụng được một số loại cân thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm.
- Thực hiện được các phép tính với đơn vị đo khối lượng.
- Ứng dụng giải quyết một số hoạt động thực tế liên quan tới cân, đo, đong, đếm khối lượng vật.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể:

- Giải được các bài toán tình huống thực tế liên quan tới đo khối lượng, các phép tính đơn vị đo khối lượng.
- Qua hoạt động thực hành cân đo, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Qua hoạt động diễn đạt trả lời câu hỏi, HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng dạy học Toán 1 (các mô hình, que tính...).
- Bảng phụ, phiếu học tập.
- Cân thông dụng.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khái niệm ki-lô-gam và các dụng cụ để đo khối lượng là rất đơn giản và quen thuộc với HV. Có thể giới thiệu nhanh cho HV phần lý thuyết để tăng cường luyện tập và thực hành.

2. Tùy theo đối tượng HV và đặc điểm địa phương, có thể giới thiệu và khai thác thêm các đơn vị đo khối lượng khác.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(a) Để biết một vật nặng bao nhiêu ta làm thế nào?

b) Kể một số loại cân thường dùng trong cuộc sống.)

- ☞ • GV nêu câu hỏi để cả lớp suy nghĩ trong ít phút.
- Gọi một số HV trả lời câu hỏi, lấy các ví dụ thường sử dụng trong thực tiễn.
- Từ việc đặt vấn đề, GV hướng dẫn HV khám phá kiến thức mới.

2. Hình thành kiến thức

1) Ki-lô-gam



Ki-lô-gam viết tắt là kg.

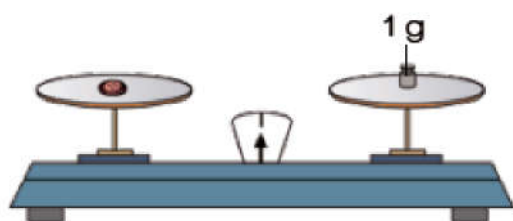


- ☞ • GV gọi một vài HV đọc khối lượng của gói đường.
- Gọi 1 HV trả lời câu hỏi.
- GV có thể hỏi thêm HV cho biết mình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam.
- Giải thích thêm về cách sử dụng một số loại cân khác nhau, lấy ví dụ cân đĩa trong bài.

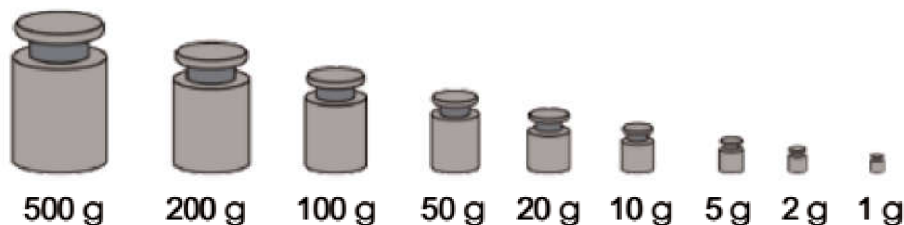
(Khi cân thăng bằng thì khối lượng của vật trên một đĩa bằng tổng khối lượng các quả cân ở đĩa bên kia, do đó gói đường nặng là 1 kg.)

2) Gam

- ☞ • GV giới thiệu thêm ngoài đơn vị là ki-lô-gam, trong thực tế người ta còn dùng đơn vị là gam (thường dùng để cân những vật có khối lượng nhẹ hơn).



- Gam là đơn vị đo khối lượng.
- Gam viết tắt là g.
- $1\text{ kg} = 1\,000\text{ g}$; $1\,000\text{ g} = 1\text{ kg}$



- GV giới thiệu các quả cân (nếu có cân thật càng hiệu quả).
- Tổng kết liên hệ giữa quả cân 1 kg và quả cân nhỏ 1 g.

3. Luyện tập

Bài 1. Quan sát hình vẽ, viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bài 2. Mỗi túi sau nặng bao nhiêu gam?

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ.
- Mời 2 HV đứng tại chỗ đọc kết quả sau khi đã đọc nội dung trong TLH.
- Nhận xét, đánh giá.

Bài 3. Dự đoán đơn vị đo gam, ki-lô-gam thích hợp vào ô trống.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và thảo luận theo nhóm.
- Mời các nhóm đứng tại chỗ đọc kết quả, giải thích kết quả.
- Nhận xét, đánh giá.

Bài 4. Chọn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và làm bài.
- Mời HV đứng tại chỗ lựa chọn đáp án.
- Lấy thông tin bao quát, tình hình cả lớp cho kết quả đúng sự lựa chọn.

Bài 5. Bao gạo cân nặng 75 kg, Bao ngô nhẹ hơn bao gạo 16 kg. Hỏi bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trong vở ghi.
 - Tóm tắt nội dung trên bảng, sau đó mời 1 HV làm bài và trình bày trên bảng.
 - Hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.
 - Nhận xét, chữa bài làm của HV.
- 🗑 Bài ngô cân nặng 59 kg.

4. Vận dụng

Bài 6. Nổi cân nặng thích hợp với mỗi con vật.

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.
- Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả. Nếu HV dự đoán sai, GV cần giải thích và phân tích kỹ hơn.

Bài 7. Trong 3 túi A, B, C túi nào nặng nhất?

Bài 8. Quan sát hình vẽ. Quả dưa hấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- ☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.

🗑 Bài 7: Túi C nặng nhất.

🗑 Bài 8: Quả dưa hấu nặng 6 kg.

Bài 31.

LÍT, MI-LI-LÍT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được đơn vị đo dung tích l (lít), mi-li-lít; đọc và viết được số đo dung tích trong phạm vi 1000 l .

- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo dung tích đã học.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể:

- Thông qua hoạt động giáo dục, hệ thống lý thuyết; HV phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học.

- Thông qua các bài toán thực tế HV được trình bày, diễn đạt, trả lời câu hỏi để phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.

- Bảng phụ, phiếu học tập.

- Chai 1 lít, can 1 lít và dụng cụ đo, đồng cụ thể theo nội dung lý thuyết và các bài tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đơn vị đo dung tích (lít) là khái niệm quen thuộc với HV. Tuy nhiên, cần giúp HV có thói quen ước lượng được dung tích của một số dụng cụ thông thường và có thói quen thực hành, áp dụng các kiến thức học được vào đời sống hằng ngày.

2. Trong điều kiện có thể được, cần khai thác vốn kinh nghiệm của HV, tham khảo các đơn vị đo dung tích ở địa phương.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Đồ vật nào chứa được nhiều nước hơn?)

☞ • Thông qua cách đặt vấn đề, bước đầu hình thành một tình huống thực tế cần giải quyết; từ đó GV dẫn dắt đến bài học với kiến thức cụ thể.

- HV có thể suy đoán hoặc khẳng định khó có căn cứ để xác định.
- Từ vấn đề đề cập trên, GV hướng HV vào nghiên cứu bài học.

2. Hình thành kiến thức

1) Lít



Ca 1 lít

Lít viết tắt là *l*.



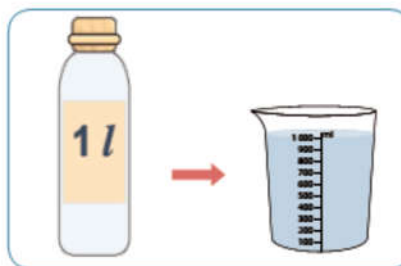
Rót nước đầy ca ta được 1 *l* nước.

☞ • GV yêu cầu HV quan sát các dụng cụ đựng chất lỏng trong bài và cho biết chiếc ca đựng tối đa bao nhiêu lít chất lỏng?

• Giới thiệu đơn vị đo dung tích của các chất lỏng là lít, viết tắt là *l*. Một số dụng cụ thông thường dùng để đo dung tích của chất lỏng.

Chẳng hạn: Ca (đầy nước) chứa 1 lít (1 *l*) nước, bình sữa đựng được 3 lít sữa...

2) Mi-li-lít



Mi-li-lít là một đơn vị đo dung tích.
Mi-li-lít viết tắt là ml.

1 *l* = 1 000 ml

1 000 ml = 1 *l*

☞ • GV yêu cầu HV quan sát các dụng cụ đựng chất lỏng trong bài và lưu ý HV quan sát kỹ các vạch chia của ca.

• Ngoài đơn vị đo là lít, người ta còn dùng đơn vị đo nhỏ hơn. GV giới thiệu đơn vị đo dung tích của các chất lỏng là mi-li-lit, viết tắt là ml. Giới thiệu thêm một số dụng cụ thông thường dùng để đo dung tích của chất lỏng.

3. Luyện tập

Bài 1. Mỗi bình sau chứa bao nhiêu lít nước?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

• Mời một vài HV đứng tại chỗ trả lời nhanh sau khi quan sát tranh vẽ trong TLH, các HV khác nhận xét bài làm của bạn (lần lượt gọi các HV theo trình tự thời gian thích hợp).

• Trong quá trình chờ đợi, GV hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 2. Chọn thẻ ghi số đo thích hợp với mỗi đồ vật.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.

• GV mời đại diện 1 cặp đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

• Các cặp đôi khác nhận xét; GV tổng hợp, chữa bài.

Bài 3. Tổng số lít nước của tất cả các bình chứa là bao nhiêu?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm, cho kết quả tổng số lít nước.

• Mời đại diện các nhóm cho kết quả.

• Nhận xét, chữa kết quả (nếu cần thiết).

Bài 4.

☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trực tiếp vào vở ghi.

• Gọi 2 HV làm bài trên bảng.

• Trong quá trình chờ đợi; GV hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 5. Trong can có 15 l mật ong. Chị Hoa rót vào 6 chai 1 lít. Hỏi trong can còn lại bao nhiêu lít mật ong?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm (ghi tóm tắt đề bài trên bảng).

• Gọi 1 HV làm bài trên bảng.

• Chữa bài, đánh giá kết quả.

Bài 6. a) Kể tên một số đồ vật trong thực tế đựng 2 l, 5 l, 10 l, 15 l, 20 l.

b) Kể tên một số đồ vật trong thực tế dùng với số đo mi-li-lít.

☞ • GV tổ chức để HV làm việc theo nhóm.

• Mời đại diện các nhóm trả lời kết quả (lưu ý trong mỗi nhóm mỗi HV đều phải đề xuất được một ví dụ cụ thể).

• Hỗ trợ, gợi ý thêm các ví dụ khi cần thiết.

Bài 32

PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 1000.
- Thực hiện cách đặt phép tính theo cột dọc, tính từ phải qua trái, lần lượt cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm.
- Giải được một số bài toán thực tiễn liên quan tới phép cộng trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể: Thông qua hoạt động khám phá kiến thức, hệ thống các bài tập luyện tập và ứng dụng, HV được phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ ô vuông biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và đơn vị lẻ.
- Bảng phụ, phiếu học tập.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu để tổng kết.
- Nếu có điều kiện, GV nên chuẩn bị các hình phóng to để hỗ trợ HV quan sát tranh vẽ tốt hơn.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Cần hướng dẫn HV tổng kết thành quy tắc thực hiện phép cộng (không nhớ) gồm hai bước:

- Đặt tính: Viết trăm dưới trăm, chục dưới chục, đơn vị dưới đơn vị.
- Tính: Cộng từ phải sang trái: đơn vị cộng đơn vị, chục cộng chục, trăm cộng trăm.

2. Trường hợp cộng số có ba chữ số với số có hai chữ số cần chú ý HV tính khi tới hàng trăm thì chỉ việc hạ chữ số hàng trăm xuống kết quả. Chẳng hạn:

$$\begin{array}{r} 431 \\ + \quad 28 \\ \hline 459 \end{array}$$

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Đặt tính và tính:

$$26 + 53$$

$$65 + 40$$

$$71 + 6$$

b) Nói cách đặt tính và tính.)

☞ • GV mời 3 HV trình bày lời giải trên bảng.

• Từ các ví dụ đã được học, GV đặt vấn đề đối với cách thức thực hiện phép tính đối với các số có 3 chữ số.

2. Hình thành kiến thức

Tính $243 + 325 = ?$

Ta tính theo cột dọc như sau:

• Đặt tính • 3 cộng 5 bằng 8, viết 8 • 4 cộng 2 bằng 6, viết 6 • 2 cộng 3 bằng 5, viết 5

Vậy $243 + 325 = 568$

☞ • GV hướng dẫn HV đặt phép tính cộng ($243 + 325$) theo cột dọc rồi tính:

• Trước tiên, mời 1 HV lên bảng trình bày cách đặt phép tính, sau đó giải thích.

• Nhận xét kết quả rồi nhắc lại cách viết, chẳng hạn: Đặt phép cộng hai số có ba chữ số, khi viết số thứ hai (325) dưới số thứ nhất (243) sao cho chữ số hàng trăm dưới chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục dưới chữ số hàng chục, chữ số hàng đơn vị dưới chữ số hàng đơn vị (viết 3 dưới 2, 2 dưới 4, 5 dưới 3).

• Hướng dẫn HV thực hiện phép tính: Cộng từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.

- Cộng đơn vị với đơn vị: 3 cộng 5 bằng 8, viết 8.

- Cộng chục với chục: 4 cộng 2 bằng 6, viết 6.

- Cộng trăm với trăm: 2 cộng 3 bằng 5, viết 5.

• Hướng dẫn HV sử dụng đồ dùng trực quan để minh họa cách làm tính (nếu có điều kiện).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trong vở ghi.

• Viết một số phép tính và gọi một số HV làm bài trên bảng.

• Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).

• Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 3. Tính (theo mẫu).

Bài 4. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

• Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.

• Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).

• Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 5. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 261 \\ + \quad 4 \\ \hline 265 \end{array}$$

• 1 cộng 4 bằng 5, viết 5

• Hạ 6, viết 6

• Hạ 2, viết 2

Vậy $261 + 4 = 265$

Bài 6. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

4. Vận dụng

Bài 7. Hội trường của Ủy ban nhân dân huyện có 345 cái ghế, người ta vừa mang đến thêm 120 cái ghế nữa. Hỏi hội trường Ủy ban có tất cả bao nhiêu cái ghế?

Bài 8. Thùng bé đựng 500 l dầu, thùng to đựng nhiều hơn thùng bé 300 l dầu. Hỏi thùng to đựng bao nhiêu lít dầu?

Bài 9. Thùng cam cân nặng 145 kg, thùng lê cân nặng 154 kg. Hỏi cả hai thùng cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- ☞ • GV tóm tắt bài toán trên bảng, dành thời gian để HV tự làm bài vào vở ghi.
- Yêu cầu 2 HV làm bài trên bảng.
 - Nhận xét, đánh giá và sửa bài làm của HV.

✎ Đáp số Bài 7: Hội trường Ủy ban có tất cả 465 cái ghế

✎ Đáp số Bài 8: Thùng to đựng tất cả 800 l dầu.

✎ Đáp số Bài 9: Cả hai thùng nặng 299 kg.

Bài 33

PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 1000.
- Thực hiện cách đặt phép tính theo cột dọc, tính từ phải qua trái, lần lượt trừ hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm cho nhau.
- Giải được một số bài toán thực tiễn liên quan tới phép trừ trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể: Thông qua hoạt động khám phá kiến thức, hệ thống các bài tập luyện tập và ứng dụng; HV được phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ ô vuông biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và đơn vị lẻ.
- Bảng phụ, phiếu học tập.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu để tổng kết.
- Nếu có điều kiện, GV nên chuẩn bị các hình phóng to để hỗ trợ HV quan sát tranh vẽ tốt hơn.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Tương tự như tính cộng, hướng dẫn HV tổng kết thành quy tắc thực hiện phép trừ (không nhớ) gồm hai bước:

- Đặt tính: Viết hàng trăm dưới hàng trăm, hàng chục dưới hàng chục, hàng đơn vị dưới hàng đơn vị.
- Tính: Trừ từ phải sang trái: hàng đơn vị trừ hàng đơn vị, hàng chục trừ hàng chục, hàng trăm trừ hàng trăm.

2. Trường hợp trừ số có ba chữ số cho số có hai chữ số cần chú ý HV tính khi tới hàng trăm thì chỉ việc hạ chữ số hàng trăm xuống kết quả. Chẳng hạn:

$$\begin{array}{r} 495 \\ - 83 \\ \hline 412 \end{array}$$

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Đặt tính và tính:

$$35 - 14$$

$$27 - 20$$

$$45 - 3$$

b) Nói cách đặt tính và tính.)

☞ • GV mời 3 HV trình bày lời giải trên bảng.

• Từ các ví dụ đã được học, GV đặt vấn đề đối với cách thức thực hiện phép tính đối với các số có 3 chữ số.

2. Hình thành kiến thức

Tính $587 - 265 = ?$

Ta tính theo cột dọc như sau:

$\begin{array}{r} 587 \\ - 265 \\ \hline \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 587 \\ - 265 \\ \hline 2 \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 587 \\ - 265 \\ \hline 22 \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 587 \\ - 265 \\ \hline 322 \end{array}$
• Đặt tính	• 7 trừ 5 bằng 2, viết 2	• 8 trừ 6 bằng 2, viết 2	• 5 trừ 2 bằng 3, viết 3			

Vậy $587 - 265 = 322$

☞ • GV hướng dẫn cả lớp nêu lại cách làm tính trừ $587 - 265$.

• Mời 1 HV lên bảng đặt phép tính, vừa làm tính vừa giải thích.

• Nhận xét kết quả rồi nhắc lại cách viết, chẳng hạn: Đặt phép trừ hai số có ba chữ số, khi viết số thứ hai (265) dưới số thứ nhất (587) sao cho chữ số hàng trăm dưới chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục dưới chữ số hàng chục, chữ số hàng đơn vị dưới chữ số hàng đơn vị (viết 5 dưới 7, 6 dưới 8, 2 dưới 5).

- GV hướng dẫn HV thực hiện phép tính: Trừ từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.

- Trừ hàng đơn vị: 7 trừ 5 bằng 2, viết 2.

- Trừ hàng chục: 8 trừ 6 bằng 2, viết 2.

- Trừ hàng trăm: 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

- Hướng dẫn HV sử dụng đồ dùng trực quan để minh họa cách làm tính trừ (nếu có điều kiện).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trong vở ghi.

- Viết một số phép tính và gọi một số HV làm bài trên bảng.

- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).

- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 3. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 583 \\ - 32 \\ \hline 551 \end{array}$$

- 3 trừ 2 bằng 1, viết 1

- 8 trừ 3 bằng 5, viết 5

- Hạ 5, viết 5

$$\text{Vậy } 583 - 32 = 551$$

Bài 4. Đặt tính rồi tính.

- ☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.

- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).

- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 5. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 427 \\ - \quad 6 \\ \hline 421 \end{array}$$

• 7 trừ 6 bằng 1, viết 1

• Hạ 2, viết 2

• Hạ 4, viết 4

$$\text{Vậy } 427 - 6 = 421$$

Bài 6. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

4. Vận dụng

Bài 7. Quãng đường từ nhà đến trường dài 360 m, quãng đường từ nhà đến bưu điện xã ngắn hơn quãng đường từ nhà đến trường 50 m. Hỏi quãng đường từ nhà đến bưu điện xã dài bao nhiêu mét?

Bài 8. Một máy in sách đã in được 789 cuốn sách, người ta đã đóng hộp chuyển đi 655 cuốn sách. Hỏi nhà máy in còn lại bao nhiêu cuốn sách?

Bài 9. Gia đình anh Thái tháng Ba dùng hết 157 số điện, tháng Tư dùng hết 189 số điện. Hỏi tháng Tư gia đình anh Thái dùng nhiều hơn tháng Ba bao nhiêu số điện?

☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng, gọi 2 HV làm bài trực tiếp trên bảng.

- Dành thời gian để HV làm bài trên bảng và trong TLH.
- Chữa bài, nhận xét bài làm của HV.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu.

✎ Đáp số Bài 7: Quãng đường từ nhà đến bưu điện xã dài 310 m.

✎ Đáp số Bài 8: Nhà máy in còn lại 134 cuốn sách.

✎ Đáp số Bài 9: Tháng Tư gia đình anh Thái dùng nhiều hơn tháng Ba 32 số điện.

Bài 34

PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép cộng (có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000.

- Thực hiện cách đặt phép tính theo cột dọc, tính từ phải qua trái, lần lượt cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm.

- Giải được một số bài toán thực tiễn liên quan tới phép cộng trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể: Thông qua hoạt động khám phá kiến thức, hệ thống các bài tập luyện tập và ứng dụng, HV được phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ ô vuông biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và số đơn vị lẻ.

- Nên chuẩn bị hình phóng to để HV nhìn rõ hình ảnh, tranh vẽ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã được học phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000, do đó trong bài học này GV nhấn trọng tâm vào việc thực hiện phép cộng có nhớ, cách nhớ khi tổng các hàng đơn vị hay hàng chục lớn hơn 10.

2. Chỉ tập chung vào thực hiện phép cộng có nhớ một lần (hàng đơn vị hoặc hàng chục).

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

👉 • GV ôn tập lại phép tính cộng không nhớ (đặt phép tính) thông qua bài tập kiểm tra bài cũ đầu giờ.

- GV mời 1 HV lên bảng thực hiện.
- Sau đó GV đặt vấn đề đối với phép toán có nhớ thông qua một ví dụ cụ thể.

2. Hình thành kiến thức

Tính $719 + 234 = ?$
Ta tính theo cột dọc như sau:

$$\begin{array}{r} 719 \\ + 234 \\ \hline \end{array}$$
→

$$\begin{array}{r} 719 \\ + 234 \\ \hline 3 \end{array}$$
→

$$\begin{array}{r} 719 \\ + 234 \\ \hline 53 \end{array}$$
→

$$\begin{array}{r} 719 \\ + 234 \\ \hline 953 \end{array}$$

• Đặt tính

• 9 cộng 4 bằng 13, viết 3, nhớ 1

• 1 cộng 3 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5

• 7 cộng 2 bằng 9, viết 9

Vậy $719 + 234 = 953$

- ☞ • GV hướng dẫn HV đặt phép tính cộng ($719 + 234$) theo cột dọc rồi tính.
- Trước tiên, mời 1 HV lên bảng trình bày cách đặt phép tính, sau đó giải thích.
- Nhận xét kết quả rồi nhắc lại cách viết, chẳng hạn: Đặt phép cộng hai số có ba chữ số, khi viết số thứ hai (234) dưới số thứ nhất (719) sao cho chữ số hàng trăm dưới chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục dưới chữ số hàng chục, chữ số hàng đơn vị dưới chữ số hàng đơn vị.
- Hướng dẫn HV thực hiện phép tính:
 - Cộng từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.
 - Cộng đơn vị với đơn vị: 9 cộng 4 bằng 13, viết 3, nhớ 1.
 - Cộng chục với chục: 1 cộng 3 bằng 4, nhớ 1 là 5, viết 5.
 - Cộng trăm với trăm: 7 cộng 2 bằng 9, viết 9.
- Hướng dẫn HV sử dụng đồ dùng trực quan để minh họa cách làm tính (nếu có điều kiện).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

- ✎ • GV dành thời gian để HV làm bài trong vở ghi.
- Viết một số phép tính và gọi một số HV làm bài trên bảng.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 3. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 367 \\ + 25 \\ \hline 392 \end{array}$$

- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2, nhớ 1
- 6 cộng 2 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9
- Hạ 3, viết 3

Vậy $367 + 25 = 392$

Bài 4. Đặt tính rồi tính.

✎ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 5. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 176 \\ + 8 \\ \hline 184 \end{array}$$

- 6 cộng 8 bằng 14, viết 4, nhớ 1
- 7 thêm 1 bằng 8, viết 8
- Hạ 1, viết 1

Vậy $176 + 8 = 184$

Bài 6. Đặt tính rồi tính.

✎ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

4. Vận dụng

Bài 7. Ngày thứ nhất chị Hằng thu hoạch được 235 kg quế, ngày thứ hai chị Hằng thu hoạch được 125 kg quế. Hỏi cả hai ngày chị Hằng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam quế?

Bài 8. Vườn đào nhà anh Sửu có 138 gốc đào, năm nay anh Sửu trồng thêm 42 gốc đào nữa. Hỏi năm nay vườn đào nhà anh Sửu có tất cả bao nhiêu gốc đào?

Bài 9. Một cửa hàng bán đồ thể thao đã nhập về 156 quả bóng đá, số quả bóng rổ nhập về nhiều hơn số quả bóng đá 72 quả. Hỏi cửa hàng đã nhập về bao nhiêu quả bóng rổ?

☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng; mời 2 HV làm bài trên bảng, các HV khác làm bài trong vở ghi.

- Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

✎ Đáp số Bài 7: Cả hai ngày chị Hằng thu hoạch 360 kg gam quế.

✎ Đáp số Bài 8: Vườn đào nhà anh Sửu có tất cả 180 gốc đào.

✎ Đáp số Bài 9: Cửa hàng đã nhập về 228 quả bóng rổ.

Bài 35

PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ (có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000.

- Thực hiện cách đặt phép tính theo cột dọc, tính từ phải qua trái, lần lượt trừ hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm.

- Giải được một số bài toán thực tiễn liên quan tới phép trừ trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể: Thông qua hoạt động khám phá kiến thức, hệ thống các bài tập luyện tập và ứng dụng; HV được phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ ô vuông biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và số đơn vị lẻ.

- Nên chuẩn bị hình phóng to để HV nhìn rõ hình ảnh, tranh vẽ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã được học phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000, do đó trong bài học này GV nhấn trọng tâm vào việc thực hiện phép trừ có nhớ, cách nhớ khi hiệu các hàng đơn vị hay hàng chục có số trừ bé hơn số bị trừ.

2. Chỉ tập chung vào thực hiện phép trừ có nhớ một lần (hàng đơn vị hoặc hàng chục).

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Đặt tính và tính: $754 - 341$.

b) Nói cách đặt tính và tính.)

☞ • GV ôn tập lại phép tính trừ không nhớ (đặt phép tính) thông qua bài tập kiểm tra bài cũ đầu giờ.

- Mời 1 HV lên bảng thực hiện.
- Sau đó đặt vấn đề đối với phép toán có nhớ thông qua một ví dụ cụ thể.

2. Hình thành kiến thức

Tính $362 - 145 = ?$
Ta tính theo cột dọc như sau:

$\begin{array}{r} 362 \\ - 145 \\ \hline \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 362 \\ - 145 \\ \hline 7 \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 362 \\ - 145 \\ \hline 17 \end{array}$	→	$\begin{array}{r} 362 \\ - 145 \\ \hline 217 \end{array}$
---	---	---	---	--	---	---

• Đặt tính

• 2 không trừ được 5, lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1

• 4 thêm 1 bằng 5, 6 trừ 5 bằng 1, viết 1

• 3 trừ 1 bằng 2, viết 2

Vậy $362 - 145 = 217$

☞ • GV hướng dẫn HV đặt phép tính trừ ($362 - 145$) theo cột dọc rồi tính.

- Trước tiên, mời 1 HV lên bảng trình bày cách đặt phép tính, sau đó giải thích.
- Nhận xét kết quả rồi nhắc lại cách viết, chẳng hạn: Đặt phép trừ hai số có ba chữ số, khi viết số thứ hai (145) dưới số thứ nhất (362) sao cho chữ số hàng trăm dưới chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục dưới chữ số hàng chục, chữ số hàng đơn vị dưới chữ số hàng đơn vị.

• Hướng dẫn HV thực hiện phép tính:

- Trừ từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị.
- Trừ đơn vị với đơn vị: 2 trừ 5 thì lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1.
- Trừ chục với chục: thêm 1 bằng 5 rồi lấy 6 trừ 5 bằng 1, viết 1.
- Trừ trăm với trăm: 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

• Hướng dẫn HV sử dụng đồ dùng trực quan để minh họa cách làm tính (nếu có điều kiện).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trong vở ghi.
- GV viết một số phép tính và gọi một số HV làm bài trên bảng.
- GV quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 3. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 756 \\ - 38 \\ \hline 718 \end{array}$$

- 6 không trừ được 8 lấy 16 trừ 8 bằng 8, viết 8, nhớ 1
- 3 thêm 1 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1, viết 1
- Hạ 7, viết 7

$$\text{Vậy } 756 - 38 = 718$$

Bài 4. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 5. Tính (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 143 \\ - 7 \\ \hline 136 \end{array}$$

- 3 không trừ được 7 lấy 13 trừ 7 bằng 6, viết 6, nhớ 1
- 4 trừ 1 bằng 3, viết 3
- Hạ 1, viết 1

$$\text{Vậy } 143 - 7 = 136$$

Bài 6. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV đặt phép tính theo mẫu và thực hiện làm bài trong vở ghi.

- Lưu ý những sai lầm của HV khi đặt phép tính theo cột dọc.
- Quan sát, kịp thời sửa sai cho HV (nếu có).
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu (hỗ trợ cách đặt phép tính cho chính xác).

Bài 7. Chọn khóa có số với phép tính thích hợp.

☞ • GV hướng dẫn cách thức làm bài (thực hiện các phép tính và so sánh tương ứng với các số trên ổ khóa).

- Dành thời gian để HV làm việc nhóm.
- Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém

4. Vận dụng

Bài 8. Để sửa nhà anh Chính mua về 450 viên gạch, anh Chính đã dùng 418 viên gạch để lát nền. Hỏi anh Chính còn lại bao nhiêu viên gạch?

Bài 9. Chị Luyện nuôi 340 con gà, chị đã bán đi 280 con gà. Hỏi chị Luyện còn lại bao nhiêu con gà?

Bài 10. Có hai đội công nhân sửa đường. Đội một sửa được 852 m đường, đội hai sửa được 746 m đường. Hỏi đội một sửa được nhiều hơn đội hai bao nhiêu mét đường?

☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng; mời 2 HV làm bài trên bảng, các HV khác làm bài trong vở ghi.

- Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

✎ Đáp số Bài 8: Anh Chính còn lại 32 viên gạch.

✎ Đáp số Bài 9: Chị Luyện còn lại 60 con gà.

✎ Đáp số Bài 10: Đội một sửa được nhiều hơn đội hai 102 m đường.

Bài 36

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Củng cố và thực hiện phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép cộng, phép trừ thông qua tranh, ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn.
- Giải được một số bài toán thực tiễn liên quan tới phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Cụ thể:

- Thông qua giải các bài toán có lời văn nhằm phát triển khả năng lập luận, năng lực giao tiếp.
- Thông qua các bài tập có một bước tính nhằm nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Sử dụng các ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản nhằm phát triển năng lực giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ, phiếu học tập.
- Nên chuẩn bị hình phóng to để HV nhìn rõ hình ảnh, tranh vẽ; khuyến khích sử dụng máy chiếu.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã được học phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000, do đó trong bài học này cần ôn tập lại các phép tính này (Đối với các phép toán có nhớ, tập trung khai thác các tình huống thực tế liên quan tới hoạt động lao động, sản xuất).
2. Nhấn mạnh các ứng dụng của việc học toán trong đời sống thực tiễn, trong lao động sản xuất.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Viết một phép cộng hoặc phép trừ trong phạm vi 1000 rồi thực hiện đặt tính và tính phép tính đó.)

☞ • GV mời 2 HV lên bảng viết và thực hiện phép tính. Trong trường hợp HV lấy ví dụ phép cộng không nhớ, GV có thể hỏi thêm HV có thể thực hiện đối với phép cộng có nhớ trong phạm vi 1000 hay không?

- Gọi HV khác nhận xét.
- Hỏi cả lớp xem có bao nhiêu em thực hiện được như bạn.

2. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

Bài 3. Tính nhẩm.

☞ • GV dành thời gian để HV thực hành, luyện tập.

- Mời 3 HV làm bài tập trên bảng, các HV còn lại tự làm bài trong vở ghi.
- Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.
- Quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 4. Tìm lỗi sai trong các phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

• Mời đại diện các nhóm trình bày việc phát hiện lỗi sai trong phép tính và phương án sửa lại.

- Các nhóm HV nhận xét chéo nhau và tổng kết các lỗi sai thường gặp phải.

Bài 5. Biết độ cao một số dãy núi ở Việt Nam như sau:

Tên núi	Độ cao
Núi Bà Đen (Tây Ninh)	986 m
Núi Cấm (An Giang)	705 m
Núi Ngự Bình (Thừa Thiên – Huế)	107 m
Núi Sơn Trà (Đà Nẵng)	696 m

- Trong các núi đó, núi nào cao nhất, núi nào thấp nhất?
- Núi Bà Đen cao hơn núi Cấm bao nhiêu mét?
- Núi Ngự Bình thấp hơn núi Sơn Trà bao nhiêu mét?

☞ • GV dành thời gian để HV nghiên cứu, phát hiện vấn đề khi đọc dữ liệu.

• Gọi lần lượt từng HV trả lời các câu hỏi.

• Mời các HV khác nhận xét trả lời của bạn.

• Nhận xét và kết luận.

🗒 a) Núi Bà Đen cao nhất, núi Ngự Bình thấp nhất.

🗒 b) Núi Bà Đen cao hơn núi cấm 281 m.

🗒 c) Núi Ngự Bình thấp hơn núi Sơn Trà 589 m.

4. Vận dụng

Bài 6. Buổi sáng cửa hàng bán được 438 l xăng, buổi chiều cửa hàng bán được 547 l xăng. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng bao nhiêu lít xăng?

Bài 7. Cửa hàng nước ép hoa quả của cô Phương cần nhập về 270 quả dưa nhưng mới nhập được 190 quả. Hỏi cửa hàng đó cần nhập thêm bao nhiêu quả dưa nữa thì đủ số dưa cần nhập?

☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng; mời 2 HV làm bài trên bảng, các HV khác làm bài trong vở ghi.

• Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.

• Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

🗒 Đáp số Bài 6: Buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng 109 l xăng.

🗒 Đáp số Bài 7: Cửa hàng cần nhập thêm 80 quả dưa nữa thì đủ số dưa cần nhập.

Bài 37

TIỀN VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền và bằng cách đọc số hoặc từ ghi trên mỗi đồng tiền (ví dụ: Nhận biết tờ tiền năm trăm nghìn đồng bằng cách đọc từ năm trăm nghìn đồng ghi trên tờ tiền đó).
- Biết sử dụng đổi, đếm tiền trong một số tình huống đơn giản; nêu được một số ý nghĩa căn bản của tiền Việt Nam trong đời sống hằng ngày.
- Biết sử dụng tiền trong việc mua bán, trao đổi; tính tiền chi tiêu, tiền trả lại...

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học. Thông qua sử dụng tiền trong việc mua bán hằng ngày; tăng cường năng lực tính toán, giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tờ tiền các mệnh giá.
- Phiếu học tập, máy chiếu chiếu hình ảnh các loại tiền cũ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã quen sử dụng các loại tiền để mua bán, chi tiêu trong sinh hoạt hằng ngày (chỉ ở mức độ tính nhẩm). GV cần giúp HV có kỹ năng viết và tính toán trên giấy, kỹ năng lựa chọn các đồng tiền với mệnh giá thích hợp để đáp ứng các tình huống trong thực tế sinh hoạt hằng ngày.

2. Cần giới thiệu kịp thời các loại tiền mới phát hành (tờ 200 nghìn đồng, 500 nghìn đồng) để HV làm quen và sử dụng dễ dàng.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Hãy kể tên các tờ tiền Việt Nam)

☞ • GV mời 2 HV kể tên các tờ tiền Việt Nam; giới thiệu các loại tiền, dùng các đồng tiền có sẵn để minh họa.

- Ngoài các tờ tiền đang có, GV mời HV quan sát thêm các tờ tiền trước đó.

2. Hình thành kiến thức

Đây là một số tờ tiền Việt Nam.



☞ • GV mời HV bổ sung thêm các tờ tiền, mệnh giá tiền hiện nay đang lưu hành còn thiếu trên hình ảnh quan sát.

- HV đứng tại chỗ bổ sung thêm các tờ tiền: 5000 đồng; 2000 đồng.
- GV nêu câu hỏi để HV tính tổng số tiền của 2 hàng cuối cùng.

3. Luyện tập

Bài 1. Quan sát các tờ tiền và cho biết các thông tin trên tờ tiền.

☞ • GV tổ chức cho HV thảo luận theo nhóm.

- Mời đại diện các nhóm giới thiệu một loại mệnh giá đồng tiền do GV yêu cầu.

- Các nhóm HV quan sát tờ tiền và ghi thông tin cơ bản ra giấy.
- GV mời các nhóm trình bày sản phẩm.

Bài 2. Chú lợn nào đựng nhiều tiền nhất?

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài.
- Mời 1 HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của bài.
- Nhận xét bài làm của HV.

Bài 3. Trả lời câu hỏi.

a) Số tiền mua 1 quả dưa hấu nhiều hơn số tiền mua 1 khay táo là bao nhiêu nghìn đồng?

b) Cửa hàng đang có chương trình khuyến mãi giảm giá 5 nghìn đồng mỗi khay táo cho khách hàng mua từ 2 khay táo trở lên. Hỏi khi mua 2 khay táo theo chương trình khuyến mãi này, bác Hồng đã tiêu hết bao nhiêu tiền?

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.
- Mời đại diện các nhóm HV trả lời 2 câu hỏi trong đề bài.
- Nhận xét, tổng kết.

🗑 a) Số tiền mua 1 quả dưa hấu nhiều hơn số tiền mua 1 khay táo là 28 nghìn đồng.

🗑 b) Khi mua 2 khay táo theo chương trình khuyến mãi này, bác Hồng đã tiêu hết 20 nghìn đồng.

Bài 4. Chị Hồng mua một chiếc áo hết 120 nghìn đồng, mua một chiếc váy hết 175 nghìn đồng. Chị Hồng đưa cho người bán hàng 500 nghìn đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại chị Hồng bao nhiêu tiền?

- ☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng và hướng dẫn HV giải bài toán.

🗑 Đáp số: Người bán hàng phải trả lại chị Hồng 205 nghìn đồng.

Bài 5. a) Đổi tờ tiền 100 nghìn được bao nhiêu tờ tiền 5 nghìn?

b) Đổi tờ tiền 200 nghìn được bao nhiêu tờ tiền 10 nghìn?

c) Đổi tờ tiền 500 nghìn được bao nhiêu tờ tiền 20 nghìn?

d) Đổi tờ tiền 500 nghìn được bao nhiêu tờ tiền 50 nghìn?

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài.
- Mời 1 HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của bài.
- Nhận xét bài làm của HV.
- ✎ a) Đổi tờ tiền 100 nghìn được 20 tờ tiền 5 nghìn.
- ✎ b) Đổi tờ tiền 200 nghìn được 20 tờ tiền 10 nghìn.
- ✎ c) Đổi tờ tiền 500 nghìn được 25 tờ tiền 20 nghìn.
- ✎ d) Đổi tờ tiền 500 nghìn được 10 tờ tiền 50 nghìn.

Bài 6. Trả lời câu hỏi.

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài.
- Mời 1 HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của bài.
- Nhận xét bài làm của HV.
- ✎ a) Mua 1 lít sữa chua, 1 túi bánh mì phải trả 36 nghìn.
- ✎ b) Người bán hàng phải trả lại Hiền 122 nghìn.

4. Vận dụng

Bài 7. Chị Thu mua vé tàu về quê hết 235 nghìn, xuống ga tàu chị Thu tiếp tục đi xe buýt hết 8 nghìn nữa thì về đến nơi. Hỏi để về đến quê chị Thu đã tiêu hết bao nhiêu tiền vé?

Bài 8. Cửa hàng A bán một chai dầu gội đầu 500 ml giá 82 nghìn đồng, cửa hàng B bán chai dầu gội cùng loại như thế giá 85 nghìn đồng nhưng kèm quà tặng là một chai dầu gội nhỏ 50 ml. Hỏi cửa hàng nào bán rẻ hơn? Tại sao?

☞ • GV tóm tắt đề bài trên bảng; mời 2 HV làm bài trên bảng, các HV khác làm bài trong vở ghi.

- Kịp thời hướng dẫn HV ngay khi có lỗi.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.
- ✎ Đáp số Bài 7: Về đến quê chị Thu đã tiêu hết 243 nghìn tiền vé.
- ✎ Đáp số Bài 8: Cửa hàng B bán rẻ hơn.

Bài 9. Hãy ghi lại những khoản chi tiêu trong ngày hôm qua và tính xem cả ngày đó đã chi tiêu bao nhiêu tiền.

- ☞ • Mỗi HV tự làm bài trong vở ghi.
- Mời một vài HV trả lời kết quả.
- Quan sát, hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 38

THU THẬP, PHÂN LOẠI, KIỂM ĐẾM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

Qua hoạt động quan sát cùng hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi; HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

Đồ vật thật xung quanh lớp học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý tìm cách thức đánh dấu, kiểm đếm phù hợp; không nhất thiết phải đánh dấu như TLH.

2. Số lượng kiểm đếm, loại vật kiểm đếm vừa phải (nhỏ hơn 20).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

(Hãy kiểm đếm những người có sinh nhật vào các tháng trong năm theo hình thức giờ tay và ghi lại kết quả.)







☞ • GV mời 2 HV lên bảng để liệt kê các tháng sinh nhật của HV trong lớp (thực hiện từ tháng 1 đến hết tháng 12).

- Ghi kết quả số lượng người trong các tháng lên bảng.
- Quan sát, hỗ trợ HV trong lớp.

2. Hình thành kiến thức

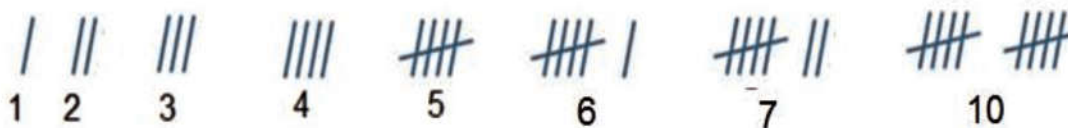
1) Để kiểm đếm sự ưa thích một số môn thể thao như bóng đá, bóng rổ, bóng chày người ta đã kiểm đếm và ghi lại kết quả như sau



Môn thể thao	Kiểm đếm
 Bóng đá	
 Bóng rổ	
 Bóng chày	

- GV yêu cầu HV quan sát tranh, phân loại đồ vật và ghi lại kết quả kiểm đếm.
- Yêu cầu HV đếm loại đồ vật gồm những đồ vật gì.
- Quan sát, hỗ trợ HV kiểm đếm trong TLH bằng ký hiệu gạch sọc.

2) Dùng các ký hiệu sau để kiểm đếm



• GV yêu cầu HV trả lời, ngoài cách kiểm đếm như trên, còn có cách kiểm đếm nào khác.

- Mời HV xung phong nêu các cách kiểm đếm khác.
- GV có thể lựa chọn cách kiểm đếm nào đơn giản nhất, phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Luyện tập

Bài 1. Số?

Bài 2. Kiểm đếm từng loại con vật và ghi lại kết quả (theo mẫu).

Bài 3. a) Kiểm đếm từng loại trái cây và ghi lại kết quả (theo mẫu).

b) Loại trái cây nào nhiều nhất? Loại trái cây nào ít nhất?

☞ • GV dành thời gian để HV tự kiểm đếm theo một cách nào đó, miễn là chính xác.

- Quan sát hỗ trợ HV yếu, kém.

Bài 4. a) Kiểm đếm số ngày nắng, số ngày mưa, số ngày trời nhiều mây và ghi lại kết quả.

b) Nhận xét về số ngày nắng, số ngày mưa trong dự báo trên.

☞ • GV tổ chức để HV sinh hoạt theo nhóm.

• Hướng dẫn các nhóm HV tự phân công bạn kiểm đếm, phân loại, ghi kết quả, giám sát kết quả.

- Hỗ trợ các nhóm còn khó khăn.

☞ Số ngày nắng: 12 ngày; Số ngày mưa 8 ngày; Số ngày trời nhiều mây: 10 ngày.

☞ b) Nhận xét: Số ngày nắng nhiều hơn số ngày mưa trong tháng.

4. Vận dụng

Bài 5. Hỏi các HV trong lớp xem mỗi người đến lớp học XMC bằng phương tiện gì, kiểm đếm, thông báo kết quả và nêu nhận xét.

Bài 6. Hỏi các HV trong lớp xem công việc chính của mỗi người là gì, kiểm đếm, thông báo kết quả và nêu nhận xét.

☞ • GV mời 2 HV lên phía trên bảng để liệt kê số phương tiện HV đi học (số công việc chính của mỗi người).

• Ghi kết quả số lượng phương tiện (số công việc chính) và thông báo chung cho cả lớp.

- Quan sát, hỗ trợ HV trong lớp.

Bài 7. Hãy giúp người bán hàng kiểm đếm số bánh hoặc kẹo trên mỗi khay rồi nêu nhận xét.

☞ • GV tổ chức cho HV sinh hoạt theo nhóm,

- Ghi kết quả số lượng, kiểm đếm số bánh mỳ, số kẹo trên mỗi khay và nhận xét.

- Quan sát, hỗ trợ HV trong lớp.

Bài 39

BIỂU ĐỒ TRANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Đọc và mô tả được các số liệu trên biểu đồ tranh.
- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
- Nhận biết được biểu đồ tranh (biểu thị số liệu kiểm đếm bằng hình ảnh hoặc tranh vẽ theo cột hoặc hàng theo yêu cầu của việc kiểm đếm).
- Bước đầu ứng dụng trong một số tình huống đơn giản.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Cụ thể:

- Qua hoạt động khám phá kiến thức mới từ các tình huống cụ thể, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học.
- Qua sơ đồ, bảng biểu dạng biểu đồ tranh, thảo luận, diễn đạt, mô tả, đọc, nhận xét số liệu trên biểu đồ tranh; HV phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ

Phóng to tranh, bảng biểu, biểu đồ tranh trong TLH; có thể sử dụng CNTT để lập biểu đồ tranh.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý ngoài các ví dụ trong TLH, GV có thể thống kê các đồ vật, màu sắc xung quanh lớp học.
2. Số lượng màu sắc nên nhỏ hơn 5; số lượng các vật kiểm đếm vừa phải.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Khởi động

(Chi sẻ thông tin về một loại biểu đồ tranh bạn biết)




☞ • GV hướng dẫn HV quan sát tranh vẽ và phân loại thành ba màu sắc khác nhau.

- Mời HV sắp xếp thành các nhóm theo tiêu chí cùng màu.

2. Hình thành kiến thức

Đây là một biểu đồ tranh về những chiếc nơ mà Lan kết được.

Những chiếc nơ của Lan

		
Màu đỏ	Màu xanh da trời	Màu vàng

Nhìn vào biểu đồ ta biết:

- Những chiếc nơ mà Lan kết được có 3 màu: Màu đỏ, màu xanh da trời, màu vàng.
- Có 5 chiếc nơ màu đỏ, có 7 chiếc nơ màu xanh da trời, có 4 chiếc nơ màu vàng.
- Những chiếc nơ màu xanh da trời có nhiều nhất, những chiếc nơ màu vàng có ít nhất.

☞ • GV hướng dẫn HV tổng kết và phân loại về màu sắc, số lượng; nhận xét số lượng từng màu.

3. Luyện tập

Bài 1. Nhà Mai có 3 con gà mái đang đẻ trứng. Mai theo dõi số trứng mà 3 con gà mái đẻ được trong một tuần qua biểu đồ sau.

Quan sát biểu đồ trên và trả lời các câu hỏi.

- ☞ • GV tổ chức cho HV sinh hoạt theo nhóm.
- Các nhóm HV quan sát tranh vẽ và ghi kết quả theo hướng dẫn.
- Đại diện các nhóm HV trả lời kết quả, nhận xét chéo nhau.

✎ a) Gà Tam Hoàng đã đẻ được 4 quả trứng.

✎ b) Gà Mơ đã đẻ được 8 quả trứng.

✎ c) Gà Đen đã đẻ được 7 quả trứng.

✎ d) Gà Mơ đẻ được nhiều trứng nhất, gà Tam Hoàng đẻ được ít trứng nhất.

✎ e) Có tất cả 19 quả trứng.

Bài 2. Quan sát biểu đồ tranh sau và trả lời câu hỏi.




- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm vào vở ghi.
 - Hỗ trợ HV yếu, kém.
 - Mời một vài HV đọc kết quả và GV nhận xét bài làm của HV.
- ✎ a) Trong vườn có những loại hoa đang nở là: hồng, cúc, đồng tiền.
- ✎ b) Loại hoa đồng tiền đang nở nhiều nhất.
- ✎ c) Có tất cả 20 bông hoa đang nở.

Bài 3. Quan sát biểu đồ tranh sau và trả lời câu hỏi.

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài vào vở ghi.
 - Hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu, kém.
 - Mời một vài HV đọc kết quả và GV nhận xét bài làm của HV.
- ✎ a) Trên sân có tất cả 19 con gà, ngỗng, vịt.
- ✎ b) Số con gà là nhiều nhất, số con ngỗng là ít nhất.
- ✎ c) Số gà nhiều hơn số vịt là 2 con.

4. Vận dụng

Bài 4. Quan sát biểu đồ sau và nêu nhận xét.

Phương tiện đi làm của học viên lớp A	
Xe máy	
Xe đạp	
Đi bộ	

👉 • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm.

• Các nhóm HV nhận xét biểu đồ, bổ sung (nếu cần thiết).

• GV nhận xét chung.

🗨️ Gọi ý nhận xét:

- Phương tiện đi làm của HV lớp A gồm: xe máy, xe đạp và đi bộ.

- Số lượng HV đi bộ là nhiều nhất, gồm 10 người; số lượng HV đi xe đạp là ít nhất, gồm 6 người.

- Số HV đi xe máy nhiều hơn số HV đi xe đạp là 3 người.

Bài 40

CHẮC CHẮN, CÓ THỂ, KHÔNG THỂ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.

- Ứng dụng giải thích được một số tình huống thực tiễn quen thuộc.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học.

- Qua việc mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra; HV có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Cùng với hoạt động nêu trên, hệ thống các bài tập; HV phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 2.

- Các vật dụng hỗ trợ các thí nghiệm như: bóng, túi bóng, xúc sắc, thẻ ghi số...

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Việc hình thành các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn nên thực hiện bằng thí nghiệm thật, tình huống thật. GV cần chuẩn bị trước để tiến hành thí nghiệm.

2. Các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể là cơ sở ban đầu sau này hoàn thiện các thuật ngữ liên quan tới biến cố, kết quả của phép thử sẽ học trong cấp học cao hơn.

1. Khởi động

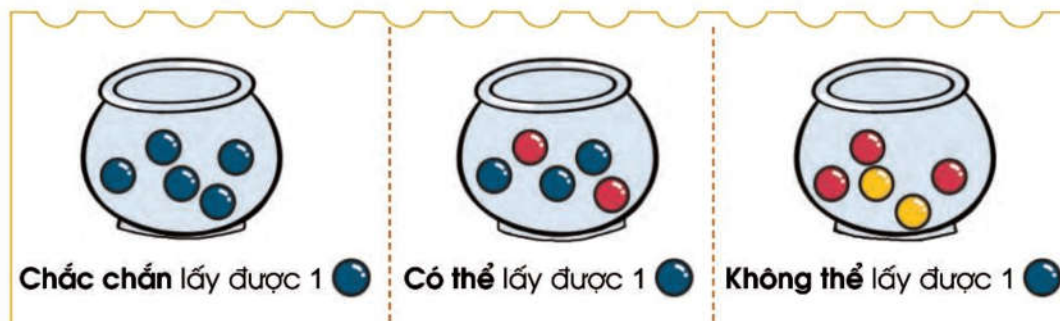
(Thực hiện hoạt động sau:

- *Chuẩn bị một túi kín và một số quả bóng giống nhau màu xanh, đỏ, vàng.*

- *Lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong túi kín và nêu kết quả.).*

- ☞ • GV giới thiệu một số quả bóng có màu sắc trong túi.
- Mời 3 HV lấy ngẫu nhiên và nêu kết quả màu sắc của quả bóng HV đã chọn.
- Hỏi các HV có thể biết được sẽ lấy được quả bóng màu gì không.
- Dẫn dắt tới bài học.

2. Hình thành kiến thức



☞ • Chắc chắn, nghĩa là lấy được quả bóng xanh. Trong lọ kín có 5 quả bóng xanh.

• Có thể, nghĩa là lấy được hoặc không lấy được quả bóng xanh trong lọ kín có cả bóng xanh và bóng đỏ.

• Không thể, nghĩa là sẽ không lấy được bóng xanh trong lọ kín chỉ có bóng đỏ, vàng, không có bóng xanh.

- GV có thể lấy thêm một số tình huống tương tự.

3. Luyện tập

Bài 1. Tìm thẻ ghi từ thích hợp với mỗi hình vẽ.

- ☞ • Từ lý thuyết, GV yêu cầu HV tìm thẻ phù hợp với mỗi hình vẽ.
- GV dành thời gian để HV quan sát các hình vẽ.
- GV hỗ trợ HV yếu, kém thực hiện.

Bài 2. Toàn gieo một con xúc sắc có 6 mặt chấm.

☞ • GV có thể giới thiệu con xúc sắc bằng vật thật, giới thiệu các mặt và số chấm.

- Mời HV trải nghiệm việc gieo con xúc sắc.
- Yêu cầu HV đứng tại chỗ trả lời các đáp án.

🦋 Khả năng số chấm xuất hiện ở trên mặt con xúc sắc:

- a) 4 chấm: A. Có thể.
- b) 8 chấm: C. Không thể.
- c) Ít hơn 6 chấm: B. Chắc chắn.

4. Vận dụng

Bài 3. Có 5 thẻ ghi các số 1, 2, 3, 4, 5. Hãy rút ra một thẻ và đọc số ghi trên thẻ đó.

👉 • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

- Các nhóm tổ chức, thay nhau rút thẻ và đọc số ghi trên thẻ.
- GV hỗ trợ các nhóm thực hiện.

🦋 Khả năng xuất hiện:

- a) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 0: không thể.
- b) Thẻ được rút ra là thẻ ghi số 1: có thể.
- c) Thẻ được rút ra là thẻ ghi một số bé hơn 10: chắc chắn.

Bài 41

ÔN TẬP CUỐI KỲ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV đạt được các yêu cầu sau:*

- Thực hiện ôn tập cho HV ba mảng kiến thức: phép tính trong phạm vi 1000; hình học và một số yếu tố thống kê.
- củng cố ôn tập hệ thống các lý thuyết đã học; thông qua các bài tập cụ thể, củng cố vững chắc nội dung kiến thức đã học để chuẩn bị cho kiểm tra cuối kỳ.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học bao gồm các thành phần cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Chuẩn bị hệ thống ba mảng kiến thức đã học và tổng quát hóa theo sơ đồ (nếu có điều kiện).
- Bảng phụ hỗ trợ; khuyến khích sử dụng máy chiếu để tổng hợp hóa kiến thức.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV tổng kết độc lập 3 mảng kiến thức đã học. Trong mỗi mảng kiến thức nên cấu trúc theo định hướng phát triển nội dung kiến thức hướng đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần.
2. Nếu giao các nhóm về nhà chuẩn bị tổng hợp theo hướng dẫn của GV theo từng mảng kiến thức trước; mời đại diện các nhóm tự trình bày; dành nhiều thời gian cho việc luyện tập, ôn tập, thực hành trên lớp thì hiệu quả hơn.

IV. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC

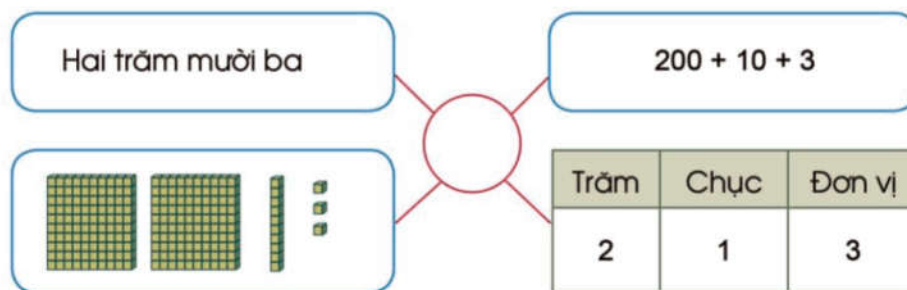
1. Khởi động

- ☞ • GV đưa ra các nhóm vấn đề đã học, tổng kết kiến thức, hệ thống hóa kiến thức cho HV.

- Giao các nhóm HV thực hiện tổng kết, ôn tập chung các mảng kiến thức đã học như: phép cộng, trừ trong phạm vi 1000; hình học và một số yếu tố thống kê đã học.

2. Luyện tập

Bài 1. Số?



- ☞ • GV sử dụng bảng phụ điền khuyết, mời HV quan sát tranh vẽ để làm bài.
- HV đứng tại chỗ trả lời.

Bài 2. Điền dấu (<, >, =) thích hợp vào chỗ chấm.

Bài 3. Viết các số 676; 682; 628; 667 theo thứ tự.

Bài 4. Số?

Bài 5. Đặt tính rồi tính.

- ☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập, ôn tập và củng cố.
- Mời một số HV làm bài trên bảng.
- Quan sát, hỗ trợ các HV yếu, kém.

Bài 6. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và điền khuyết vào ô trống.
- HV quan sát tranh vẽ, làm bài và đứng tại chỗ nêu kết quả.
- GV nhận xét và kết luận.

Bài 7. Quan sát biểu đồ tranh sau.

- ☞ • Dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và trả lời các câu hỏi.
- HV quan sát tranh vẽ, làm bài và đứng tại chỗ nêu kết quả.

- GV nhận xét và kết luận.

🗒️ Trả lời câu hỏi:

- Biểu đồ trên cho ta biết mỗi người uống bao nhiêu cốc nước một ngày.
- Một ngày Khôi uống 7 cốc nước.
- Phước uống nhiều nước nhất? Trâm uống ít nước nhất.

Bài 8. Vào buổi chiều và buổi tối hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian.

🗒️ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và trả lời các câu hỏi.

- HV quan sát tranh vẽ, làm bài và đứng tại chỗ nêu kết quả.
- GV nhận xét và kết luận.

4. Vận dụng

Bài 9. Buổi sáng chị Hằng hái được 176 quả chanh, buổi chiều chị Hằng hái được nhiều hơn buổi sáng 52 quả. Hỏi buổi chiều chị Hằng hái được bao nhiêu quả chanh?

Bài 10. Một bãi đỗ xe ô tô có 325 chỗ đỗ xe ngoài trời, số chỗ đỗ xe trong nhà ít hơn số chỗ đỗ xe ngoài trời 105 chỗ. Hỏi bãi đỗ xe đó có bao nhiêu chỗ đỗ xe trong nhà?

Bài 11. Khu vườn A có 456 cây vải, khu vườn B có ít hơn khu vườn A 172 cây vải. Hỏi khu vườn B có bao nhiêu cây vải?

🗒️ • GV tóm tắt đề bài trên bảng, dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và trả lời các câu hỏi.

- Mời 3 HV làm bài trên bảng.
- Quan sát HV yếu, kèm để kịp thời hỗ trợ.
- Chữa bài của các HV làm trên bảng.

🗒️ Đáp số Bài 9: Buổi chiều chị Hằng hái được 228 quả chanh.

🗒️ Đáp số Bài 10: Bãi đỗ xe đó có 220 chỗ đỗ xe trong nhà.

🗒️ Đáp số Bài 11: Khu vườn B có 284 cây vải.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỦ TOÁN KỲ 2

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

VŨ THỊ THU NGÂN

Vẽ bìa:

VŨ THỊ BÌNH MINH

Sửa bản in:

ĐỖ LÊ UYÊN NHI

Trình bày sách:

PHẠM THỊ LÊ

Chế bản:

PHẠM THỊ LÊ

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19 × 26,5 cm tại Nhà máy in Bộ Quốc phòng,

Địa chỉ: Thôn Lưu Phái – xã Ngũ Hiệp – huyện Thanh Trì – Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/19-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3100/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp
ngày 15 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0241-5

In xong, nộp lưu chiểu Quý IV năm 2023